

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH CNKT KIẾN TRÚC
MÃ NGÀNH 7510101**

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

I.	Đề cương chi tiết các học phần cơ sở ngành – Bắt buộc	4
1.1.	Kiến trúc nhập môn.....	4
1.2.	Cơ sở tạo hình kiến trúc	9
1.3.	Mô hình kiến trúc	17
1.4.	Diễn họa kiến trúc 1	23
1.5.	Diễn họa kiến trúc 2	28
1.6.	Vật lý kiến trúc 1.....	34
1.7.	Vật lý kiến trúc 2.....	40
1.8.	Vẽ kỹ thuật xây dựng	49
1.9.	Vẽ xây dựng trên máy tính.....	55
1.10.	Tin học đồ họa kiến trúc 1	62
1.11.	Tin học đồ họa kiến trúc 2	68
1.12.	Cơ sở văn hóa Việt Nam.....	75
1.13.	Vật liệu xây dựng.....	84
1.14.	Cơ học công trình	84
1.15.	Kết cấu công trình 1.....	84
1.16.	Kỹ thuật thi công I	84
II.	Đề cương chi tiết các học phần chuyên ngành – Bắt buộc.....	85
2.1.	Nguyên lý thiết kế kiến trúc.....	85
2.2.	Kiến trúc công cộng	91
2.3.	Kiến trúc nhà ở.....	96
2.4.	Kiến trúc công nghiệp	102
2.5.	Lịch sử kiến trúc	108
2.6.	Quy hoạch đô thị 1	118
2.7.	Quy hoạch đô thị 2	126
2.8.	Kiến trúc sinh khí hậu	135
2.9.	Cấu tạo Kiến trúc nhà dân dụng.....	142
2.10.	Thiết kế nội thất công trình.....	148
2.11.	Quản lý dự án xây dựng.....	155
2.12.	Đồ án Kiến trúc Công cộng 1	155
2.13.	Đồ án Kiến trúc Nhà ở 1.....	163

2.14.	Đồ án Kiến trúc Công cộng 2	170
Đồ án Kiến trúc công cộng 1		170
2.15.	Đồ án Kiến trúc Nhà ở 2.....	177
2.16.	Đồ án Kiến trúc Công nghiệp.....	184
2.17.	Đồ án Quy hoạch	184
2.18.	Đồ án Kiến trúc tổng hợp	184
2.19.	Đồ án cấu tạo kiến trúc nhà DD	184
2.20.	Vẽ ghi.....	184
2.21.	Chuyên đề kiến trúc bền vững	189
2.22.	Chuyên đề công nghệ mới trong xây dựng.....	189
2.23.	Thực tập nhận thức	189
2.24.	Thực tập họa viên	193
2.25.	Học kỳ doanh nghiệp.....	193
2.26.	Đồ án tốt nghiệp Kiến trúc sư.....	193
III.	Đề cương chi tiết các học phần chuyên ngành – Tự chọn bắt buộc.....	194
3.1.	Mỹ học kiến trúc	194
3.2.	Ngôn ngữ và hình thức kiến trúc	202
3.3.	Tin học đồ họa kiến trúc 3	209
3.4.	Chuyên đề Kiến trúc công nghiệp.....	218
3.5.	Chuyên đề nội thất	226
3.6.	Chuyên đề Mô phỏng trong kiến trúc	233
3.7.	Xã hội học đô thị.....	242
3.8.	Kiến trúc cảnh quan	249
3.9.	Chuyên đề qui hoạch bền vững.....	257
3.10.	Kỹ thuật hạ tầng đô thị	265
3.11.	Thiết bị kỹ thuật trong nhà	273
3.12.	Kết cấu công trình 2.....	273
3.13.	Chuyên đề kết cấu Công trình	273
3.14.	Dự toán xây dựng	273

I. Đề cương chi tiết các học phần cơ sở ngành – Bắt buộc
 1.1. Kiến trúc nhập môn
 ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506217	Tên học phần:	Kiến trúc nhập môn
	Tên tiếng Anh:	Introduction to Architecture
2. Số tín chỉ:	1	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Bài tập (BT):	00 tiết	
Tự học (TH):	30 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. KTS. Phan Tiến Vinh	
Giảng viên 2	ThS. KTS. Võ Thị Vỹ Phương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:		
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành - bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Kiến trúc nhập môn trang bị cho sinh viên những hiểu biết ban đầu về các khía cạnh cơ bản của kiến trúc và nghề kiến trúc nhằm đạt được mục đích ý nghĩa là “Nhập môn” cho sinh viên ngành CNKT Kiến trúc.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Đặc điểm môn học, Phương pháp học tập chuyên ngành kiến trúc; Khái niệm chung về Kiến trúc; Mô tả công trình; Thước đo kiến trúc; Kích thước kiến trúc; Vai trò và Chương trình đào tạo Kiến trúc sư.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu được phương pháp học tập chuyên ngành kiến trúc - Nêu và giải thích được: định nghĩa, yếu tố tạo thành, đặc điểm và yêu cầu của Kiến trúc; các bộ phận của công trình; phân loại và phân cấp công trình; khái niệm về thước đo và kích thước kiến trúc. - Nêu và giải thích được Vai trò của Kiến trúc sư.
Kỹ năng	- Có khả năng thể hiện bằng tay “Tuyển hoạ kiến trúc”. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học và áp dụng để học các học phần tiếp theo.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Hiểu và góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho SV. - Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nêu được phương pháp học tập chuyên ngành kiến trúc; Nêu và giải thích được định nghĩa, yếu tố tạo thành, đặc điểm và yêu cầu của Kiến trúc; Nêu được tên các bộ phận của công trình; Nêu và giải thích được các khái niệm về thước đo và kích thước kiến trúc; Nêu được các nội dung công việc, vai trò của Kiến trúc sư trong hoạt động nghề nghiệp.	Nhớ - Hiểu	PI 2.2
CLO 2	Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số vấn đề trong lĩnh vực kiến trúc.	Vận dụng	PI 1.2
CLO 3	Vận dụng các kiến thức đã học để thể hiện “Tuyển hoạ kiến trúc”.	Vận dụng	PI 7.1
CLO 4	Đánh giá được vai trò, trách nhiệm của Kiến trúc sư đối với công việc và cộng đồng.	Đánh giá	PI 12.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1		I	I									
CLO 2	R											
CLO 3							R, A					
CLO 4												R, A
Tổng hợp	R	I					R, A					R, A

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 8 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Bài 1: Mở đầu 1. Mục đích của môn học 2. Giới hạn của môn học	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu	<i>Trên lớp:</i> + Nghe giảng	CLO1, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	3. Phương pháp học tập chuyên ngành kiến trúc 4. Hướng dẫn thực hiện “Tuyển họa Kiến trúc nhập môn”		+ Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	+ Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Khái niệm chung về Kiến trúc”	
2,3	Bài 2: Khái niệm chung về Kiến trúc 1. Định nghĩa Kiến trúc 2. Yếu tố tạo thành Kiến trúc 3. Đặc điểm Kiến trúc 4. Yêu cầu của Kiến trúc 5. Không gian công năng	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Mô tả công trình” + Thực hiện “Tuyển họa”	CLO1, CLO2, CLO3
4	Bài 3: Mô tả công trình 1. Các bộ phận nhà 2. Cấu tạo và kết cấu công trình 3. Phân loại và phân cấp công trình	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Thước đo kiến trúc” + Thực hiện “Tuyển họa”	CLO1, CLO2, CLO3
5	Bài 4: Thước đo kiến trúc 1. Giới thiệu đơn vị đo 2. Thước tâm của người thợ cả VN 3. Tỷ lệ trong kiến trúc 4. Đơn vị đo Mét	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Kích thước kiến trúc”	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Thực hiện “Tuyển họa”	
6	Bài 5: Kích thước kiến trúc 1. Nguyên tắc căn bản 2. Các đơn vị kích thước cơ bản 3. Tiêu chuẩn quy phạm	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Vai trò và chương trình đào tạo Kiến trúc sư” + Thực hiện “Tuyển họa”	CLO1, CLO2, CLO3
7,8	Bài 6: Vai trò và chương trình đào tạo Kiến trúc sư 1. Vai trò của Kiến trúc sư 2. Chương trình đào tạo Kiến trúc sư	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Thực hiện “Tuyển họa”	CLO3, CLO4
Tuần thi học kỳ	Thi kết thúc học phần (hoặc Tiểu luận)			+ Bài thi tự luận (hoặc Tiểu Luận)	CLO1, CLO2, CLO4

13. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	CLO1, CLO2	Mỗi buổi học	Đánh giá chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	Tiêu chí 1	10%
Tuyển họa Kiến trúc nhập môn	Sinh viên được giao nhiệm vụ thực hiện	CLO3	Nộp bài trước khi thi cuối kỳ (hoặc nộp cùng với Tiểu luận)	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO4	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	60%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
(một trong hai hình thức)	Tiểu luận	CLO1, CLO2, CLO4	Nộp vào tuần học thứ 15	Đánh giá Tiểu luận	Tiêu chí 3	

Tiêu chí 1 – Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo - “Tuyển họa Kiến trúc nhập môn”

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp và thành phần Tuyển họa	Không nộp Tuyển họa.	Có nộp. Tuyển họa đủ 60% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Tuyển họa đủ 80% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Tuyển họa đủ 100% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Tuyển họa đủ 100% thành phần nội dung được giao.	20%
Trình bày Tuyển họa	Không có Tuyển họa	Tuyển họa trình bày không yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong Tuyển họa không phù hợp.	Tuyển họa trình bày đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong (bố cục, đường nét, màu sắc) rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày.	Tuyển họa trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc), Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong Tuyển họa rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Tuyển họa trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong Tuyển họa rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	40%
Nội dung Tuyển họa	Không có Tuyển họa	Nội dung Tuyển họa không đầy đủ, một số không đúng	Nội dung Tuyển họa đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung Tuyển họa đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ	Nội dung Tuyển họa đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Hình ảnh chi tiết	40%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		theo yêu cầu nhiệm vụ.	nhưng chưa hợp lý.	vụ. Hình ảnh đúng, rõ ràng.	và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	

14. Tài liệu học tập

14.1. Sách, giáo trình chính:

- Nội dung bài giảng môn Kiến trúc nhập môn (do GV biên soạn).

14.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Thiềm, Kiến trúc nhập môn, Nhà xuất bản KH&KT Hà Nội, 1999.
2. Nguyễn Hữu Trí, Kiến trúc nhập môn, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2004.
3. Tạ Trường Xuân, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, NXB Xây dựng, Hà Nội 2014.

15. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện Tuyển họa Kiến trúc nhập môn đúng quy định. Tuyển họa Kiến trúc nhập môn phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Phan Tiến Vinh

1.2. Cơ sở tạo hình kiến trúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5505208	Tên học phần:	Cơ sở tạo hình Kiến trúc
	Tên tiếng Anh:	Architecture Facilities Graphic
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	26 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	04 tiết	
Tự học (TH):	56 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Đinh Nam Đức	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thị Kim Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Cơ sở tạo hình Kiến trúc là môn học cơ sở ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bố cục tạo hình trong thiết kế kiến trúc và khả năng vận dụng các phương pháp tư duy, ứng dụng không gian kiến trúc, trong thiết kế các công trình kiến trúc cụ thể.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Các quy luật về thị giác; Khái niệm về điểm, đường, diện, khối, mảng, không gian; Nguyên lý tạo hình trong Kiến trúc và Quy luật về ánh sáng, màu sắc và chất liệu trong tạo hình Kiến trúc.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích các quy luật thị giác. - Nêu và giải thích các khái niệm về điểm, đường, diện, khối, mảng và không gian. - Nêu và giải thích các lý thuyết cơ bản về tổ hợp Kiến trúc và các quy luật về ánh sáng, màu sắc.
Kỹ năng	- Tư duy tổng hợp những kiến thức, kỹ năng đã học áp dụng trong thiết kế các công trình kiến trúc.

Mục tiêu	Mô tả
	- Thiết kế bố cục các công trình kiến trúc cụ thể (tổ hợp khối trên tổng mặt bằng, tạo hình khối giữa các mặt bằng và vận dụng các quy luật trong thiết kế mặt đứng công trình).
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho sinh viên. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học và ngành học. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên. - Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời...

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Áp dụng được các nguyên lý trong tạo hình kiến trúc để giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường trong lĩnh vực kiến trúc.	Áp dụng	PI 1.2
CLO 2	Áp dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học tự nhiên liên quan đến cơ sở và bố cục tạo hình để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiến trúc.	Áp dụng	PI 2.1
CLO 3	Phân tích được cơ sở bố cục tạo hình trong thiết kế kiến trúc của các công trình khác nhau.	Phân tích	PI 3.1
CLO 4	Minh họa được ý tưởng bằng hình ảnh trong môi trường kỹ thuật và phi kỹ thuật.	Áp dụng	PI 7.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	R											
CLO 2		I										
CLO 3			R									
CLO 4							I					
Tổng hợp	R	I	R	-	-	-	I	-	-	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2, 3	CHƯƠNG I: NHỮNG QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA NHẬN THỨC THỊ GIÁC 1.1. Lực thị giác 1.2. Cường độ lực thị giác 1.3. Cấu trúc ẩn của thị giác trên mặt phẳng 1.4. Trường nhìn của mắt 1.5. Cân bằng thị giác 1.6. Hình dạng thị giác 1.7. Chuyển động thị giác	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các lý thuyết về thị giác	C1
4, 5, 6	CHƯƠNG II: ĐIỂM, NÉT, DIỆN 2.1. Các thành phần trong ngôn ngữ tạo hình kiến trúc 2.2. Điểm 2.3. Đường nét 2.4. Diện (hình phẳng)	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các lý thuyết điểm, nét, diện	C1 C2
7, 8, 9	CHƯƠNG III: KHỐI VÀ KHÔNG GIAN 3.1. Những khái niệm cơ bản 3.2. Khối đa diện đều (Platon) 3.3. Khối đa diện bán đều (Archimède) 3.4. Không gian trong tạo hình 3.5. Cấu trúc lập thể	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các lý thuyết khối và không gian	C1 C2
10	Bài tập nhóm số 1	0-2			C2
11, 12, 13, 14	CHƯƠNG IV: CƠ SỞ THIẾT KẾ BỐ CỤC TẠO HÌNH KIẾN TRÚC 4.1. Tỷ lệ trong tạo hình Kiến trúc 4.2. Nhịp điệu trong tạo hình Kiến trúc 4.3. Tương phản, vi biến 4.4. Thống nhất, đa dạng	8-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các lý thuyết bố cục tạo hình kiến trúc	C2 C3 C4
15	Bài tập nhóm số 2	0-2			C3 C4
Tuần thi HK	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1 C2 C3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
10	Bài tập nhóm: <i>Tạo hình các khối đa diện</i> - Sinh viên được thông báo trước nội dung hoạt động nhóm trong tuần 8.

Tuần	Nội dung hoạt động
	- Sinh viên tự hình thành nhóm từ 3-5 em (tùy vào sĩ số lớp học phần) để thảo luận và làm bài tập theo nhóm trực tiếp tại buổi học của tuần 10.
10-15	Bài tập nhóm: <i>Phân tích cơ sở bố cục tạo hình của một công trình kiến trúc tại TP Đà Nẵng</i> - Sinh viên được thông báo trước nội dung bài tập nhóm vào tuần 10. - Sinh viên tự hình thành nhóm từ 3-5 em (tùy vào sĩ số lớp học phần); sau đó chọn công trình, đi chụp hình hiện trạng, phân tích công trình theo các kiến thức đã học. - Vào tuần 15, các nhóm sẽ lần lượt báo cáo về công trình nhóm đã chọn.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập nhóm số 1	Bài tập tạo hình kiến trúc	C2	Tuần 10	Đánh giá bài tập nhóm	Rubric 1	20%
Bài tập nhóm số 2	Bài tập phân tích cơ sở bố cục tạo hình kiến trúc	C3, C4	Tuần 15	Đánh giá bài tập nhóm	Rubric 2	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C1, C2, C3	Tuần thi cuối kì	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Rubric 1 – Bài tập nhóm số 1

Nội dung bài tập: Sử dụng 02 tờ giấy A3 được giảng viên phát vào đầu buổi, các nhóm sinh viên cắt, dán để hình thành các khối đa diện đều & bán đều

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Số lượng mặt đa diện	Ít hơn 20 mặt đa diện	Tối thiểu 20 mặt đa diện	Tối thiểu 30 mặt đa diện	Tối thiểu 40 mặt đa diện	Tối thiểu 50 mặt đa diện	40%
Chất lượng các khối đa diện	Sai hình dạng của khối đa diện muốn thực hiện. Các mép đa diện được dán không chắc chắn, có lộ đầu nối.	Khối đa diện có hình dạng không cân đối, sai tỉ lệ giữa các mặt. Các mép đa diện được dán không chắc chắn, có lộ đầu nối.	Khối đa diện có hình dạng chưa cân đối, tỉ lệ giữa các mặt có sai sót nhỏ. Các mép đa diện được dán không chắc chắn, có lộ đầu nối.	Khối đa diện có hình dạng cân đối, đúng tỉ lệ giữa các mặt. Các mép đa diện được dán không chắc chắn, có lộ đầu nối.	Khối đa diện có hình dạng cân đối, đúng tỉ lệ giữa các mặt. Các mép đa diện được dán chắc chắn, không lộ đầu nối.	40%
Thái độ làm việc nhóm	Nhóm thiếu trật tự trong quá trình làm việc, làm ảnh hưởng đến các nhóm khác, bị giáo viên nhắc nhở từ 2 lần trở lên.	Nhóm thiếu trật tự trong quá trình làm việc, làm ảnh hưởng đến các nhóm khác, bị giáo viên nhắc nhở 1 lần.	Nhóm thiếu trật tự trong quá trình làm việc, nhưng không làm ảnh hưởng đến các nhóm khác, bị giáo viên nhắc nhở từ 2 lần trở lên.	Nhóm thiếu trật tự trong quá trình làm việc, nhưng không làm ảnh hưởng đến các nhóm khác, bị giáo viên nhắc nhở 1 lần.	Nhóm trật tự trong quá trình làm việc, không làm ảnh hưởng đến các nhóm khác.	20%

Rubric 2 – Bài tập nhóm số 2

Nội dung bài tập: Phân tích cơ sở bố cục tạo hình của một công trình kiến trúc tại TP Đà Nẵng

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Nội dung báo cáo đúng dưới 40% các cơ sở bố cục tạo hình của công trình.	Nội dung báo cáo đúng 40% các cơ sở bố cục tạo hình của công trình.	Nội dung báo cáo đúng 60% các cơ sở bố cục tạo hình của công trình.	Nội dung báo cáo đúng 80% các cơ sở bố cục tạo hình của công trình.	Nội dung báo cáo đúng 100% các cơ sở bố cục tạo hình của công trình.	50%
Hình thức trình bày báo cáo	Slide trình bày cẩu thả, không đầy đủ thông tin.	Slide trình bày hơi thừa hoặc thiếu thông tin. SV báo cáo không rõ ràng	Slide trình bày đẹp, hơi thừa hoặc thiếu thông tin. SV báo cáo chưa rõ ràng, liền mạch.	Slide trình bày đẹp, vừa đầy đủ thông tin. SV báo cáo chưa rõ ràng, liền mạch.	Slide trình bày đẹp, vừa đầy đủ thông tin. SV báo cáo rõ ràng, liền mạch.	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Phản biện & Trả lời câu hỏi	Không thể phản hồi khi nhận phản biện và câu hỏi	Hơi lúng túng khi nhận phản biện và trả lời câu hỏi, nhưng có phản hồi	Phản hồi gần đúng các phản biện và câu hỏi	Phản hồi đúng, nhưng chưa rõ ràng và đầy đủ các phản biện và câu hỏi	Phản hồi đúng, rõ ràng và đầy đủ các phản biện và câu hỏi	20%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Bài giảng môn Cơ sở tạo hình Kiến trúc (do GV biên soạn).

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Architecture Form, Space and Order*, Francis DK.Ching, New York, 2003
- *Cơ sở tạo hình Kiến trúc*, Đặng Đức Quang, NXB. xây dựng Hà Nội, 1999.
- *Cơ sở tạo hình Kiến trúc*, Võ Đình Diệp, NXB. Xây dựng, 2001.
- *Design thị giác*, Nguyễn Luận, NXB. Mỹ thuật Hà Nội, 1990.
- *Hình học trong Kiến trúc*, Đoàn Như Kim, NXB. Xây dựng, 2005.
- *Tư duy và tổ hợp Kiến trúc*, Đặng Thái Hoàng, Tái bản NXB. Xây dựng, 2020.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Võ Phương

TS. Đinh Nam Đức

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506208	Tên học phần:	Mô hình kiến trúc
	Tên tiếng Anh:	Architecture Models
2. Số tín chỉ:	1	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	05 tiết	
Bài tập, thực hành (BT):	10 tiết	
Tự học (TH):	30 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thị Kim Anh	
Giảng viên 2	TS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Cơ sở tạo hình Kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Mô hình Kiến trúc là đồ án mô phỏng hình thái Kiến trúc bằng phương pháp Mô hình, được thực hiện bằng cách vận dụng các nguyên lý cơ bản về bố cục tạo hình, tổ hợp khối trong tạo hình Kiến trúc, giúp sinh viên cụ thể hóa, hiểu rõ và hoàn toàn có thể kiểm soát phương án thiết kế của mình. Do đó để đạt được kết quả tốt nhất trong thiết kế, việc làm mô hình nhằm đáp ứng việc thay đổi, chỉnh sửa phương án thiết kế và thể hiện ý tưởng bằng nhiều phương pháp khác nhau trong suốt quá trình thực hiện đồ án.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ về ý nghĩa của các loại mô hình kiến trúc. - Nêu và giải thích các quy luật về bố cục tạo hình. - Hiểu rõ về các lựa chọn vật liệu, kỹ thuật thực hiện mô hình kiến trúc - Nêu và giải thích các trình tự thực hiện mô hình, từ sa bàn cho đến mô hình hoàn thiện

Mục tiêu	Mô tả
Kỹ năng	- Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện mô hình bố cục, tổ hợp khối - Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện mô hình của công trình Kiến trúc cụ thể. - Khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học.
Thái độ	- Góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho sinh viên. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học và ngành học. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên. - Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời...

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng các kiến thức các nguyên lý bố cục tạo hình trong mô hình kiến trúc	Vận dụng	PI 3.1
CLO 2	Áp dụng được các nguyên lý bố cục tạo hình để thực hiện mô hình tổ hợp khối trên sa bàn	Áp dụng	PI 2.1
CLO 3	Trình bày quy trình thực hiện mô hình công trình kiến trúc khác nhau	Phân tích	PI 3.1
CLO 4	Thể hiện được ý tưởng công trình kiến trúc bằng mô hình	Áp dụng	PI 7.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			R									
CLO 2		I										
CLO 3			R									
CLO 4							R					
Tổng hợp		I	R				R					

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ (thực hành)/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1. Tổng quan chung về thiết lập mô hình kiến trúc <u>Mô hình kiến trúc là gì ?</u> 1.1 Lịch sử 1.2 Mục đích 1.3 Lợi ích chính của việc thiết lập mô hình kiến trúc 1.4 Mô hình kiến trúc trong việc bảo tồn công trình lịch sử Phân loại mô hình kiến trúc 1.5 Mô hình ngoại thất	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các lý thuyết về phân loại , xác định mục tiêu mô hình	C1

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	1.6 Mô hình nội thất 1.7 Mô hình thiết kế cảnh quan 1.8 Mô hình đô thị 1.9 Mô hình kỹ thuật và xây dựng Xác định mục tiêu lập mô hình kiến trúc 1.10 Xác định quy mô công trình 1.11 Xác định tỷ lệ mô hình kiến trúc 1.12 Xác định sa bàn mô hình				
3, 4	Chương 2. Bố cục tạo hình mô hình kiến trúc Bố cục tạo hình là gì? 2.1 Định nghĩa 2.2 Tầm quan trọng của bố cục tạo hình trong mô hình kiến trúc Nguyên lý bố cục tạo hình cơ bản 2.3 Bố cục cân bằng trong thiết kế 2.4 Cân bằng đối xứng 2.5 Cân bằng không đối xứng 2.6 Bố cục tương phản 2.7 Bố cục vận luật nhịp điệu 2.8 Bố cục chuyển động 2.9 Bố cục nhấn mạnh 2.10 Bố cục đồng nhất 2.11 Bố cục dòng chảy thị giác, dẫn dắt ý tưởng 2.12 Bố cục tự do	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các nguyên lý bố cục tạo hình	C1 C2 C4
7	Thực hành 1: Tiểu luận (theo nhóm) Vận dụng các lý thuyết đã học hãy phân tích, đánh giá và chia sẻ cách thức lựa chọn vật liệu, phương pháp thể hiện mô hình của các công trình kiến trúc được thiết kế bởi các kiến trúc sư nổi tiếng. Sinh viên có thể nêu sơ lược về tiểu sử của kiến trúc sư đó cũng như quá trình hình thành và ý nghĩa của công trình kiến trúc.	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Thảo luận nhóm + Vấn đáp tại lớp	C1 C2 C3 C4
8, 9, 10	Chương 4. Trình tự và các kỹ năng thực hành mô hình kiến trúc Lựa chọn tỷ lệ mô hình kiến trúc Sa bàn mô hình kiến trúc 4.1 Lựa chọn vật liệu làm sa bàn 4.2 Tính toán tỉ lệ cần thiết 4.3 Dựng khung mô hình Bố cục tạo hình trong mô hình kiến trúc 4.4 Xác định trọng tâm của mô hình 4.5 Quy mô và cấp bậc 4.6 Cân bằng các yếu tố Vật liệu, dụng cụ và phụ kiện làm mô hình kiến trúc 4.7 Giới thiệu một số vật liệu làm mô hình kiến trúc	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu thêm các kỹ năng khác trong thực hành mô hình kiến trúc	C2 C3 C4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	4.8 Lựa chọn vật liệu làm mô hình kiến trúc 4.9 Một số vật liệu cơ bản 4.10 Một số loại máy chuyên dụng làm mô hình kiến trúc 4.11 Phụ kiện mô hình Hướng dẫn làm phụ kiện mô hình Mô hình kiến trúc từ vật liệu giấy các loại 4.12 Giới thiệu mô hình kiến trúc từ các loại giấy 4.13 Hướng dẫn làm mô hình kiến trúc từ giấy Mô hình kiến trúc từ vật liệu bìa xốp, bọt 4.14 Mô hình kiến trúc từ bìa xốp styrofoam 4.15 Mô hình kiến trúc từ bọt polystyrene Mô hình kiến trúc từ thanh gỗ, ván ép Mô hình kiến trúc từ vật liệu vải				
11,12, 13	Thực hành 2: Mô hình bố cục tạo hình (theo nhóm) <i>Đề số 1:</i> Từ khối đơn giản như khối hộp, khối lăng trụ, khối cầu và khối hình chóp nón tạo thành bố cục theo quy luật đã được học lý thuyết trên sa bàn. <i>Đề số 2:</i> Vận dụng các lý thuyết chuyển đổi khối đa diện cơ bản như khối hộp, khối lăng trụ, khối cầu và khối hình nón, sang có khối có hình thái khác (có thể thêm hoặc bớt khối) tạo thành bố cục theo quy luật đã được học lý thuyết trên sa bàn.	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Thực hành tại lớp theo nhóm + Thuyết trình ý tưởng theo nhóm + Vấn đáp	C1 C2 C3 C4
14, 15	Thực hành 3: Mô hình công trình kiến trúc có quy mô nhỏ (cá nhân) Sinh viên chọn một trong hai công trình của đồ án kiến trúc công cộng 01 (quán hoa hoặc quán giải khát) và sử dụng thiết kế của đồ án để làm mô hình .	0-4	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Thực hành tại lớp + Thuyết trình ý tưởng + Vấn đáp	C1 C2 C3 C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-7	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân		Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Đánh giá bài thực hành	Thực hành 1: Tiểu luận	C1 C3 C4	Tuần 7	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	30%
	Thực hành 2: Mô hình bố cục tạo hình, tổ hợp khối	C1 C3 C4	Tuần 14	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	30%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
	Thực hành 3: Mô hình công trình kiến trúc cụ thể	C2 C3 C4	Tuần 15	Báo cáo cá nhân	Vấn đáp	30%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, đạt thẩm mỹ cao.	50%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Bài giảng môn *Mô hình Kiến trúc* (do GV biên soạn).

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Design thị giác*, Nguyễn Luận, NXB. Mỹ thuật Hà Nội, 1990.
- *Cơ sở tạo hình kiến trúc*, Đặng Đức Quang, NXB. Hà Nội, 1999.
- *Hình học trong kiến trúc*, Đoàn Như Kim, NXB. Xây dựng, 2005.
- *Cơ sở tạo hình kiến trúc*, Võ Đình Diệp, NXB. Xây dựng, 2001.
- *Architecture Form, Space and Order*, Francis DK.Ching, New York, 2003.
- *Tư duy và tổ hợp Kiến trúc*, Đặng Thái Hoàng, Tái bản NXB. Xây dựng, 2020.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập cá nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;

- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Phó Trưởng Khoa

Phó Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

ThS. Lê Thị Kim Anh

1.4. Diễn họa kiến trúc 1

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506209	Tên học phần:	Diễn họa Kiến trúc 1
	Tên tiếng Anh:	Architectural Illustration 1
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Bài tập, thực hành (BT):	30 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thị Kim Anh	
Giảng viên 2	ThS. KTS. Võ Thị Vy Phương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:		
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Diễn họa Kiến trúc 1 là môn học cơ sở, nhằm trang bị kiến thức cơ bản về thiết lập bản vẽ kỹ thuật kiến trúc và minh họa ý tưởng thiết kế công trình kiến trúc thông qua cách diễn đạt bởi các phương pháp thể hiện bản vẽ bằng bút chì, bút lông, bút kim, bút sắt, màu nước hoặc các vật liệu khác.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Kỹ thuật diễn họa bằng chì đen, chì màu, bút kim, bút lông, cọ vẽ; Trình tự các bước thể hiện Diễn họa trong Kiến trúc; Các dạng bố cục cơ bản trong Diễn họa Kiến trúc; Phương pháp thực hành diễn họa trong Kiến trúc.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nắm vững kỹ thuật diễn họa bằng chì, bút kim và màu nước và các phương pháp diễn họa Kiến trúc - Hiểu rõ các trình tự thể hiện diễn họa. - Nêu và giải thích các dạng bố cục cơ bản trong diễn họa Kiến trúc.
Kỹ năng	- Sử dụng các phương tiện, công cụ thể hiện kiến trúc thành thạo. - Thực hiện các bài tập diễn họa trên cơ sở có sáng tạo.
Thái độ	- Hiểu và góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho sinh viên. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên. - Khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời...

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng các kỹ thuật Diễn họa Kiến trúc	Vận dụng	PI 2.1
CLO 2	Áp dụng các dạng bố cục bản vẽ Đồ án Kiến trúc	Áp dụng	PI 2.2
CLO 3	Trình bày các phương pháp diễn họa mới	Trình bày	PI 5.2
CLO 4	Thể hiện được ý tưởng công trình kiến trúc bằng các phương pháp Diễn họa đồ án Kiến trúc	Thể hiện	PI 7.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1												
CLO 2		I										
CLO 3		R			I							
CLO 4							R					
Tổng hợp		R			I		R					

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ (thực hành)/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương 1. Giới thiệu học cụ 1.1 Giới thiệu các dụng cụ cần thiết 1.2 Cách sử dụng bút chì, tẩy, thước và các phương tiện thể hiện	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà:	C1 C2

	1.3 Giới thiệu các kiểu chữ thông thường và phạm vi ứng dụng 1.4 Các loại nét trong kiến trúc và ứng dụng 1.5 Các tiêu chuẩn, quy định, quy ước thành lập bản vẽ			+ Xem thêm các vật liệu khác	
2,3, 4	Chương 2. Kỹ thuật diễn họa bằng chì đen, chì màu, bút kim, bút lông, cọ vẽ 2.1 Kỹ thuật vẽ chì 2.2 Kỹ thuật vẽ bút kim, bút sắt 2.3 Kỹ thuật vẽ mực bằng bút lông, cọ vẽ 2.4 Kỹ thuật vẽ màu nước	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C1 C2 C3
5	Chương 3. Trình tự các bước thể hiện Diễn họa trong Kiến trúc 3.1 Dụng bút chì 3.2 Thể hiện bút kim 3.3 Các bước thể hiện màu nước	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C1 C2 C3 C4
6	Chương 4. Các dạng bố cục cơ bản trong Diễn họa Kiến trúc 4.1 Bố cục đứng âm bản 4.2 Bố cục ngang âm bản 4.3 Bố cục dẫn dắt ý tưởng 4.4 Bố cục khoảng trống, nhấn phối cảnh, tạo chiều sâu không gian 4.5 Bố cục khoảng âm bản 4.6 Bố cục tự do 4.7 Bố cục có khoảng trống 4.8 Bố cục dùng mảng đậm ở chân đế	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C2 C3 C4
7	Thực hành 1: Tuyển họa dạng bố cục trong diễn họa kiến trúc	0-1	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành	C2 C3 C4
8,9	Chương 5. Thể hiện Diễn họa cây, người, xe, vật liệu 5.1 Diễn họa cây 5.2 Diễn họa người 5.3 Diễn họa vật liệu 5.4 Diễn họa các phương tiện giao thông	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C1 C2 C3 C4
10	Thực hành 2: Thực hiện diễn họa cây trên mặt bằng, mặt đứng	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C2 C3 C4
11	Thực hành 3: Thực hiện diễn họa vật liệu	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Làm bài tập	C2 C3 C4

			+ Giải quyết bài tập	Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	
12	Thực hành 4: Thực hiện diễn họa người và phương tiện giao thông trên mặt bằng, mặt đứng	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C2 C3 C4
13	Chương 6. Tham khảo các bài mẫu thực hành 6.1 Diễn họa nhà ở 6.2 Diễn họa công trình công cộng	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A4	C2 C3 C4
14,15	Thực hành 5: Bài tập tổng hợp Diễn họa cây xanh, vật liệu, người, phương tiện giao thông trên mặt bằng, mặt đứng của công trình cụ thể	0-5	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa trên giấy canson A3	C2 C3 C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
7	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
10,11,12	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân		Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Đánh giá bài thực hành	Thực hành 1: Tuyển họa dạng bố cục trong diễn họa kiến trúc	C2 C3 C4	Tuần 7	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	10%
	Thực hành 2: Diễn họa cây trên mặt bằng, mặt đứng	C2 C3 C4	Tuần 10	Báo cáo cá nhân	Tiêu chí 1	15%
	Thực hành 3: Diễn họa vật liệu	C2 C3 C4	Tuần 11	Báo cáo cá nhân	Tiêu chí 1	15%
	Thực hành 4: Diễn họa người và phương tiện giao thông trên mặt bằng, mặt đứng	C1 C2 C3 C4	Tuần 12	Báo cáo cá nhân	Tiêu chí 1	20%
Đánh giá cuối kỳ	Thực hành 5: Bài tập tổng hợp		Tuần 14,15	Báo cáo cá nhân	Vấn đáp	30%

	Diễn họa cây xanh, vật liệu, người, phương tiện giao thông trên mặt bằng, mặt đứng của công trình cụ thể					
--	--	--	--	--	--	--

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, đạt thẩm mỹ cao.	50%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Sách Diễn họa Kiến trúc, ThS. KTS Lê Thị Kim Anh, NXB. Hội Nhà văn, 2018

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Phối cảnh Kiến trúc*, Đại học Kiến trúc Tp. Hồ Chí Minh, 1988.

- *Diễn họa Kiến trúc*, Philip Crowe, NXB. Xây dựng, 1996.

- *Architectural Studies*, Richard F. Koplak, NXB. McGraw Hill, 1993.

- *Architectural Rendering*, Albert O. Hasle, NXB. McGraw Hill, 1960.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;

- Sinh viên phải làm và nộp bài tập cá nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;

- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Phó Trưởng Khoa

Phó Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

ThS. Lê Thị Kim Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5505048	Tên học phần:	Diễn họa kiến trúc 2
	Tên tiếng Anh:	Architectural representation 2
2. Số tín chỉ:	1 (0.5-0.5)	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	8 tiết	
Bài tập (BT):	15 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	30 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS.KTS Võ Thị Vỹ Phương	
Giảng viên 2	ThS.KTS Lê Thị Kim Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Diễn họa kiến trúc 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Diễn họa kiến trúc nói chung là nghệ thuật trình diễn các công trình kiến trúc bằng phương pháp ứng dụng hội họa. Học phần Diễn họa kiến trúc 2 là học phần học sau của học phần Diễn họa kiến trúc 1, cung cấp các kiến thức về bố cục trình bày, tổ chức màu sắc cho quá trình thiết lập bản vẽ công trình kiến trúc để có một bản vẽ hoàn chỉnh.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nắm vững các kỹ thuật diễn họa bản vẽ tổng thể: về bố cục, trang trí, dùng màu sắc để thể hiện được ý đồ sáng tác. Hiểu rõ các trình tự thực hiện diễn họa.
Kỹ năng	- Có kỹ năng trình diễn bản vẽ công trình kiến trúc một cách hoàn chỉnh - Có khả năng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng được học áp dụng trong việc trình bày các bản vẽ kiến trúc chuyên ngành và trong các thiết kế kiến trúc

Mục tiêu	Mô tả
	Sử dụng các phương tiện, công cụ thể hiện kiến trúc thành thạo.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. - Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời... - Có kỹ năng làm việc nhóm, trình bày thuyết trình cho bản vẽ - Hiểu và góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho sinh viên. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
CLO1	Nắm vững các kỹ thuật diễn họa bằng chì, bút kim và màu nước và các phương pháp diễn họa Kiến trúc Hiểu rõ các trình tự thể hiện diễn họa.	Hiểu	
CLO2	Vận dụng các kiến thức đã học và từ môn học trước trình diễn bản vẽ công trình kiến trúc một cách hoàn chỉnh.	Vận dụng, sáng tạo	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	LOP 10	PLO 11	PLO 12
CLO1		R										
CLO2		R					R					
Tổng hợp		R					R					

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO/PI theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả PLO đó.

- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI.

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Các công việc chuẩn bị - Lựa chọn bố cục bản vẽ - Lựa chọn phương án thể hiện	2-3	+Thuyết giảng, giảng đề + Thực hành mẫu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Chuẩn bị vật liệu và dụng cụ vẽ.	CLO1, CLO2
2	Thực hành vẽ bản vẽ công trình kiến trúc - Bố cục bản vẽ trong giấy - Triển khai bản vẽ mặt bằng tổng thể và mặt bằng. - Triển khai bản vẽ mặt bằng tổng thể và mặt bằng. - Trình bày bản vẽ phối cảnh - Hoàn thiện bản vẽ	6-12	+ Thuyết giảng + Thực hành mẫu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Thực hành tại nhà	CLO1, CLO2
Tuần thi học kỳ	Nộp bài tập lớn			+ Bài tập lớn	CLO1, CLO2

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
2-15	Thảo luận và làm bài tập cá nhân trong quá trình học
2 -15	Bài tập - Sinh viên thực hiện bản vẽ tại lớp và ở nhà theo yêu cầu của giáo viên

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập	Bản vẽ	CLO1 CLO2	Tuần 2, 4, 5, 7, 9, 11, 13, 14	Đánh giá tiến độ thực hiện bản vẽ tại lớp	Tiêu chí 1	30%
				Đánh giá tiến độ thực hiện bản vẽ ở nhà	Tiêu chí 1	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bản vẽ	CLO1 CLO2	Tuần 15	Đánh giá tập lớn	Tiêu chí 1	40%

Tiêu chí 1 – Bản vẽ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bản vẽ	Không có bản vẽ hoặc nộp dưới 50% số khối lượng công việc được giao	Nộp trên 50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng yêu cầu kỹ thuật	Nộp trên 80% số lượng được giao. Bản vẽ nộp chưa đúng yêu cầu kỹ thuật, chưa có tính sáng tạo	Nộp bản vẽ đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bản vẽ đúng yêu cầu kỹ thuật, có tính sáng tạo.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Bản vẽ đúng yêu cầu kỹ thuật, có tính sáng tạo cao, ý tưởng tốt	100%

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
 1. Bài giảng môn học Điện họa 2, Giáo viên giảng dạy biên soạn, 2020.
- Tài liệu tham khảo:

1. Dẫn họa Kiến trúc, Lê Thị Kim Anh, NXB Hội nhà văn, 2018

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

1.6. Vật lý kiến trúc 1

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506211	Tên học phần:	Vật lý kiến trúc 1
	Tên tiếng Anh:	Architectural Physics 1
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	26 tiết	
Bài tập (BT):	04 tiết	
Tự học (TH):	56 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Lưu Thiên Hương	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thanh Hòa	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đây là môn học cơ sở kỹ thuật của ngành kiến trúc, cung cấp những kiến thức cơ bản về khí hậu, tác động của khí hậu lên công trình kiến trúc, tác động của vi khí hậu lên con người. Môn học cũng đồng thời cung cấp các kiến thức về đảm bảo tiện nghi cho con người trong công trình thông qua các biện pháp cơ bản như: cách nhiệt (chống nóng, chống lạnh, che nắng); tổ chức thông gió tự nhiên trong công trình... Đây là những nền tảng quan trọng để sinh viên nghiên cứu sâu hơn về kiến trúc sinh khí hậu, kiến trúc thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khí hậu. Giải thích được 3 yếu tố chính hình thành nên các vùng khí hậu; 4 yếu tố của tiện nghi nhiệt sinh học và sự tương tác giữa khí hậu kiến trúc và con người.

Mục tiêu	Mô tả
	<ul style="list-style-type: none"> Tác động của khí hậu lên công trình kiến trúc. Giải được các bài toán trao đổi nhiệt của công trình với môi trường, qua đó tính toán được các chi tiết khi thiết kế cách nhiệt cho công trình. Tác động của vi khí hậu lên con người nhằm có giải pháp thiết kế nâng cao chất lượng sống cho người sử dụng. Đề xuất được các giải pháp thiết kế thụ động cho một công trình trong một điều kiện khí hậu cho trước.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị các kỹ năng tính toán thiết kế cách nhiệt. Phân tích tác động của môi trường lên công trình và người sử dụng.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> Giúp người học nhận ra tầm quan trọng của thiết kế thích ứng với điều kiện khí hậu, hỗ trợ định hướng thiết kế bền vững, thân thiện với môi trường, trở thành các kiến trúc sư có trách nhiệm với môi trường, xã hội. Làm việc và hợp tác với 1 nhóm người học tích cực và có hiệu quả.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Giải thích được các yếu tố chính hình thành nên các vùng khí hậu; yếu tố của tiện nghi nhiệt sinh học; và sự tương tác giữa khí hậu kiến trúc và con người.	Hiểu	PI 1.2
CLO 2	Phân loại được các giải pháp để thiết kế cách nhiệt cho mái và kết cấu bao che.	Áp dụng	PI 2.1
CLO 3	Tính toán được các chi tiết kiến trúc khi thiết kế che nắng cho công trình.	Áp dụng	PI 3.1
CLO 4	Sử dụng được các nguyên tắc thông gió tự nhiên cho công trình cụ thể.	Áp dụng	PI 3.1
CLO 5	Thảo luận được các giải pháp thiết kế thụ động cho các công trình trong điều kiện khí hậu cho trước.	Hiểu	PI 5.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	I											
CLO 2		R										
CLO 3			R									
CLO 4			R									
CLO 5					I							
Tổng hợp	I	R	R	-	I	-	-	-	-	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Các yếu tố hình thành khí hậu và khí hậu Việt Nam 1.1. Khái niệm về khí hậu và các vùng khí hậu 1.2. Các yếu tố tự nhiên cơ bản tạo thành khí hậu 1.3. Đặc điểm khí hậu Việt Nam và phân vùng khí hậu xây dựng 1.4. Đặc điểm thời tiết và hiện tượng tự nhiên bất lợi	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về khí hậu, các vùng khí hậu và đặc điểm thời tiết	C1
3,4	Chương 2: Vi khí hậu và con người 2.1 Các yếu tố của vi khí hậu 2.2 Sự trao đổi nhiệt của con người và môi trường 2.3 Tiềm nghi nhiệt trong công trình 2.4 Các yếu tố thiết kế nhằm thỏa mãn tiềm nghi cho người sử dụng trong điều kiện Việt Nam	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về vi khí hậu, độ ẩm, tiềm nghi nhiệt và áp dụng cho điều kiện tại Việt Nam	C1
5,6	Chương 3: Truyền nhiệt và cách nhiệt của kết cấu bao che 3.1 Khái niệm cơ bản về truyền nhiệt 3.2 Truyền nhiệt ổn định một chiều qua kết cấu bao che (steady-state heat transfer) 3.3 Truyền nhiệt giao động điều hòa trong mùa nóng 3.4 Cách nhiệt cho mái và kết cấu bao che	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về truyền nhiệt	C1 C2
7	Kiểm tra giữa kỳ	0-2	+ Bài thi tự luận	+ Bài thi tự luận	C1 C2
8,9,10	Chương 4: Thiết kế che nắng 4.1 Tác dụng của tia BXMT và yêu cầu che nắng, chiếu nắng 4.2 Thiết kế che nắng và xác lập thời gian che nắng 4.3 Tính toán kích thước kết cấu che nắng	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về thiết kế che nắng	C1 C3
11,12	Chương 5: Tổ chức thông gió tự nhiên 5.1 Lý thuyết cơ bản về thông gió tự nhiên 5.2 Đặc trưng của gió và những tác động của gió lên công trình 5.3 Tổ chức thông gió tự nhiên cho công trình 5.4 Tổ chức thông gió tự nhiên trong quy hoạch	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về thông gió tự nhiên cho công trình và quy hoạch	C1 C4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
13	Chương 6: Chiến lược thiết kế thụ động 6.1 Giới thiệu về thiết kế thụ động 6.2 Chiến lược thiết kế thụ động trong điều kiện khí hậu Việt Nam	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về thiết kế thụ động trong các điều kiện khí hậu khác nhau	C1 C5
14,15	Báo cáo bài tập lớn	0-4		Trên lớp: + Báo cáo + Vấn đáp Về nhà: + Tự ôn tập	C5
Tuần thi HK	Thi cuối kỳ		+ Bài thi tự luận	+ Bài thi tự luận	C2 C3 C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-13	Thảo luận nhóm và làm bài tập trong quá trình học
14-15	Bài tập lớn - Đề xuất giải pháp thiết kế thụ động cho công trình. - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập nhóm	Đề xuất các giải pháp thiết kế thụ động phù hợp cho công trình.	C5	Tuần 14, 15	Đánh giá BT nhóm	Rubric	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C1 C2	Tuần 7	Trắc nghiệm & Tự luận	2 phần/10 điểm đúng theo đáp án	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C2 C3 C4	Tuần thi	Tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Rubric – Bài tập nhóm

Nội dung bài tập: Đề xuất các giải pháp thiết kế thụ động phù hợp cho các công trình cụ thể.

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Nội dung báo cáo đúng dưới 40% các kiến thức cơ sở về thiết kế thụ động.	Nội dung báo cáo đúng 40% các kiến thức cơ sở về thiết kế thụ động.	Nội dung báo cáo đúng 60% các kiến thức cơ sở về thiết kế thụ động.	Nội dung báo cáo đúng 80% các kiến thức cơ sở về thiết kế thụ động.	Nội dung báo cáo đúng 100% các kiến thức cơ sở về thiết kế thụ động.	50%
Hình thức trình bày báo cáo	Slide trình bày câu thả, không đầy đủ thông tin.	Slide trình bày hơi thừa hoặc thiếu thông tin. SV báo cáo không rõ ràng	Slide trình bày đẹp, hơi thừa hoặc thiếu thông tin. SV báo cáo chưa rõ ràng, liền mạch.	Slide trình bày đẹp, vừa đầy đủ thông tin. SV báo cáo chưa rõ ràng, liền mạch.	Slide trình bày đẹp, vừa đầy đủ thông tin. SV báo cáo rõ ràng, liền mạch.	30%
Phản biện & Trả lời câu hỏi	Không thể phản hồi khi nhận phản biện và câu hỏi	Hơi lúng túng khi nhận phản biện và trả lời câu hỏi, nhưng có phản hồi	Phản hồi gần đúng các phản biện và câu hỏi	Phản hồi đúng, nhưng chưa rõ ràng và đầy đủ các phản biện và câu hỏi	Phản hồi đúng, rõ ràng và đầy đủ các phản biện và câu hỏi	20%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Bài giảng môn Vật lý Kiến trúc 1 (do GV biên soạn).

15.2. Tài liệu tham khảo:

- Các giải pháp kiến trúc khí hậu Việt Nam, PGs. TS Phạm Đức Nguyên, Nguyễn Thu Hòa, NXB NKHKT, 2006.

- Bài giảng nhiệt và khí hậu kiến trúc, PGs. TS Nguyễn Anh Tuấn, Trường Đại học Bách khoa (Lưu hành nội bộ), Đà Nẵng, 2017.

- *Kiến trúc sinh khí hậu*, PGs. TS Phạm Đức Nguyên, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội, 2002.
- *Cơ sở khí hậu học của thiết kế kiến trúc*, TSKH. Phạm Ngọc Đăng, NXB NKHKT, 2000.
- *Kiến trúc nhiệt đới ẩm*, PGs. TS Hoàng Huy Thắng, NXB Xây dựng, 2002.
- *Thông gió tự nhiên trong nhà ở*, KTS Hà Nhật Tân, NXB XVHTT, 2006.
- *Nhiệt và khí hậu kiến trúc*, TSKH. Phạm Ngọc Đăng & ThS Phạm Hải Hà, NXB XD, 2002.
- *Introduction to architectural science*, Szokolay S.V., Elsevier, Oxford, 2004.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vũ Phương

TS. Lưu Thiên Hương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506212	Tên học phần:	Vật lý kiến trúc 2
	Tên tiếng Anh:	Architectural Physics 2
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	00 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thanh Hòa	
Giảng viên 2	TS. Lưu Thiên Hương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Vật lý kiến trúc 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Vật lý kiến trúc 2 có nội dung chính là Quang học kiến trúc là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về ánh sáng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo trong công trình kiến trúc nhằm đảm bảo tiện nghi và sức khỏe cho người sử dụng, đồng thời đảm bảo hiệu quả trong sử dụng năng lượng chiếu sáng và bảo vệ môi trường. Học phần này giới thiệu nhiều nội dung cập nhật theo các yêu cầu của tiêu chuẩn chiếu sáng hiện hành.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học những hiểu biết về kỹ thuật chiếu sáng kiến trúc nhằm đảm bảo tiện nghi và sức khỏe cho người sử dụng, giúp họ hoàn thiện đầy đủ kỹ năng nghề kiến trúc. - Trình bày được kiến thức cơ bản về ánh sáng và tác động của ánh sáng lên công trình kiến trúc và con người.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được các phương pháp phân tích, tính toán tác động của ánh sáng lên công trình và người sử dụng. - Trau dồi và rèn luyện kỹ năng thực hành trên máy tính, tư duy phân tích, tư duy hệ thống và các kỹ năng ngoài chuyên môn. - Tự tổng hợp và đề xuất được các giải pháp thiết kế chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo trong công trình.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học cho sinh viên. - Làm việc và hợp tác với 1 nhóm người học tích cực và có hiệu quả

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
C1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về ánh sáng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo, chiến lược thiết kế chiếu sáng	Hiểu	
C2	Giải được các bài toán về chiếu sáng tự nhiên và đề xuất các giải pháp chiếu sáng, che nắng cho công trình	Hiểu Vận dụng	
C3	Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập về thiết kế che nắng, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo cho công trình.	Vận dụng	
C4	Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình chủ đề liên quan đến chiếu sáng và che nắng cho công trình	Vận dụng	
C5	Đề xuất được các giải pháp thiết kế thụ động cho một công trình trong một điều kiện khí hậu cho trước.	Phân tích Sáng tạo	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1												
C2	TB											

C3		C	C										TB
C4						TB	-						
C5				TB	TB			-	-	-	T		
Tổng hợp HP	TB	C	C	TB	TB	TB	-	-	-	-	T		TB

**Chú thích: Cao (C), Trung bình (TB), Thấp (T), Không liên quan (-)*

TĐ - Học phần hỗ trợ tối đa cho việc đạt được PLO (cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT)

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2, 3	<p>Chương 1: Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.1 Bức xạ điện từ và bản chất của ánh sáng</p> <p>1.2 Phổ quang học và ánh sáng tự nhiên</p> <p>1.3 Màu sắc và sự lan truyền của ánh sáng</p> <p>1.4 Các đại lượng quang học cơ bản</p> <p>1.5 Quang trắc ánh sáng và sự cảm nhận ánh sáng của con người</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về các khái niệm chiếu sáng cơ bản 	C1, C2, C3, C4
4, 5, 6	<p>Chương 2: Chiếu sáng tự nhiên trong công trình kiến trúc</p> <p>2.1 Các chiến lược</p> <p>2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến chiếu sáng tự nhiên trong công trình</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p>	C1, C2, C3, C4, C5

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	2.3 Các chiến lược chiếu sáng tự nhiên đặc biệt 2.4 Che nắng và điều tiết ánh sáng			+ Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về chiếu sáng tự nhiên trong công trình kiến trúc	
7, 8, 9	Chương 3: Tính toán thiết kế chiếu sáng tự nhiên 3.1 Các công cụ tính toán và dự đoán 3.2 Các phương pháp tính toán thủ công 3.3 Mô hình thu nhỏ của công trình 3.4 Mô phỏng chiếu sáng bằng phần mềm 3.5 Các bước thiết kế chiếu sáng tự nhiên	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về tính toán thiết kế chiếu sáng tự nhiên	C1, C2, C3, C4, C5
9	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3
10, 11,	Chương 4: Chất lượng thị giác trong môi trường đô thị 4.1 Chất lượng chiếu sáng 4.2 Tiềm nghi thị giác và ảnh hưởng đến cảm nhận thị giác 4.3 Yêu cầu giao tiếp thị giác bên ngoài	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà:	C1, C2, C3, C4,

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về chất lượng thị giác trong môi trường đô thị	
12, 13, 14	Chương 5: Chiếu sáng nội thất bằng đèn điện 5.1 Các đại lượng và khái niệm kỹ thuật 5.2 Các chủng loại đèn, tính năng và các kiểu đèn trong kiến trúc 5.3 Các hình thức tổ chức chiếu sáng trong công trình kiến trúc 5.4 Tính toán hệ thống đèn cho nội thất công trình	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về chiếu sáng nội thất bằng đèn điện	C1, C2, C3, C4,
15	Báo cáo bài tập lớn	0-2		Trên lớp: + Báo cáo, mô phỏng phần mềm Về nhà: + Tự ôn tập	C3, C4, C5
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
4 đến 9	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 3 sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu sử dụng phần mềm mô phỏng - Thiết kế và áp dụng tính toán cho công trình - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả thiết kế, mô phỏng vào tuần 15.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Sinh viên được phân bài tập tìm hiểu sử dụng phần mềm mô phỏng. Thiết kế và áp dụng tính toán cho công trình	C2, C3, C4, C5	Tuần 15	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C1, C2, C3	Tuần 9	Kiểm tra tự luận	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C1, C2, C3	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	

Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%
Kết quả mô phỏng	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng mô phỏng không chi tiết và cho kết không đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết chưa đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết cho kết quả gần đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết cho kết quả chính xác theo bài toán đặt ra.	50%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	không liên quan đến câu hỏi.	tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	câu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

1. Phạm Đức Nguyên, *Chiếu sáng trong kiến trúc*, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội, 2006.

- Sách (TLTK) tham khảo:

1. Nguyễn Anh Tuấn, Lê Thị Kim Dung, *Bài giảng Quang học kiến trúc*, trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, 2014.

2. Szokolay S.V., *Introduction to architectural science*, Elsevier, Oxford, 2004.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng

Mã ngành: 7510103

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506194	Tên học phần: Vẽ kỹ thuật xây dựng
	Tên tiếng Anh: Construction Drawing Techniques
2. Số tín chỉ:	3 (2-1)
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	30 tiết
Bài tập (BT):	30 tiết
Tự học (TH):	60 tiết
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	ThS.KTS Trần Vũ Tiến
Giảng viên 2	ThS.KTS Võ Thị Vy Phương
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	Hình họa
Học phần song hành:	
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành bắt buộc

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Vẽ kỹ thuật xây dựng một trong những học phần cơ sở của chương trình đào tạo các ngành xây dựng: XD dân dụng, XD cầu đường, XD hạ tầng và Kiến trúc. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách biểu diễn các vật thể trong không gian và cách đọc hiểu, cách vẽ, cách xây dựng các bản vẽ kỹ thuật trong xây dựng như: bản vẽ kết cấu thép, bê tông cốt thép, kết cấu gỗ, bản vẽ nhà, bản vẽ cầu....

Vẽ kỹ thuật xây dựng là học phần học có tác dụng cung cấp kiến thức cơ bản để học tiếp các phần như Vẽ Autocad, các đồ án môn học trong các ngành xây dựng.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được chức năng và cách sử dụng các dụng cụ vẽ, các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật. - Biết cách vẽ hình chiếu bằng, hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh của một vật thể bất kỳ. - Vẽ được vật thể trên bản vẽ kỹ thuật bằng: <ul style="list-style-type: none"> + Hình chiếu trục đo: xiên đứng cân, vuông góc đều. + Hình cắt và mặt cắt.. <p>Đọc hiểu và vẽ được các bản vẽ về kết cấu bê tông cốt thép, bê tông cốt thép, kết cấu gỗ, bản vẽ nhà, bản vẽ cầu.</p>
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện và phát triển khả năng tư duy không gian, hình dung các vật thể cho sinh viên các ngành xây dựng. <p>Ứng dụng các kỹ năng nêu trên để thiết lập các bản vẽ kỹ thuật trong xây dựng, cầu đường, hạ tầng.</p>
Mức tự chủ và trách nhiệm	

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Hỗ trợ cho PI
CLO1	Trình bày được các tiêu chuẩn trong bản vẽ kỹ thuật xây dựng.	Nhớ Hiểu	
CLO2	Trình bày và phân biệt các loại hình vẽ biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật, các loại bản vẽ kết cấu, bản vẽ công trình xây dựng.	Nhớ Hiểu	
CLO3	Xây dựng được các loại hình vẽ biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật, các loại bản vẽ kết cấu, bản vẽ công trình xây dựng.	Vận dụng	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	PLO 1				PLO 2				PLO 3			PLO 4			PLO 5			PLO 6			PLO 7			PLO 8		PLO 9			PLO 10			PLO 11							
	PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 2.4	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1	PI 10.2	PI 10.3	PI 11.1	PI 11.2	PI 11.3	PI 11.4							
CLO1																																							
CLO2																																							
CLO3																																							

CLO4																																					
Tổng hợp																																					I

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO/PI theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;
- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả PLO đó.
- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI.

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 01 buổi/tuần, 03 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	<i>Chương 1: Tổng quan về vẽ kỹ thuật</i> - Giới thiệu về vẽ kỹ thuật - Vật liệu và dụng cụ vẽ - Bài tập	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<i>Trên lớp:</i> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Làm bài tập <i>Về nhà:</i> + Chuẩn bị vật liệu và dụng cụ vẽ.	CLO1, CLO3
2	<i>Chương 2: Những tiêu chuẩn – quy định về trình bày bản vẽ kỹ thuật</i> - Khổ giấy - Khung bản vẽ và khung tên - Tỷ lệ - Chữ và số	3-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Giải quyết bài tập	<i>Trên lớp:</i> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <i>Về nhà:</i> + Ôn bài	CLO1, CLO3

	<ul style="list-style-type: none"> - Các nét vẽ - Ghi kích thước - Trình tự tô đậm bản vẽ - Bài tập 			+ Làm bài tập	
3,4	<p>Chương 3: Biểu diễn vật thể trong bản vẽ kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp hình chiếu vuông góc - Hình cắt - Mặt cắt - Hình chiếu trục đo - Bài tập 	6-6	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Giải quyết bài tập 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài + Làm bài tập 	CLO2 CLO3
	<p>Chương 4: Bản kỹ thuật xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan về vẽ kỹ thuật xây dựng - Bản vẽ ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp - Bản vẽ công trình giao thông 	3-3	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Giải quyết bài tập 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài + Làm bài tập 	CLO3 CLO4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
2-15	Thảo luận và làm bài tập cá nhân trong quá trình học
2 đến 15	<p>Bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên thực hiện bản vẽ tại lớp và ở nhà theo yêu cầu của giáo viên

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Đặt câu hỏi	CLO1	Mỗi buổi học	Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%

Bài tập lớn/Dự án học phần	Giáo viên giao các bài tập làm tại lớp và bài tập lớn ở nhà	CLO2 CLO3	Tuần 2, 4, 5, 7, 9, 11, 13, 14, 15	Đánh giá bản vẽ tại lớp	Tiêu chí 1	20%
				Đánh giá bản vẽ bài tập lớn	Tiêu chí 1	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài tiểu luận	CLO2 CLO3	Tuần thi	Đánh giá bài thi	Tiêu chí 1	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
				luận giải thích chưa thuyết phục.	hoàn toàn thuyết phục.	

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
 2. Giáo trình Vẽ kỹ thuật xây dựng, 2020
- Tài liệu tham khảo:
 2. Vẽ kỹ thuật xây dựng, Đoàn Như Kim (chủ biên) – Nguyễn Quang Cự - Nguyễn Sĩ Hạnh – Dương Tiến Thọ, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
 3. Bài tập vẽ kỹ thuật xây dựng, Đặng Văn Cừ - Nguyễn Quang Cự - Đoàn Như Kim, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
 4. Giáo trình vẽ kỹ thuật, Nguyễn Độ, NXB Xây dựng Hà Nội, 2008.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng

Mã ngành: 7510103

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506194	Tên học phần: Vẽ xây dựng trên máy tính
	Tên tiếng Anh: Construction drawings by computer
2. Số tín chỉ:	2 (1-1)
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	15 tiết
Bài tập (BT):	15 tiết
Tự học (TH):	30 tiết
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	ThS.KTS Võ Thị Vy Phương
Giảng viên 2	ThS.KTS Lê Thanh Hòa
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	Vẽ kỹ thuật xây dựng
Học phần song hành:	
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành bắt buộc

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Vẽ xây dựng trên máy tính là môn học về ứng dụng của phần mềm ACAD trong thiết kế các bản vẽ kỹ thuật xây dựng. Việc hiểu biết và ứng dụng những tiện ích do phần mềm ACAD mang lại thực sự là một yêu cầu cần thiết đối với tất cả những người làm kỹ thuật nói chung và làm về xây dựng nói riêng. Phần mềm này là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các kỹ sư trong quá trình thiết kế và thể hiện các bản vẽ kỹ thuật, cho phép các kỹ sư xây dựng thực hiện bản vẽ nhanh chóng, chính xác, an toàn với khả năng lưu trữ cao; đồng thời các bản vẽ từ phần mềm này có thể được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho các phần mềm chuyên dụng khác trong các giai đoạn làm việc tiếp theo.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Quản lý được các bản vẽ xây dựng - Quản lý được nét, kích thước, kiểu chữ... - Biết cách thể hiện bản vẽ kỹ thuật
Kỹ năng	- Có kỹ năng triển khai bản vẽ kỹ thuật - Ứng dụng được các kiến thức và kỹ năng của môn học này cho các đồ án môn học, đồ án chuyên ngành.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có trách nhiệm trong học tập, làm việc theo nhóm. - Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Hỗ trợ cho PI
CLO1	Nắm được các kiến thức cơ bản về vẽ Autocad	Nhớ, hiểu	
CLO2	Sử dụng được phần mềm Autocad để vẽ các bản vẽ kỹ thuật	Vận dụng	
CLO3	Vận dụng được phần mềm Autocad để xây dựng và triển khai các bản vẽ chuyên ngành xây dựng đúng kỹ thuật.	Vận dụng	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	PLO 1			PLO 2				PLO 3			PLO 4			PLO 5			PLO 6		PLO 7			PLO 8		PLO 9			PLO 10			PLO 11									
	PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 2.4	PI 3.1	PI 3.2	PI 3.3	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1	PI 10.2	PI 10.3	PI 11.1	PI 11.2	PI 11.3	PI 11.4							
CLO1																																							
CLO2																																							
CLO3																																							
CLO4																																							
Tổng hợp																																							

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 01 buổi/tuần, 03 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Mở đầu 1. Giới thiệu chung - Giới thiệu về phần mềm AutoCad	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Cài đặt phần mềm	CLO1
2,3	Các công việc chuẩn bị trước khi vẽ 1. Chọn đơn vị cho bản vẽ 2. Các thiết lập ban đầu cho bản vẽ 3. Thiết lập các hệ thống truy bắt điểm - Tạo lớp – Layer	1-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
3,4	Hệ tọa độ và phương thức nhập dữ liệu 1. Hệ tọa độ - Nhập dữ liệu bằng phương thức tọa độ	1-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO3
5,6	Các lệnh vẽ cơ bản	1.5-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
7,8	Các lệnh hiệu chỉnh	1.5-3	+ Thuyết giảng	Trên lớp: + Nghe giảng	CLO1 CLO2

			+ Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	+ Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	
8,9	Các phép biến hình	1.5-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
10	Làm bài kiểm tra số 1				CLO1 CLO2 CLO3
10	Nhập và hiệu chỉnh văn bản	1.5-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
11	Thể hiện vật liệu	1.5-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
12	Đường kích thước	1.5-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2

13	Làm bài kiểm tra số 2				CLO1 CLO2 CLO3
13	Các lệnh tạo khối và chèn khối	1-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
14	Các lệnh tra cứu, In bản vẽ	2-4	+ Thuyết giảng + Trình chiếu +Thực hành mẫu + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thực hành Về nhà: + Ôn bài + Làm bài tập	CLO1 CLO2
15	Làm bài kiểm tra số 3				CLO1 CLO2 CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
2-15	Thảo luận và làm bài tập cá nhân trong quá trình học
2 đến 15	Bài tập - Sinh viên thực hiện bản vẽ tại lớp và ở nhà theo yêu cầu của giáo viên

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Đặt câu hỏi	CLO1	Mỗi buổi học	Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%
Bài tập lớn/Dự án học phần	Giáo viên giao các bài tập làm tại lớp và bài tập lớn ở nhà		Tuần 2, 3,4, 5, 7, 9, 11, 13, 14, 15	Đánh giá bản vẽ tại lớp	Tiêu chí 1	10%

				Đánh giá bản vẽ bài tập về nhà	Tiêu chí 1	20%
Bài kiểm tra số 1	Giáo viên ra đề		Tuần 10	Đánh giá bài kiểm tra	Tiêu chí 1	20%
Bài kiểm tra số 2	Giáo viên ra đề	CLO2	Tuần 13	Đánh giá bài kiểm tra	Tiêu chí 1	20%
Bài kiểm tra số 3	Giáo viên ra đề	CLO3	Tuần 15	Đánh giá bài kiểm tra	Tiêu chí 1	20%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
				luận giải thích chưa thuyết phục.	hoàn toàn thuyết phục.	

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

1. Lý thuyết và thực hành vẽ xây dựng trên máy tính, Võ Thị Vỹ Phương, Phan Tiến Vinh, Lê Thanh Hòa, Đinh Nam Đức, NXB Thông tin và Truyền thông, 2020.

- Tài liệu tham khảo:

5. Giáo trình Lý thuyết và thực hành vẽ trên máy tính Autocad 2011, Nguyễn Lê Châu Thành, NXB Thông tin và Truyền thông 2011.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đề án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

1.10. Tin học đồ họa kiến trúc 1

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506213	Tên học phần:	Tin học đồ họa kiến trúc 1
	Tên tiếng Anh:	Computer Graphics 1
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	15 tiết	
Tự học (TH):	75 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Đinh Nam Đức	
Giảng viên 2	ThS. Trần Vũ Tiến	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Vẽ kỹ thuật xây dựng	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đây là học phần rất quan trọng cho sinh viên ngành kiến trúc, giúp hoàn thiện kỹ năng thể hiện các mô hình không gian 3 chiều, phối cảnh nội – ngoại thất kiến trúc công trình, diễn họa một đồ án kiến trúc. Trong quá trình, học sinh viên được truyền đạt những kiến thức tổng quát về cách sử dụng phần mềm đồ họa Sketchup thông qua việc thực hành các bài tập trên máy tính.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về phần mềm Sketchup và các Plugin cài thêm - Cung cấp các lệnh vẽ và hiệu chỉnh trong Sketchup và công cụ render để diễn họa một công trình kiến trúc.
Kỹ năng	- Có khả năng tìm ý và dựng hình được phương án thiết kế công trình kiến trúc bất kỳ bằng máy tính

Mục tiêu	Mô tả
	- Có kỹ năng sử dụng công cụ render cho Sketchup để diễn họa không gian 3 chiều một công trình kiến trúc bất kỳ
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu - Tạo sự thích thú sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Minh họa được hình khối kiến trúc bằng hình ảnh thông qua phần mềm đồ họa Sketchup.	Áp dụng	PI 7.2
CLO 2	Sử dụng được phần mềm Sketchup bằng giao diện tiếng Anh.	Áp dụng	PI 8.1
CLO 3	Sử dụng được phần mềm đồ họa Sketchup để thể hiện phương án kiến trúc ngoại thất công trình.	Áp dụng	PI 9.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1							R					
CLO 2								I				
CLO 3									R			
Tổng hợp	-	-	-	-	-	-	R	I	R	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	CHƯƠNG 1 – QUẢN LÝ GIAO DIỆN PHẦN MỀM SKETCHUP 1.1. Giới thiệu giao diện phần mềm SketchUp 1.2. Các thiết lập và thao tác cơ bản trên Sketchup 1.3. Quản lý bản vẽ với Layer và Outliner	5-1	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng & Ghi chép + Thảo luận và thực hành Về nhà: + Ôn bài và thực hành + Nghiên cứu tài liệu	C1, C2, C3
3	BÀI THỰC HÀNH SỐ 1	1-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Sửa bài trực tiếp	+ Thảo luận và thực hành	C2

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
4, 5, 6	CHƯƠNG 2 - CÁC CÔNG CỤ DỰNG HÌNH VÀ THIẾT LẬP BẢN VẼ CƠ BẢN 2.1. Các công cụ vẽ cơ bản 2.2. Các công cụ hiệu chỉnh cơ bản 2.3. Thiết lập hiển thị trong SketchUp 2.4. Thiết lập và quản lý mặt cắt	7-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng & Ghi chép + Thảo luận và thực hành Về nhà: + Ôn bài và thực hành + Nghiên cứu tài liệu	C1, C2, C3
7	BÀI THỰC HÀNH SỐ 2	1-2	+ Thực hành trên máy + Sửa bài trực tiếp		C2
8, 9, 10	CHƯƠNG 3 - CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ BỔ SUNG (PLUGIN) CHO SKETCHUP 3.1. Giới thiệu về các công cụ bổ sung (Plugin) cho SketchUp 3.2. Hướng dẫn sử dụng một số Plugin cơ bản trong bản vẽ Kiến trúc và Xây dựng	7-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng & Ghi chép + Thảo luận và thực hành Về nhà: + Ôn bài và thực hành + Nghiên cứu tài liệu	C1, C2, C3
11	BÀI THỰC HÀNH SỐ 3	1-2	+ Thực hành trên máy + Sửa bài trực tiếp		C1
12, 13, 14	CHƯƠNG 4 - VẬT LIỆU, ÁNH SÁNG VÀ XUẤT ẢNH 4.1. Vật liệu trong SketchUp 4.2. Ánh sáng trong SketchUp 4.3. Xuất ảnh của mô hình SketchUp	7-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng & Ghi chép + Thảo luận và thực hành Về nhà: + Ôn bài và thực hành + Nghiên cứu tài liệu	C1, C2, C3
15	BÀI THỰC HÀNH SỐ 4	1-2	+ Thực hành trên máy + Sửa bài trực tiếp		C3

13. Các hoạt động theo nhóm: không

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài thực hành số 2	Dựng các hình khối 3D từ đơn giản đến phức tạp, sử dụng các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản.	C2 – PI 8.1	Tuần 6	Đánh giá bài tập vẽ máy	Rubric 1	20%
Bài thực hành số 3	Dựng các chi tiết kiến trúc từ đơn giản đến phức tạp, sử dụng các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp.	C1 – PI 7.2	Tuần 11	Đánh giá bài tập vẽ máy	Rubric 2	30%
Bài thực hành số 4	Dựng mô hình phối cảnh 3D ngoại thất của một nhà ở đơn	C3 – PI 9.2	Tuần 15	Đánh giá bài tập vẽ máy	Rubric 3	50%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
	giản (dựa trên các bản vẽ 2D đã được cung cấp).					

Rubric 1 – Bài thực hành số 2

Nội dung bài tập: Dựng các hình khối 3D từ đơn giản đến phức tạp, sử dụng các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản.

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C1 – PI 6.2 Sử dụng được phần mềm Sketchup bằng giao diện tiếng Anh.	Không sử dụng được các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản của Sketchup (giao diện tiếng Anh) để dựng các hình khối 3D đơn giản.	Sử dụng được các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản của Sketchup (giao diện tiếng Anh) để dựng các hình khối 3D đơn giản.	Sử dụng được các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản của Sketchup (giao diện tiếng Anh) để dựng các hình khối 3D từ đơn giản đến trung bình.	Sử dụng được các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản của Sketchup (giao diện tiếng Anh) để dựng các hình khối 3D từ đơn giản đến phức tạp.	Sử dụng thành thạo các công cụ vẽ và hiệu chỉnh cơ bản của Sketchup (giao diện tiếng Anh) để dựng các hình khối 3D từ đơn giản đến phức tạp.	100%

Rubric 2 – Bài thực hành số 3

Nội dung bài tập: Dựng các chi tiết kiến trúc từ đơn giản đến phức tạp, sử dụng các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp.

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C2 – PI 7.2 Minh họa hình khối kiến trúc bằng hình ảnh thông qua phần mềm đồ họa Sketchup.	Không sử dụng được các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp để vẽ các chi tiết kiến trúc đơn giản.	Sử dụng được các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp để vẽ các chi tiết kiến trúc đơn giản.	Sử dụng được các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp để vẽ các chi tiết kiến trúc từ đơn giản đến trung bình.	Sử dụng được các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp để vẽ các chi tiết kiến trúc từ đơn giản đến phức tạp.	Sử dụng thành thạo các công cụ cơ bản và bổ sung (Plugin) trong SketchUp để vẽ các chi tiết kiến trúc từ đơn giản đến phức tạp.	100%

Rubric 3 – Bài tập thực hành số 4

Nội dung bài tập: Dựng mô hình phối cảnh 3D ngoại thất của một nhà ở đơn giản (dựa trên các bản vẽ 2D đã được cung cấp).

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C3 – PI 9.2	Không sử dụng được các công	Sử dụng được các công cụ của	Sử dụng được các công cụ của	Sử dụng được các công cụ của	Sử dụng thành thạo các công cụ	60%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Sử dụng phần mềm đồ họa Sketchup để thể hiện phương án kiến trúc ngoại thất công trình.	cụ của Sketchup và các Plugin cơ bản để dựng lại ngoại thất của một nhà ở đơn giản.	Sketchup và các Plugin cơ bản để dựng lại ngoại thất của một nhà ở đơn giản, tuy nhiên còn thiếu nhiều các chi tiết kiến trúc.	Sketchup và các Plugin cơ bản để dựng lại ngoại thất của một nhà ở đơn giản, với hầu hết các chi tiết kiến trúc.	Sketchup và các Plugin cơ bản để dựng lại ngoại thất của một nhà ở đơn giản, với đầy đủ tất cả các chi tiết kiến trúc.	của Sketchup và các Plugin cơ bản để dựng lại ngoại thất của một nhà ở đơn giản, với đầy đủ tất cả các chi tiết kiến trúc.	
C3 – PI 9.2 Thiết lập và sử dụng vật liệu	Áp dụng đúng dưới 25% các vật liệu có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 25% các vật liệu có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 50% các vật liệu có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 75% các vật liệu có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng tất cả các vật liệu có sử dụng trên bản vẽ	20%
C3 – PI 9.2 Thiết lập và sử dụng ánh sáng	Áp dụng đúng dưới 25% các nguồn sáng có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 25% các nguồn sáng có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 50% các nguồn sáng có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 75% các nguồn sáng có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng tất cả các nguồn sáng có sử dụng trên bản vẽ	10%
C3 – PI 9.2 Thiết lập và sử dụng camera	Áp dụng đúng dưới 25% các camera có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 25% các camera có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 50% các camera có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng từ 75% các camera có sử dụng trên bản vẽ	Áp dụng đúng tất cả các camera có sử dụng trên bản vẽ	10%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Bài giảng môn *Tin học đồ họa Kiến trúc* (do GV biên soạn).

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Sketchup* – bản quyền của Google.
- *Giáo trình SketchUp – Họa viên Kiến trúc*, Trung tâm đào tạo Kiến trúc Doric, 2011.
- *SketchUp cơ bản (dịch lại từ tài liệu nước ngoài)*, Tài liệu của lớp SketchUp trung tâm New-A.
- *Giáo trình SketchUp Pro 2015*, KTS Lê Quốc Hưng.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học; làm các bài tập thực hành theo lịch trình;

- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

1.11. Tin học đồ họa kiến trúc 2

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506214	Tên học phần:	Tin học đồ họa kiến trúc 2
	Tên tiếng Anh:	Computer Graphics 2
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Thực hành (THH)	30 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Trần Vũ Tiến	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thanh Hòa	
Giảng viên 3	TS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Tin học đồ họa kiến trúc 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành- bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đây là học phần rất quan trọng cho sinh viên ngành kiến trúc, giúp hoàn thiện kỹ năng thể hiện các mô hình không gian 3 chiều, diễn họa một đồ án kiến trúc và triển khai dự án bằng công nghệ Bim. Trong quá trình, học sinh viên được truyền đạt những kiến thức tổng quát về cách sử dụng phần mềm đồ họa Revit thông qua việc thực hành các bài tập trên máy tính.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phần mềm Revit và công nghệ Bim. - Biết được các lệnh vẽ và hiệu chỉnh trong Revit để triển khai một đồ án kiến trúc.
Kỹ năng	- Có khả năng tìm ý và dựng hình được phương án thiết kế công trình kiến trúc bất kỳ bằng phần mềm Revit. - Có kỹ năng sử dụng công cụ render cho Revit để diễn họa không gian 3 chiều một công trình kiến trúc bất kỳ.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Tạo sự thích thú sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
CLO 1	Sử dụng được các lệnh vẽ, lệnh hiệu chỉnh cơ bản trong Revit, công cụ render.	Nhớ Hiểu	PI 8.1, PI 7.2
CLO 2	Áp dụng các lệnh vẽ và hiệu chỉnh dựng hình được các vật thể cơ bản	Vận dụng	PI 7.2
CLO 3	Vận dụng kiến thức đã học để diễn họa và triển khai bản vẽ của một đồ án kiến trúc	Vận dụng Sáng tạo	PI 7.2 PI 9.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
CLO 1							R	I				
CLO 2							R					
CLO 3							R		M			
Tổng hợp							R	I	M			

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/ THH)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương 1: Giới thiệu công nghệ Bim 1.1.Khái quát 1.2.Tổng quan về Revit 1.3.Đặc điểm 1.4.Tính liên kết hai chiều	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu	CLO1
1	Chương 2: Giới thiệu chung về Revit Architecture 2.1.Giao diện người dùng 2.2.Định vị tập tin Revit	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu	CLO 1
2, 3	Chương 3: Hệ lưới và cao trình 3.1.Kích thước tạm 3.2.Tạo lập và hiệu chỉnh các cao trình 3.3.Bố trí hệ lưới định vị	2-4	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận và thực hành trên máy tính Về nhà: + Ôn bài và thực hành vẽ + Nghiên cứu tài liệu	CLO 1, CLO 2
4, 5	Chương 4: Làm việc với tường và cửa 4.1.Bố trí và hiệu chỉnh tường 4.2.Sử dụng các lệnh biên tập 4.3.Làm việc với tường nhiều lớp 4.4.Bố trí và hiệu chỉnh cửa đi, cửa sổ	2-4	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận và thực hành trên máy tính Về nhà:	CLO 1, CLO 2, CLO 3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/ THH)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Ôn bài và thực hành vẽ + Nghiên cứu tài liệu	
6, 7, 8	Chương 5: Triển khai công trình 5.1.Tạo lập và hiệu chỉnh cột, dầm 5.2.Tạo lập và hiệu chỉnh nền, sàn nhà 5.3.Tạo lập và hiệu chỉnh trần nhà 5.4.Tạo lập và hiệu chỉnh mái nhà 5.5.Tạo lập và hiệu chỉnh cầu thang, lan can	3-6	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận và thực hành trên máy tính Về nhà: + Ôn bài và thực hành vẽ + Nghiên cứu tài liệu	CLO 2, CLO 3
Tuần 9	Kiểm tra giữa kỳ	0-2		+ Thực hành trên máy tính	CLO 2, CLO 3
9,10, 11	Chương 6: Tạo lập Family 6.1.Giới thiệu và các công cụ tạo Form 6.2.Hướng dẫn tạo một số Family	3-6	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận và thực hành trên máy tính Về nhà: + Ôn bài và thực hành vẽ + Nghiên cứu tài liệu	CLO 2, CLO 3
12, 13, 14, 15	Chương 7: Số liệu của công trình 7.1.Tạo lập và hiệu chỉnh các bảng thống kê	4-8	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận và	CLO 2, CLO 3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/THH)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	7.2.Tạo phòng và tính diện tích phòng 7.3.Tạo lập các hình chiếu trích dẫn 7.4.Làm việc với khung tên 7.5.Tạo lập các hình diễn họa (Render)		+ Mô phỏng và hướng dẫn trên máy tính	thực hành trên máy tính Về nhà: + Ôn bài và thực hành vẽ + Nghiên cứu tài liệu	
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			Thực hành trên máy tính	CLO 1, CLO 2, CLO 3

13. Các hoạt động theo nhóm: Không

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân	CLO 1, CLO 2, CLO 3	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập thực hành trên máy tính	Tiêu chí 1	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO 1, CLO 2,	Tuần 7	Thực hành trên máy tính	Tiêu chí 1	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	CLO 1, CLO 2, CLO 3	Tuần thi	Thực hành trên máy tính	Tiêu chí 1	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập thực hành trên máy tính

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	30%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong khi vẽ	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Vẽ đúng yêu cầu, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Vẽ đẹp, chi tiết và rõ ràng.	70%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Giáo trình giáo viên biên soạn.

15.2. Sách (TLTK) tham khảo:

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Revit – bản quyền của Autodesk.
- Các tài liệu tham khảo từ Internet.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân vào cuối kỳ. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vũ Phương

ThS. Trần Vũ Tiến

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: CNKT Kiến trúc

Mã ngành: 7510101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506215	Tên học phần:	Cơ sở văn hóa Việt Nam
	Tên tiếng Anh:	Basic of Vietnamese culture
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):		
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. KTS. Phan Tiến Vinh	
Giảng viên 2	ThS. KTS. Trương Thị Huyền Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về văn hóa, văn hóa học và các kiến thức cơ bản, nền tảng của nền văn hóa giàu bản sắc của Việt Nam. Đây chính là những kiến thức cơ sở nền tảng quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, đồ án môn học của ngành CNKT Kiến trúc và trong quá trình hành nghề thực tế sau khi ra trường.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: văn hóa học và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và giải thích các khái niệm về văn hóa và văn hóa học. - Nêu và giải thích các cơ sở của văn hóa Việt Nam, gồm: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng áp dụng các kiến thức về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng vào thiết kế các công trình kiến trúc. - Có khả năng áp dụng các kiến thức về văn hóa để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến khía cạnh văn hóa và văn hóa trong kiến trúc. - Ứng dụng các kỹ năng nêu trên cho các môn học chuyên ngành kế tiếp. - Có kỹ năng làm việc và thảo luận nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng tự tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và tổng hợp những cứ liệu lịch sử văn hóa thành hệ thống bài phân tích, lý luận để trình bày. Phát triển năng lực phân tích vấn đề, đặt vấn đề và đánh giá kết quả điều tra. - Có khả năng tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu về quá trình phát triển văn hóa Việt Nam để hiểu được quy luật phát triển dân tộc. - Tạo hứng thú với nghiên cứu các hình thái văn hóa, phục vụ tư duy thiết kế kiến trúc và quy hoạch đô thị sau khi ra trường. - Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Năng lực CDIO
C1	<p>Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản về văn hóa và văn hóa học.</p> <p>Hiểu được ý nghĩa và mục tiêu của môn học cơ sở văn hóa Việt Nam đối với hành nghề kiến trúc</p> <p>Nêu và giải thích các cơ sở của văn hóa Việt Nam, gồm: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường</p>	Hiểu	
C2	<p>Nêu và giải thích các cơ sở của văn hóa Việt Nam, gồm: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường</p>	Hiểu Áp dụng	

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Năng lực CDIO
	Giải thích và phân tích được quá trình phát triển văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tự nhiên, môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội.		
C3	Áp dụng các kiến thức về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng vào thiết kế các công trình kiến trúc.	Vận dụng	
C4	Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình về vấn đề nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Có khả năng phân tích các bài viết về lịch sử phát triển văn hóa Việt Nam.	Vận dụng	4.5, 4.6, 4.7, 4.8
C5	Áp dụng các kiến thức về văn hóa để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến khía cạnh văn hóa và văn hóa trong kiến trúc.	Phân tích Sáng tạo	5.2, 5.3

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
C1	M,A	R										
C2	TB	R,A										
C3						R						
Tổng hợp HP	M,A					R						

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO/PI theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả PLO đó.

- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI.

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 10 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

Học phần có kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn và thi cuối kỳ.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1 : Văn hóa học và văn hóa Việt Nam 1. Văn hóa và văn hóa học 2. Định vị văn hóa Việt Nam 3. Tiến trình văn hóa Việt Nam	4/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm.	Trên lớp: + Trình bày slide + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Nghiên cứu tài liệu	CLO1, CLO2
3,4	Chương 2 : Văn hóa nhận thức 1. Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ: Triết lý âm dương 2. Triết lý về cấu trúc không gian của vũ trụ: Mô hình Tam tài, Ngũ hành. 3. Triết lý về thời gian của vũ trụ: Lịch Âm dương, hệ Can chi 4. Nhận thức về con người	4/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Đọc tài liệu liên quan đến lịch sử văn hóa Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3
5	Chương 3 : Văn hóa tổ chức đời sống tập thể 1. Tổ chức nông thôn 2. Tổ chức quốc gia Tổ chức đô thị	4/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận + Làm bài tập Về nhà: + Xem film tài liệu liên quan đến lịch sử văn hóa Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3
KT	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		Làm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3
6,7	Chương 4 : Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 1. Tín ngưỡng	4/0	+ Thuyết giảng	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	2. Phong tục 3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối		+ Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	+ Thảo luận Về nhà: + Xem film tài liệu liên quan đến lịch sử văn hóa Việt Nam	
8	Chương 5 : Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 1. Tận dụng môi trường tự nhiên: ăn 2. Ứng phó môi trường tự nhiên: Mặc 3. Ứng phó môi trường tự nhiên: Ở và đi lại	4/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận Về nhà: + Xem film tài liệu liên quan đến lịch sử văn hóa Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3
9,10	Chương 6 : Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội 1. Giao lưu với Ấn Độ: Văn hóa Chăm 2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam 3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam 4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 5. Phương Tây với văn hóa Việt Nam 6. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội	4/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận Về nhà: + Xem film tài liệu liên quan đến lịch sử văn hóa Việt Nam	CLO1, CLO2, CLO3
Thi học kỳ	Thi kiểm tra cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
3-9	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học

5-10	<p>Bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nhóm 04 sinh viên nghiên cứu, - Nghiên cứu tài liệu, soạn slide giới thiệu về quá trình phát triển văn hóa Việt Nam (lịch sử) theo hướng dẫn của giảng viên; - Nghiên cứu và rút ra các đặc trưng - Viết báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu; trình bày đề hoàn thiện và nộp báo cáo làm kết quả đánh giá Bài tập nhóm.
------	---

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm	Phương pháp	Tiêu chí	Trọng số
			Đánh giá			
Kiểm tra giữa kỳ	Làm bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1 , CLO2 , CLO3	Kiểm tra	Trả lời các câu hỏi	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Thực hiện: - Soạn silde giới thiệu về đô thị - Giới thiệu đô thị hiện đại - Phân tích và so sánh các đặc điểm phát triển của đô thị trong quá trình phát triển	CLO1 , CLO2 , CLO3	Tuần 10	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân, nhóm	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá cuối kỳ	- Nghiên cứu quá trình phát triển đô thị Đà Nẵng - Đề xuất các định hướng phát triển đô thị Đà Nẵng trong tương lai	CLO1 , CLO2 , CLO3	Tuần thi	Báo cáo nhóm	Tiêu chí 2 Tiêu chí 3	50%

Tiêu chí 1 – Bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài kiểm tra Bài kiểm tra không đủ thành phần 50% số lượng được giao	Nộp trên 50% số lượng bài kiểm tra được giao.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Hiểu được đề và thực hiện đảm bảo yêu cầu.	Nộp bài kiểm tra, và đầy đủ (100% số lượng được giao). Bài kiểm tra được trình bày rõ ràng, hiểu và giải thích được các câu hỏi một cách mạch lạc, đầy đủ nộp bài đúng thời gian quy định.	Nộp bài kiểm tra. Nội dung trình bày khoa học đúng trọng tâm, Nội dung có chất lượng tốt, chuyển tải được các thông tin theo yêu cầu của đề bài Đúng thời gian quy định.	30%
Nội dung bài tập lớn	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	70%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày chi	30%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nhưng phương pháp trình bày sai, không đáp ứng yêu cầu.	còn một số nhầm lẫn trong nghiên cứu, một số nội dung chưa hợp lý	Cách trình bày hợp lý nhưng chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	tiết, rõ ràng, logic. Kết quả nghiên cứu có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	
Kết quả nghiên cứu	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Đáp ứng nhiệm vụ của bài tập.	70%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin, hiểu biết những còn chưa thuyết phục.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

Giáo trình bắt buộc: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Trần Ngọc Thêm, NXB Giáo dục, 1999

+ Tài liệu tham khảo:

- *Khía cạnh văn hóa – xã hội của kiến trúc*, Nguyễn Đức Thiềm, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2014

- *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trần Quốc Vượng, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh, NXB Giáo dục, 1999

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

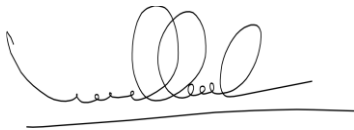
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện bài tập lớn theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa



TS. Phan Tiến Vinh

Trưởng Bộ môn



**ThS. Võ Thị Võ
Phương**

Người biên soạn



ThS. KTS. Trương Thị Huyền Anh

- 1.13. Vật liệu xây dựng
- 1.14. Cơ học công trình
- 1.15. Kết cấu công trình I
- 1.16. Kỹ thuật thi công I

II. Đề cương chi tiết các học phần chuyên ngành – Bắt buộc

2.1. Nguyên lý thiết kế kiến trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506217	Tên học phần:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc
	Tên tiếng Anh:	Architecture Design Principles
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	00 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. KTS. Phan Tiến Vinh	
Giảng viên 2	TS. KTS. Lưu Thiên Hương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Nguyên lý thiết kế kiến trúc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế kiến trúc một công trình kiến trúc. Đây chính là những kiến thức cơ sở quan trọng, rất cần thiết và là kim chỉ nam cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, đồ án môn học của ngành CNKT Kiến trúc và trong quá trình hành nghề thực tế sau khi ra trường.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Phương pháp luận về thiết kế công trình; Nguyên lý thiết kế mặt bằng công trình kiến trúc; Nguyên lý thiết kế hình khối không gian của công trình kiến trúc; Thụ cảm thị giác và độ nhìn rõ; Một số vấn đề kỹ thuật và kinh tế.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích được các nội dung về: phương pháp luận thiết kế công trình; nguyên lý bố cục mặt bằng công trình kiến trúc; nguyên lý bố cục hình khối không gian công trình kiến trúc. - Nêu và giải thích được các vấn đề về thụ cảm thị giác, độ nhìn rõ, kỹ thuật, kinh tế, ... trong thiết kế kiến trúc.
Kỹ năng	- Có khả năng áp dụng các nguyên lý thiết kế để thiết kế các công trình kiến trúc. - Ứng dụng các kỹ năng nêu trên cho các môn học chuyên ngành kế tiếp. - Có khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Hiểu và góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho SV.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nêu và giải thích được phương pháp luận về thiết kế công trình; nguyên lý bố cục mặt bằng và hình khối không gian công trình kiến trúc.	Nhớ - Hiểu	PI 3.2
CLO 2	Nêu và giải thích được các vấn đề về thụ cảm thị giác, độ nhìn rõ, kỹ thuật, kinh tế, ... trong thiết kế kiến trúc.	Nhớ - Hiểu	PI 3.2
CLO 3	Có khả năng vận dụng để vẽ sơ đồ dây chuyền công năng, phân tích một số vấn đề (kinh tế, chính trị, văn hóa và môi trường) của phương án thiết kế kiến trúc.	Vận dụng - Phân tích	PI 1.2
CLO 4	Thiết kế minh họa một công trình kiến trúc nhỏ (Bài tập thiết kế kiến trúc – thực hiện theo nhóm).	Sáng tạo	PI 4.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			I									
CLO 2			I									
CLO 3	R, A											I
CLO 4				I			I					
Tổng hợp	R, A		I	I			I					I

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương I: Phương pháp luận về thiết kế công trình 1. Khái niệm 2. Phương pháp luận về thiết kế công trình kiến trúc	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Nguyên lý bố cục mặt bằng công trình kiến trúc”	CLO1, CLO4
3, 4, 5, 6	Chương II: Nguyên lý bố cục mặt bằng công trình kiến trúc 1. Khái niệm chung 2. Ý nghĩa của bố cục mặt bằng 3. Cơ sở để lập bố cục mặt bằng 4. Phân tích về quan hệ giữa các khu vực chức năng sử dụng 5. Các loại bố cục mặt bằng 6. Yếu tố kỹ thuật, mỹ thuật và kinh tế qua bố cục mặt bằng công trình kiến trúc	8-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Ra đề bài, chia nhóm và hướng dẫn thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc”	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Nguyên lý bố cục hình khối không gian của công trình kiến trúc” + Thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc” theo nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7, 8, 9, 10	Chương III: Nguyên lý bố cục hình khối không gian của công trình kiến trúc 1. Khái niệm chung 2. Quy luật bố cục hình khối không gian của công trình kiến trúc 3. Sự cân bằng và ổn định trong bố cục kiến trúc 4. Tỷ lệ và tầm thước trong kiến trúc 5. Những quy luật đặc biệt của thị giác con người 6. Nguyên tắc thiết kế hình khối không gian của công trình kiến trúc	8-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Thụ cảm thị giác và độ nhìn rõ” + Thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc” theo nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
11, 12	Chương IV: Thụ cảm thị giác và độ nhìn rõ 1. Khái niệm chung 2. Những điều kiện hình học của sự thụ cảm thị giác	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà:	CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	3. Những điều kiện hình học để nhìn rõ		+ Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	+ Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Các vấn đề kỹ thuật và kinh tế” + Thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc” theo nhóm	
13, 14,15	Chương V: Các vấn đề kỹ thuật và kinh tế 1. Khí hậu, vi khí hậu và nhiệt trong kiến trúc 2. Chiếu sáng tự nhiên 3. Âm học kiến trúc 4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật 5. Vấn đề an toàn thoát người	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Sửa ý tưởng thiết kế trong “Bài tập thiết kế kiến trúc”	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc” theo nhóm	CLO2, CLO3, CLO4
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
5-15	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	CLO1, CLO2, CLO3	Mỗi buổi học	Đánh giá chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	Tiêu chí 1	10%
Bài tập thiết kế kiến trúc	Sinh viên được giao nhiệm vụ theo nhóm	CLO3, CLO4	Nộp bài trước khi thi cuối kỳ	Đánh giá Bài tập	Tiêu chí 2	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2	Tuần 8	Kiểm tra tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Thi kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3.	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá bài tập - “Bài tập thiết kế kiến trúc”

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung và thành phần Bài tập	Không nộp Bài tập.	Có nộp. Bài tập đủ 60% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Bài tập đủ 80% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Bài tập đủ 100% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Bài tập đủ 100% thành phần nội dung được giao.	20%
Trình bày Bài tập	Không có Bài tập	Bài tập được trình bày không yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Một số hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Bài tập được trình bày đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày.	Bài tập được trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập được trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	40%
Nội dung Bài tập	Không có Bài tập	Có ý tưởng thiết kế nhưng chưa hợp lý.	Có ý tưởng thiết kế đáp ứng yêu cầu. Một số không gian chưa hợp lý.	Có ý tưởng thiết kế đáp ứng yêu cầu, phù hợp với thể loại công trình. Hình ảnh đúng, rõ ràng.	Có ý tưởng thiết kế đáp ứng yêu cầu, độc đáo, phù hợp với thể loại công trình. Hình ảnh chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	40%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Tạ Trường Xuân, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, NXB Xây dựng Hà Nội, 2014..

15.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Việt Châu. Nguyễn Hồng Thục, Kiến trúc công trình công cộng, NXB Xây dựng Hà Nội, 1999.

2. Đặng Thái Hoàng, Kiến trúc nhà ở, NXB Xây dựng Hà Nội, 2014.
3. Nguyễn Đức Thiềm, Nguyên lý thiết kế Kiến trúc - Nhà ở -Nhà công cộng, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 2007.
4. Nguyễn Đức Thiềm, Nguyên lý thiết kế Kiến trúc - Kiến trúc nhập môn, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 1999.
5. Nguyễn Hữu Trí, Kiến trúc nhập môn, NXB Giao thông vận tải, 2004

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc” đúng quy định. “Bài tập thiết kế kiến trúc” phải do nhóm sinh viên thực hiện. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Phan Tiến Vinh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506218	Tên học phần:	Kiến trúc công cộng
	Tên tiếng Anh:	Public architecture
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	25 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	05 tiết	
Tự học (TH):	55 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Đinh Nam Đức	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thanh Hòa	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức bắt đầu chuyên sâu về các loại hình kiến trúc nhà công cộng thông dụng, từ đặc điểm loại hình, lược sử quá trình phát triển, phân loại... đến các nguyên tắc và tiêu chuẩn thiết kế từng loại công trình cụ thể kèm các ví dụ minh họa, cùng các triển vọng xu hướng phát triển của chúng trong tương lai. Qua môn học, sinh viên không chỉ được mở rộng kiến thức về lý thuyết kiến trúc nhà công cộng mà còn được thấy rõ hơn mối quan hệ giữa tiến bộ kỹ thuật và khoa học với kiến trúc và đời sống xã hội. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức và phương pháp luận để thực hiện những bài tập thực hành và các đồ án về sau

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các loại nhà công cộng; các thành phần cơ bản, hệ thống mạng lưới, kết cấu của nhà công cộng.

Mục tiêu	Mô tả
	- Đưa ra các giải pháp phân khu, tổ hợp không gian, thiết kế nhìn rõ, thiết kế và kiểm tra thoát người trong nhà công cộng.
Kỹ năng	- Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp để làm việc hiệu quả. - Có khả năng ứng dụng kiến thức để thiết kế công trình công cộng, bao gồm thiết kế tổng mặt bằng và mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt chi tiết công trình.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Tạo sự thích thú sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	- Phân loại và giải thích được các loại hình nhà công cộng, công năng nhà công cộng, yêu cầu thiết kế các bộ phận của nhà công cộng, các hệ thống mạng lưới công trình công cộng,	Hiểu	PI 1.1
CLO 2	- Phân biệt và vận dụng thiết kế các bộ phận chính và phụ của nhà công cộng, các giải pháp kết cấu cho từng loại hình nhà công cộng cụ thể.	Hiểu Vận dụng	PI 3.2
CLO 3	- Đánh giá được các giải pháp phân khu và tổ hợp không gian.	Đánh giá	PI 4.1
CLO 4	- Thiết kế nhìn rõ trong phòng khán giả, thiết kế và kiểm tra thoát người an toàn trong nhà công cộng.	Sáng tạo	PI 4.4
CLO 5	- Có ý thức thực hành đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Kiến trúc - Xây dựng.	Hiểu Vận dụng	PI 12.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	R											
CLO 2			R									
CLO 3				R								
CLO 4				R								
CLO 5												I
Tổng hợp	R		R	R								I

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Đặc điểm và yêu cầu kiến trúc nhà công cộng. Phân loại nhà công cộng 1.1. Định nghĩa nhà công cộng và phân loại 1.2. Đặc điểm nhà công cộng	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	C1, C2, C5
3, 4	Chương 2: Các bộ phận của nhà công cộng 2.1. Hệ thống không gian nội thất của nhà công cộng 2.2. Thiết kế các phòng chính 2.3. Các phòng phụ trong nhà công cộng 2.4. Các không gian giao thông trong nhà công cộng	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	C1, C2, C5
5, 6	Chương 3: Hệ thống mạng lưới công trình công cộng 3.1. Hệ thống cấp bậc của mạng lưới công trình công cộng. Cách xác định sức chứa hợp lý 3.2. Chọn địa điểm xây dựng và thiết kế tổng mặt bằng	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	C1, C2, C5
7, 8	Chương 4: Phân khu hợp nhóm. Giải pháp tổ hợp không gian hình khối kiến trúc 4.1. Phân khu hợp nhóm trong nhà công cộng 4.2. Các giải pháp tổ hợp “không gian - mặt bằng” kiến trúc 4.3. Cách tổ hợp các phòng lớn tập trung đông người	3-1	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	C1, C2, C5
9	Thi giữa kỳ	0-2		+ Bài thi tự luận	C1, C2
10, 11	Chương 5: Thiết kế nhìn rõ trong phòng khán giả 5.1. Nhiệm vụ, yêu cầu 5.2. Các yêu cầu về bố trí chỗ ngồi 5.3. Các phương pháp thiết kế nền dốc	3-1	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	C3, C4
12, 13	Chương 6: Thiết kế và kiểm tra thoát người an toàn trong nhà công cộng 6.1. Khái niệm và nhiệm vụ 6.2. Phân loại quá trình thoát và yêu cầu tổ chức lối thoát 6.3. Cơ sở tính toán và trình tự giải quyết một bài toán thoát người	3-1	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	C3, C4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
14, 15	Chương 7: Đặc điểm kết cấu và thẩm mỹ kiến trúc nhà công cộng 7.1. Đặc điểm kết cấu nhà công cộng 7.2. Các thủ pháp tạo thẩm mỹ kiến trúc của nhà công cộng	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn tập thi cuối kì	C3, C4
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C3, C4

13. Các hoạt động theo nhóm: Thảo luận nhóm tại các buổi học lý thuyết và thực hiện bài thu hoạch theo nhóm, nộp vào tuần 15

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Thi giữa kỳ	Bài thi giữa kỳ	C1, C2	Tuần 9	Kiểm tra tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	30%
Bài tập	Bài tập nhóm	C5	Tuần 15	Bài thu hoạch nhóm	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Thi cuối kì	Bài thi cuối kì	C3, C4	Tuần thi cuối kì	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- *Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng: Kiến trúc nhà công cộng*, GS.TS. KTS Nguyễn Đức Thiềm, NXB Xây dựng, 2021.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng*, GS.TS. KTS Nguyễn Đức Thiềm, NXB Xây dựng, 2007.

- *Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà dân dụng*. Tập 1. Kiểm trúc nhập môn, GS.TS. KTS Nguyễn Đức Thiềm, NXB Khoa học và Kỹ Thuật, Hà Nội, 1999.

- *Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà dân dụng*, GS.TS. KTS Nguyễn Đức Thiềm, Giáo trình trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 1975

- *Góp phần tìm hiểu bản sắc kiến trúc truyền thống Việt Nam*, GS.TS. KTS Nguyễn Đức Thiềm, NXB Xây dựng Hà Nội, 2000.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải tham gia thực hiện và nộp bài thu hoạch theo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Đinh Nam Đức

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506219	Tên học phần:	Kiến trúc nhà ở
	Tên tiếng Anh:	Housing architecture
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	22 tiết	
Bài tập (BT):	08 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Lưu Thiên Hương	
Giảng viên 2	TS. Phan Tiến Vinh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Kiến trúc nhà ở trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan loại hình kiến trúc nhà ở; các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm loại hình, các thành phần chính và nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở. Đây chính là những kiến thức cơ sở nền tảng quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, đồ án môn học của ngành CNKT Kiến trúc và trong quá trình hành nghề thực tế sau khi ra trường. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: tổng quan về kiến trúc nhà ở, cơ sở thiết kế nhà ở hiện đại, các bộ phận chính của kiến trúc nhà ở, kiến trúc nhà ở thấp tầng, kiến trúc chung cư nhiều tầng và kiến trúc chung cư cao tầng.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích các khái niệm, đặc điểm phân loại của các loại hình kiến trúc nhà ở.

Mục tiêu	Mô tả
	- Nêu và giải thích được nguyên lý thiết kế của các loại hình kiến trúc nhà ở.
Kỹ năng	- Có khả năng áp dụng các kiến thức về các loại hình kiến trúc nhà ở vào thiết kế các công trình kiến trúc tại trường và thực tế hành nghề sau khi tốt nghiệp . - Có khả năng áp dụng các kiến thức về các loại hình kiến trúc nhà ở để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến vấn đề nhà ở. - Ứng dụng các kỹ năng nêu trên cho các môn học chuyên ngành kế tiếp.
Thái độ	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	So sánh được các khái niệm, đặc điểm và phân loại của các loại hình kiến trúc nhà ở.	Hiểu biết	PI 1.1
CLO 2	Sử dụng được nguyên lý thiết kế các loại hình kiến trúc nhà ở để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến vấn đề nhà ở.	Áp dụng	PI 3.2
CLO 3	Giải thích được các phương án thiết kế kiến trúc liên quan đến các thể loại công trình kiến trúc nhà ở.	Phân tích	PI 4.2
CLO4	Sử dụng được các kiến thức về thiết kế nhà ở để thiết kế nội thất cho các công trình nhà ở.	Áp dụng	PI 4.4

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	R											
CLO 2			R									
CLO3				R								
CLO 4				R								
Tổng hợp	R		R	R	-	-	-	-	-	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương 1: Tổng quan về kiến trúc nhà ở 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm và phân loại 1.3. Sơ lược quá trình phát triển của kiến trúc nhà ở	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà:	C1

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về Cơ sở thiết kế nhà ở hiện đại	
2,3	Chương 2: Cơ sở thiết kế nhà ở hiện đại 2.1. Cơ sở về điều kiện tự nhiên 2.2. Cơ sở về xã hội nhân văn 2.3. Cơ sở về văn hóa truyền thống 2.4. Cơ sở về kinh tế kỹ thuật 2.5. Kiến trúc nhà ở truyền thống tại Việt Nam	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về Các bộ phận chính của kiến trúc nhà ở	C1
4,5	Chương 3: Các bộ phận chính của kiến trúc nhà ở 3.1. Công năng của nhà ở hiện đại 3.2. Các yêu cầu về tâm lý – sinh học của không gian ở 3.3. Các bộ phận chính trong nhà ở	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về Kiến trúc nhà ở thấp tầng	C1 C2
6,7,8	Chương 4: Kiến trúc nhà ở thấp tầng 4.1. Khái niệm 4.2. Đặc điểm và phân loại 4.3. Đặc điểm của một số loại hình nhà ở thấp tầng 4.4. Các tiêu chuẩn và nguyên tắc thiết kế 4.5. Xu hướng phát triển của kiến trúc nhà ở thấp tầng	4-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về Kiến trúc chung cư nhiều tầng	C1 C2 C3 C4
9	Kiểm tra giữa kỳ	0-2	+ Bài thi tự luận	+ Bài thi tự luận	C1 C2
10, 11, 12	Chương 5: Kiến trúc chung cư nhiều tầng 5.1. Khái niệm 5.2. Đặc điểm và phân loại 5.3. Thành phần và cấu trúc căn hộ trong chung cư nhiều tầng 5.4. Các tiêu chuẩn và nguyên tắc thiết kế 5.5. Xu hướng phát triển của kiến trúc chung cư nhiều tầng	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về Kiến trúc chung cư cao tầng	C1 C2 C3 C4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
13, 14, 15	Chương 6: Kiến trúc chung cư cao tầng 6.1. Khái niệm 6.2. Đặc điểm và phân loại 6.3. Thành phần và cấu trúc căn hộ trong chung cư cao tầng 6.4. Các tiêu chuẩn và nguyên tắc thiết kế 6.5. Xu hướng phát triển của kiến trúc chung cư cao tầng	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Chuẩn bị các nội dung thi cuối kì theo đề cương ôn tập	C1 C2 C3 C4
Tuần thi HK	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C2 C3 C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Thảo luận và thực hiện các thuyết trình theo nhóm trong quá trình học.
12-15	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 4-5 sinh viên, - Lựa chọn các nội dung lý thuyết đã học và phân tích trên công trình nhà ở thực tế, - Mỗi nhóm đăng ký thời điểm thuyết trình, lựa chọn trong khoảng thời gian từ tuần 12-15 - Các nhóm chuẩn bị báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung báo cáo.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập nhóm	Lựa chọn các nội dung lý thuyết đã học và phân tích trên công trình nhà ở thực tế	C3 C4	Trong khoảng thời gian từ Tuần 12-15	Đánh giá báo cáo nhóm	Tiêu chí 1	10%
				Vấn đáp nhóm	Tiêu chí 2	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C1 C2	Tuần 9	Tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C2 C3 C4	Tuần thi	Tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Đánh giá báo cáo nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán,	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	phù hợp với yêu cầu.	toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	một số nội dung chưa hợp lý.	Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	

Tiêu chí 2 – Vấn đáp nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- *Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng*, PGS, TS. Nguyễn Đức Thiềm, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2007.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Sổ tay thiết kế kiến trúc nhà đô thị*, Lê Mục Đích (2014), NXB Xây dựng Hà Nội, 2014.

- *Quy hoạch xây dựng Đơn vị ở*, Phạm Hùng Cường, Lâm Quang Cường, Đặng Thái Hoàng, Phạm Thúy Loan, Đàm Thu Trang, NXB Xây dựng Hà Nội, 2009.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Lưu Thiên Hương

2.4. Kiến trúc công nghiệp

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506220	Tên học phần:	Kiến trúc công nghiệp
	Tên tiếng Anh:	Industrial architecture
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	36 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	09 tiết	
Tự học (TH):	81 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Trần Vũ Tiến	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thị Kim Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Thiết kế kiến trúc công nghiệp là một nội dung kiến thức cơ bản và quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Kiến trúc công trình.

Để có thể thiết kế loại hình Kiến trúc công nghiệp thì sinh viên cần được cung cấp những cơ sở lý luận làm nền tảng. Một trong những cơ sở đó là nguyên lý thiết kế kiến trúc Nhà công nghiệp. Đây cũng chính là những kiến thức mà học phần Kiến trúc công nghiệp trang bị cho sinh viên.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, các cơ sở và nguyên tắc thiết kế về nhà công nghiệp. - Trang bị cho người học giải pháp thiết kế tổng mặt bằng các xí nghiệp công nghiệp; giải pháp tổ chức mạng lưới giao thông, cung cấp kỹ thuật và hoàn thiện khu đất xí nghiệp công nghiệp, giải pháp thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp.

Mục tiêu	Mô tả
	- Hiểu được các chi tiết cấu tạo cơ bản nhà công nghiệp
Kỹ năng	- Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp để làm việc hiệu quả. - Có khả năng ứng dụng kiến thức để thiết kế công trình công nghiệp cơ bản. - Vẽ được các chi tiết cấu tạo cơ bản của nhà công nghiệp.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Tạo sự thích thú sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nêu và giải thích được các khái niệm chung về Kiến trúc công nghiệp; các cơ sở, các nguyên tắc thiết kế kiến trúc công nghiệp	Nhớ - Hiểu	PI 1.1
CLO 2	So sánh và đưa ra các giải pháp thiết kế tổng mặt bằng các xí nghiệp công nghiệp, giải pháp tổ chức mạng lưới giao thông, cung cấp kỹ thuật và hoàn thiện khu đất xí nghiệp công nghiệp.	Vận dụng - Phân tích	PI 3.2
CLO 3	Vẽ được các chi tiết cấu tạo cơ bản của nhà công nghiệp.	Vận dụng	PI 4.3
CLO 4	Có khả năng thiết kế được kiến trúc các nhà công nghiệp cơ bản	Vận dụng Sáng tạo	PI 4.3, PI 12.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	R											
CLO 2			R									
CLO 3				R,A								
CLO 4				R,A								I
Tổng hợp	R		R	R,A								I

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	<i>Chương 1: Tổng quan về kiến trúc công nghiệp</i>	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu	<i>Trên lớp:</i> + Nghe giảng	CLO1

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	1.Khái niệm về kiến trúc Công nghiệp 2.Tình hình xây dựng Công nghiệp ở nước ta và trên Thế giới		+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	+ Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	
1, 2, 3,	Chương 2: Thiết kế tổng mặt bằng các xí nghiệp công nghiệp 1.Nhiệm vụ, nội dung và những yêu cầu chủ yếu 2.Các cơ sở cần thiết để thiết kế thiết kế Tổng mặt bằng XNCN 3.Các nguyên tắc cơ bản khi nghiên cứu thiết kế quy hoạch - kiến trúc và xây dựng các XNCN 4.Các giải pháp quy hoạch không gian - mặt bằng các xí nghiệp công nghiệp 5.Quy hoạch khu trước Xí nghiệp 6.Mở rộng xí nghiệp công nghiệp	7-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	CLO1, CLO2
4	Chương 3: Tổ chức mạng lưới giao thông, cung cấp kỹ thuật và hoàn thiện khu đất xí nghiệp công nghiệp 1.Tổ chức mạng lưới giao thông vận chuyển trong xí nghiệp 2.Tổ chức mạng lưới cung cấp kỹ thuật trong khu đất xí nghiệp 3.Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật để so sánh các phương án tổng mặt bằng xí nghiệp công nghiệp	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới	CLO1, CLO2
5,6	Chương 4: Những cơ sở của thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp 1.Phân loại nhà công nghiệp 2.Các tài liệu về công nghệ sản xuất	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài	CLO1, CLO2, CLO4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/ BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	3.Thiết bị vận chuyển nâng trong Nhà công nghiệp 4.Hệ thống kỹ thuật Những đặc điểm điều phối môđun, thống nhất hóa và điển hình hóa nhà công nghiệp			+ Tìm hiểu bài mới	
7	Kiểm tra giữa kỳ	0-3		+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2
7, 8, 9, 10	Chương 5: Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp 1.Yêu cầu và nguyên tắc chung 2.Thiết kế kiến trúc Nhà công nghiệp 1 tầng 3.Thiết kế kiến trúc Nhà công nghiệp nhiều tầng 4.Nhà và phòng phục vụ quản lý – sinh hoạt trong nhà công nghiệp	9-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Làm bài tập	Trên lớp: Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới + Làm bài tập	CLO1, CLO2, CLO4
11, 12, 13, 14, 15	Chương 6: Thiết kế cấu tạo kiến trúc nhà và công trình công nghiệp 1.Nguyên tắc chung thiết kế cấu tạo kiến trúc nhà công nghiệp 2.Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp 3.Kết cấu bao che nhà công nghiệp 4.Nền, sàn và các kết cấu phụ	12-3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Làm bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Tìm hiểu bài mới + Làm bài tập	CLO1, CLO2, CLO3
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Thảo luận nhóm trong quá trình học

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập cá nhân	Tất cả bài tập chi tiết cấu tạo vẽ tay giấy A4	CLO3, CLO4	Nộp trước khi thi	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2	Tuần 8	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp và thành phần Bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong khi vẽ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Vẽ đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Vẽ đẹp, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	80%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Thiết kế kiến trúc công nghiệp, Nguyễn Minh Thái, NXB Xây dựng 2004.

15.2. Sách (TLTK) tham khảo:

1. Kiến trúc công nghiệp, Nguyễn Tại, Phạm Đình Tuyển, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2001.
2. Nguyên lý thiết kế kiến trúc, Tạ Trường Xuân, Nxb Xây dựng, Hà Nội 1997.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện Bài tập đúng quy định. Bài tập phải mỗi sinh viên thực hiện. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vũ Phương

ThS. Trần Vũ Tiến

2.5. Lịch sử kiến trúc

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5505048	Tên học phần:	Lịch sử kiến trúc
	Tên tiếng Anh:	Architecture history
2. Số tín chỉ:	3 (3-0)	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	30 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	90 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS.KTS Võ Thị Vy Phương	
Giảng viên 2	ThS.KTS Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Lịch sử kiến trúc giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của thế giới từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XX; những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của một số dòng kiến trúc tiêu biểu của Việt Nam. Từ đó cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận làm nền tảng cho việc thiết kế kiến trúc. Đây chính là những kiến thức cơ sở lý luận quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế - Đồ án môn học của ngành Kiến trúc công trình và trong quá trình làm việc thực tế sau khi ra trường.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được lịch sử hình thành – phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của thế giới từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XX Nắm được lịch sử phát triển của một số dòng kiến trúc tiêu biểu của Việt Nam từ thời kỳ phong kiến trở về trước.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng đánh giá, xác định các công trình kiến trúc thuộc loại hình kiến trúc, trào lưu kiến trúc nào. - Ứng dụng các kiến thức, kỹ năng học được trong học phần này vào việc học các môn học chuyên ngành. - Có khả năng tự học, tự tìm hiểu mở rộng kiến thức về lịch sử nói chung và lịch sử kiến trúc nói riêng. - Có khả năng làm việc nhóm và thuyết trình về các vấn đề có liên quan đến lịch sử kiến trúc, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tổng hợp những kiến thức đã học và áp dụng để học các học phần tiếp theo. - Tạo những cơ sở nền tảng để hình thành và phát triển khả năng sáng tạo. - Có khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình cho sinh viên về các vấn đề có liên quan đến lịch sử kiến trúc, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời.. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
CLO1	<p>Nắm được lịch sử hình thành – phát triển của các loại hình và trào lưu kiến trúc của thế giới từ thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ XX.</p> <p>Nắm được lịch sử phát triển của một số dòng kiến trúc tiêu biểu của Việt Nam từ thời kỳ phong kiến trở về trước.</p>	Nhớ hiểu	
CLO2	<p>Có khả năng đánh giá, xác định các công trình kiến trúc thuộc loại hình kiến trúc, trào lưu kiến trúc nào.</p> <p>Ứng dụng các kiến thức, kỹ năng học được trong học phần này vào việc học các môn học chuyên ngành</p>	Vận dụng	

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
CLO3	Có khả năng làm việc nhóm và thuyết trình về các vấn đề có liên quan đến lịch sử kiến trúc, kỹ năng phân biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời..	Vận dụng	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	LOP 10	PLO 11	PLO 12
CLO1	M,A	R										
CLO2	R	R,A										
CLO3						R						
Tổng hợp	M,A	R,A				R						

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	<p>Phần 1: Lịch sử kiến trúc phương Tây</p> <p>Chương 1: Kiến trúc xã hội nguyên thủy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc - Các công trình tiêu biểu theo từng thời kỳ - Thuyết trình nhóm 	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	CLO1, CLO2, CLO3
2	<p>Chương 2: Kiến trúc Ai Cập cổ đại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc - Các loại hình kiến trúc 	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm 	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	- Thuyết trình nhóm			+ Trình bày slide theo nhóm Về nhà: + Làm Slide thuyết trình	
3	Chương 3: Kiến trúc Tây Á cổ đại - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc - Các loại hình kiến trúc - Thuyết trình nhóm	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm Về nhà: + Làm Slide thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3
4	Chương 4: Kiến trúc Hy Lạp cổ đại - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu - Các loại hình kiến trúc Hy Lạp chính thống - Thuyết trình nhóm	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm Về nhà: + Làm Slide thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3
5	Chương 5: Kiến trúc La Mã cổ đại - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình kiến trúc tiêu biểu - Thuyết trình nhóm 			<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	
6	<p>Chương 6: Kiến trúc Byzantine</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc - Các loại hình kiến trúc tiêu biểu - Thuyết trình nhóm 	3-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	CLO1, CLO2, CLO3
7	<p>Chương 7: Kiến trúc Romanesque</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các thời kì lịch sử - Đặc điểm kiến trúc - Các loại hình kiến trúc tiêu biểu - Thuyết trình nhóm 	3-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	CLO1, CLO2, CLO3
8	<p>Chương 8: Kiến trúc Gothic</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Đặc điểm kiến trúc - Các thời kì phát triển - Đặc điểm kiến trúc 	3-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm 	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình kiến trúc tiêu biểu - Thuyết trình nhóm 			<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	
9	<p>Chương 9: Kiến trúc Phục hưng Châu Âu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng xã hội thời kì Phục Hưng - Đặc điểm chung của Kiến trúc Phục hưng - Kiến trúc Phục hưng Italia - Kiến trúc Phục hưng Pháp - Thuyết trình nhóm 	3-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	CLO1, CLO2, CLO3
10	<p>Chương 10: Kiến trúc Cận đại giai đoạn 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng xã hội - Các trào lưu kiến trúc Cận đại giai đoạn 1 - Thuyết trình nhóm 	3-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm Slide thuyết trình 	CLO1, CLO2, CLO3
11	<p>Chương 11: Kiến trúc Cận đại giai đoạn 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ảnh hưởng xã hội - Các trào lưu kiến trúc Cận đại giai đoạn 2 - Thuyết trình nhóm 	3-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm 	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Trình bày slide theo nhóm Về nhà: + Làm Slide thuyết trình	
12, 13	Chương 12: Kiến trúc hiện đại - Các ảnh hưởng xã hội - Đặc điểm kiến trúc - Các trào lưu kiến trúc tiêu biểu - Thuyết trình nhóm	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm Về nhà: + Làm Slide thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3
14,15	Phần 2: Lịch sử kiến trúc Việt Nam - Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội - Các dòng kiến trúc tiêu biểu - Thuyết trình nhóm	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Trình bày slide theo nhóm Về nhà: + Làm Slide thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài kiểm tra cuối kỳ	CLO1, CLO2,

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
2-15	Thuyết trình, Thảo luận và làm bài tập cá nhân trong quá trình học
2 đến 15	Bài tập - Sinh viên làm bài tập lớn, chuẩn bị bài thuyết trình theo yêu cầu của giáo viên

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Đặt câu hỏi		Mỗi buổi học	Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 2	10%
Bài tập tuần, bài tập lớn	Giáo viên giao các bài tập lớn và nội dung báo cáo thuyết trình	CLO1 CLO3	Từ tuần 1 đến 15	Đánh giá bản bài tập lớn (cá nhân)	Tiêu chí 1	20%
				Đánh giá bài thuyết trình nhóm	Tiêu chí 2	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài kiểm tra	CLO1 CLO2	Tuần thi	Làm bài tự luận	Theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số bài tập được giao. Chưa đúng thời	Nộp trên 80% số lượng được giao. Bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Bài tập nộp đúng thời	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	40%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		gian quy định.		gian quy định.	Có sáng tạo trong trình bày.	
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Có sáng tạo trong trình bày.	60%

Tiêu chí 2 – Vấn đáp /thuyết trình cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
					Báo cáo trình bày đầy đủ các nội dung. Có bổ sung thêm các nội dung mới có liên quan.	

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
 3. Bài giảng môn Lịch sử kiến trúc, Giảng viên ĐH Sư phạm Kỹ thuật giảng dạy biên soạn, 2020
- Tài liệu tham khảo:
 6. Giáo trình lịch sử kiến trúc thế giới, Tập 1&2, Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đình, NXB Xây dựng Hà Nội, 2006.
 7. Kiến trúc cổ Việt Nam, Vũ Văn Tang, NXB Xây dựng Hà Nội, 1999.
 8. Lịch sử kiến trúc Phương Tây, Trần Văn Khải, NXB Giao thông vận tải, 2000.
 9. Kiến trúc Việt Nam – Các dòng tiêu biểu, Trường ĐH Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506222	Tên học phần:	Quy hoạch đô thị 1
	Tên tiếng Anh:	Urban Planning 1
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	00 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. KTS. Trương Thị Huyền Anh	
Giảng viên 2		
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Quy hoạch đô thị trang bị cho sinh viên những khái niệm về đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị và quá trình đô thị hóa hiện nay. Đây chính là những kiến thức cơ bản nhất giúp sinh viên làm quen với công tác quy hoạch đô thị trong các đề án tại trường và công việc thực tế sau này. Nội dung của môn Quy hoạch đô thị bao gồm: khái niệm về đô thị và quy hoạch đô thị, thiết kế quy hoạch tổng thể đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết đô thị, quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích được các khái niệm chung về đô thị và quy hoạch đô thị. - Nêu và giải thích được nguyên nhân đô thị hóa, bùng nổ dân số, phương pháp quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết và công tác quản lý xây dựng đô thị.
Kỹ năng	- Có khả năng ứng dụng để thiết kế các dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc chỉnh trang đô thị. - Có khả năng tổng hợp những kiến thức đã học và áp dụng để học các học phần tiếp theo.
Thái độ	- Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học cho sinh viên. - Làm việc và hợp tác với 1 nhóm người học tích cực và có hiệu quả

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
C1	Giải thích được các khái niệm chung về đô thị và quy hoạch đô thị.	Hiểu	
C2	Giải thích được nguyên nhân đô thị hóa, bùng nổ dân số, phương pháp quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết và công tác quản lý xây dựng đô thị.	Hiểu Vận dụng	
C3	Áp dụng các kiến thức về quy hoạch để giải quyết các bài tập về quy hoạch phát triển một khu vực đô thị (khu dân cư hoặc khu công nghiệp)	Vận dụng	
C4	Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình chủ đề liên quan đến quy hoạch phát triển đô thị	Vận dụng	
C5	Đề xuất được các giải pháp quy hoạch mới, tương thích với điều kiện cho trước của khu vực cần quy hoạch	Phân tích Sáng tạo	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
C1	M,A	R										
C2	TB	R,A										
C3						R						
Tổng hợp HP	M,A					R						

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2, 3	<p>Chương 1: Khái niệm về đô thị và quy hoạch xây dựng đô thị</p> <p>1.1 Đô thị</p> <p>1.2 Quy hoạch đô thị</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về đô thị và quy hoạch đô thị 	CLO1, CLO2
4, 5, 6, 7, 8	<p>Chương 2: Thiết kế quy hoạch tổng thể đô thị</p> <p>2.1 Quy mô, tính chất trong thiết kế quy hoạch đô thị</p> <p>2.2 Đánh giá hiện trạng đất đai</p> <p>2.3 Các thành phần đất đai trong quy hoạch đô thị</p> <p>2.4 Định hướng phát triển đô thị</p> <p>2.5 Quy hoạch sử dụng đất đai đô thị</p>	10-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về thiết kế quy hoạch tổng thể đô thị 	CLO1, CLO2, CLO3
8	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		<ul style="list-style-type: none"> + Bài thi tự luận 	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
9, 10, 11, 12	<p>Chương 3: Thiết kế quy hoạch chi tiết đô thị</p> <p>3.1 Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quy hoạch khu đất</p> <p>3.2 Phân tích đánh giá khu đất và nhiệm vụ quy hoạch</p> <p>3.3 Bố cục quy hoạch kiến trúc</p> <p>3.4 Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chi tiết</p>	8-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về quy hoạch chi tiết đô thị 	CLO1, CLO2, CLO3
13, 14,	<p>Chương 4: Quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị</p> <p>4.1 Khái niệm cơ bản</p> <p>4.2 Định hướng công tác quản lý quy hoạch đô thị</p> <p>4.3 Quản lý nhà nước về quy hoạch và xây dựng đô thị</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị 	CLO1, CLO2, CLO3
15	Báo cáo bài tập lớn	0-2		<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo thuyết trình bài tập <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự ôn tập 	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
4 đến 9	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 3 sinh viên nghiên cứu, lựa chọn 1 khu vực cần lập quy hoạch - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả thiết kế quy hoạch vào tuần 15.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân	CLO1 , CLO2 , CLO3	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Sinh viên được phân bài tập tìm hiểu, nghiên cứu, lựa chọn 1 khu vực cần lập quy hoạch	CLO1 , CLO2 , CLO3	Tuần 15	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1 ,	Tuần 9	Kiểm tra tự luận	2-3 câu/10 điểm đúng	20%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
		CLO2 , CLO3			theo đáp án	
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	CLO1 , CLO2 , CLO3	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Kết quả thiết kế chưa đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong thiết kế quy hoạch, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả thiết kế quy hoạch chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả quy hoạch và các phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%
Kết quả thiết kế quy hoạch	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng giải pháp không chi tiết và cho kết không đúng theo yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Giải pháp chi tiết chưa đúng theo yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Giải pháp quy hoạch chi tiết cho kết quả gần đúng theo yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Giải pháp quy hoạch chi tiết cho kết quả chính xác theo yêu cầu đặt ra.	50%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các	Các câu trả lời không rõ	Các câu trả lời đúng trọng tâm	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
 1. Nguyễn Thế Bá, Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội, 1997.
- Sách (TLTK) tham khảo:
 1. Trần Đình Hiếu, Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, ĐH Khoa học – Đại học Huế, 2014.
 2. Phạm Thị Xuân Thọ, Địa lý đô thị, Nhà xuất bản Giáo dục, 2008.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kiến trúc

Mã ngành: 7510101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần:	Tên học phần: Quy hoạch đô thị 2
	Tên tiếng Anh: Urban planning 2
2. Số tín chỉ:	2
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	30 tiết
Bài tập (BT):	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	TS. Phan Bảo An
Giảng viên 2	Ths. Trương Thị Huyền Anh
Giảng viên 3	
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	Quy hoạch đô thị 1
Học phần song hành:	
6. Vị trí học phần trong chương trình:	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Quy hoạch đô thị được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thiết kế quy hoạch đô thị.

Nội dung cơ bản của học phần (*tiếp theo phần Quy hoạch đô thị 1*): Học phần Quy hoạch đô thị 2 cung cấp cho sinh viên phương pháp lý luận và đặt vấn đề về thiết kế quy hoạch đô thị (*xác lập mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế*); phương pháp nghiên cứu dữ liệu phục vụ quy hoạch (*thu thập dữ liệu dân số, hiện trạng đô thị về kinh tế - văn hoá - môi trường...*); các nguyên tắc thiết kế và quy hoạch tổng thể đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết đô thị, quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị.

Học phần Quy hoạch đô thị 2 cung cấp cho người học các kiến thức về lập đồ án quy hoạch và thiết kế quy hoạch.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none">+Nắm và hiểu được các định nghĩa, thuật ngữ, khái niệm trong thực hiện công tác quy hoạch đô thị;+Giải thích được mục tiêu, phương pháp và đối tượng thực hiện quy hoạch;+Nắm và hiểu rõ lý do của công tác quy hoạch đô thị; hiểu tác động của quá trình đô thị hoá trong đời sống xã hội hiện tại;+Nắm bắt được các nguyên lý chính của lý luận quy hoạch đô thị, các xu thế phát triển của quy hoạch đô thị hiện nay.+Nhớ và nêu được ít nhất một mô hình lý luận về đô thị hiện đại.+Quan tâm đến lịch sử phát triển đô thị, và thấy được tầm quan trọng của môn học Quy hoạch đô thị đối với công tác quy hoạch và phát triển đô thị;+Hiểu được vai trò của Quy hoạch đô thị trong thiết kế kiến trúc; hiểu được mục tiêu của môn học Quy hoạch đô thị đối với kiến trúc sư hành nghề trong tương lai.

Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học trong thực hành đồ án quy hoạch (1 và 2), thực hành được các giải pháp quy hoạch trong các bài tập do giảng viên yêu cầu; + Có khả năng nắm bắt được các yếu tố kỹ thuật để phân tích và đánh giá thực trạng phát triển đô thị, xác định các tiêu chí chính, quan trọng ảnh hưởng đến quá trình phát triển đô thị và lấy làm cơ sở để xây dựng quy hoạch đô thị; + Có kỹ năng làm việc và thảo luận nhóm, kỹ năng tự tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và tổng hợp những cứ liệu phát triển đô thị thành hệ thống bài phân tích, lý luận để trình bày. Phát triển năng lực phân tích vấn đề, đặt vấn đề và đánh giá kết quả điều tra. + Có khả năng tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> + Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và ứng dụng các kiến thức đã học vào thiết kế quy hoạch đô thị, quy hoạch kiến trúc trong đô thị; + Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức kỷ luật; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Năng lực CDIO
C1	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản về quy hoạch đô thị; + Hiểu được các thuật ngữ cơ bản về quy hoạch đô thị; + Hiểu được các nguyên tắc, quy định về thiết kế quy hoạch đô thị; + Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của quy hoạch đô thị trong phát triển và xây dựng thiết kế kiến trúc; + Hiểu được các nguyên tắc thiết kế quy hoạch đô thị trong quá khứ, hiện tại và dự báo xu hướng phát triển đô thị trong tương lai. 	Hiểu	1.2, 1.3
C2	<ul style="list-style-type: none"> + Giải thích và sử dụng được các phương pháp thiết kế quy hoạch đô thị. + Vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hành Đồ án quy hoạch + Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích mô hình đô thị 	Hiểu Áp dụng	2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 3.1, 3.2, 3.3
C3	<ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu và vận dụng thiết kế đô thị cho trường hợp cụ thể; 	Vận dụng	4.3, 4.4

	+ Hiểu các thuật ngữ, nguyên lý, thông số kỹ thuật trong trình bày và đọc bản vẽ quy hoạch; + Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích đặc điểm quy hoạch của đô thị.		
C4	+ Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, + Có khả năng viết báo cáo và thuyết trình về vấn đề nghiên cứu; + Có khả năng lập đề án quy hoạch đảm bảo theo yêu cầu thiết kế.	Vận dụng	4.5, 4.6, 4.7, 4.8
C5	+ Có khả năng đề xuất các phương án thiết kế quy hoạch đô thị trên cơ sở thu thập dữ liệu; + Có phương pháp nghiên cứu, tìm ý tưởng nghiên cứu về các vấn đề đô thị phục vụ công tác quy hoạch đô thị. + Có khả năng tư duy về xu hướng phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể...	Phân tích Sáng tạo	5.2, 5.3

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1	A	R	R	-	-	-	-	-	-	-	-	-
C2	A	A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
C3	-	A	I	I	-	-	M	-	A	-	-	R
C4	-	-	-	R	-	-	A	-	-	-	-	-
C5	-	-	-	R	I	I	-	-	-	-	-	-
Tổng hợp HP	A	A	M	R	I	I	A		A			R

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 10 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết (01 tín chỉ)/buổi.
Học phần có kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn và thi cuối kỳ.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	<i>Giới thiệu về chương trình, mục tiêu, yêu cầu của môn học</i> Chương 1: Đô thị hoá và xu hướng quy hoạch 1. Lịch sử phát triển đô thị	3/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm.	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà:	C1, C2,

	<p>2. Đô thị hoá và xu hướng phát triển đô thị.</p> <p>3. Xu thế, quan điểm, lý luận về phát triển quy hoạch đô thị</p> <p>4. Các đô thị tiêu biểu</p>			+ Nghiên cứu tài liệu	
3	<p>Chương 2: Các lý luận về quy hoạch hiện đại</p> <p>1. Lý luận về quy hoạch</p> <p>2. Đồ án quy hoạch thực tế</p> <p>3. Giới thiệu một số phương án quy hoạch</p> <p>4. Phân tích các đặc điểm về quy hoạch</p>	3/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà</p> <p>Phân tích đô thị</p>	C1, C2, C3,
4, 5	<p>Chương 3: Thiết kế quy hoạch chung, cải tạo và xây dựng đô thị</p> <p>1. Quy hoạch chung xây dựng đô thị</p> <p>2. Xây dựng các tiền đề phát triển đô thị</p> <p>3. Định hướng phát triển không gian đô thị</p> <p>4. Định hướng quy hoạch cải tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật</p> <p>5. Quy hoạch theo chu kỳ 5-10 năm</p>	6/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ Làm bài tập</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài</p>	C1, C2, C3,
KT	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		Làm bài kiểm tra	C1, C2, C3.
6	<p>Chương 4: Quy hoạch các khu chức năng trong đô thị</p> <p>1. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp</p> <p>2. Quy hoạch xây dựng khu kho tàng</p> <p>3. Quy hoạch xây dựng khu đất dân dụng</p> <p>4. Quy hoạch xây dựng khu trung tâm đô thị và hệ thống dịch vụ công cộng đô thị</p> <p>5. Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị</p> <p>6. Quy hoạch cây xanh đô thị</p>	8/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà.</p>	C1, C2, C3,

	7. Quy hoạch các khu đất đặc biệt				
7	<p>Chương 5: Thiết kế quy hoạch chi tiết đô thị</p> <p>1. Xác định các yếu tố ảnh hưởng khu đất</p> <p>2. Phân tích các đặc điểm khu đất</p> <p>3. Lập kế hoạch và xác định nhiệm vụ quy hoạch</p> <p>4. Thực hiện thiết kế theo chỉ tiêu kỹ thuật</p>	3/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p> <p>+ Mô phỏng</p> <p>+ Giải quyết bài tập.</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm</p> <p>+ Làm bài tập</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập.</p>	C1, C2, C3, C4.
8	<p>Chương 6: Quy hoạch cải tạo</p> <p>1. Ý nghĩa, mục đích</p> <p>2. Nội dung của quy hoạch cải tạo</p> <p>2.1. Cải tạo khu nhà ở</p> <p>2.2. Cải tạo hệ thống giao thông</p> <p>2.3. Cải tạo các KCN, tổ chức sản xuất</p> <p>2.4. Cải tạo các khu vực khác</p> <p>3. Phân đợt trong quy hoạch cải tạo</p> <p>3.1. Phương pháp thực hiện</p> <p>3.2. Các phương thức</p>	4/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập.</p>	C4
9	<p>Chương 7: Quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Thực trạng và định hướng quản lý quy hoạch</p> <p>3. Tổ chức quản lý nhà nước về quy hoạch và xây dựng đô thị.</p> <p>4. Giới thiệu một số đồ án quy hoạch ở Việt Nam</p>	3/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Tham gia thảo luận nhóm</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập.</p>	C4; C5
10	Báo cáo bài tập lớn	3-0		<p>Trên lớp:</p> <p>+ Báo cáo Bài tập lớn.</p>	C3, C4, C5.
Thi học kỳ	Thi kiểm tra cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3, C5.

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
3-9	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
5-10	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 04 sinh viên nghiên cứu, - Tổng hợp các lý thuyết về quy hoạch đô thị; - Xây dựng báo cáo về quy hoạch đô thị; - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu; trình bày để hoàn thiện và nộp báo cáo làm Bài tập lớn.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm	Phương pháp	Tiêu chí	Trọng số
			Đánh giá			
Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Kiểm tra	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Thực hiện: Bài tập theo yêu cầu của giảng viên: thực hiện tổng hợp các dữ liệu, thông tin để phục vụ quy hoạch Biết cách tổng hợp số liệu	C2, C3, C4, C5	Tuần 10	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân, nhóm	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận	C1, C2, C3, C5	Tuần thi	Báo cáo nhóm	Tiêu chí 2 Tiêu chí 3	50%

Tiêu chí 1 – Bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài Bài làm không đủ thành phần	Nộp Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài đúng thời gian quy định.	Nộp bài đúng thời gian quy định.	30%

	50% số lượng được giao					
Nội dung bài tập	Nội dung bài làm không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm đầy đủ, đúng yêu cầu nhiệm vụ nhưng còn một số sai sót trong phân tích, đánh giá và vận dụng các kiến thức đã học	Nội dung bài làm đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm đầy đủ, hợp lý, trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, khoa học.	70%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ. Nhưng phương pháp trình bày sai, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong nghiên cứu, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, Cách trình bày hợp lý nhưng chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày chi tiết, rõ ràng, logic. Kết quả nghiên cứu có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	30%
Kết quả nghiên cứu	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Đáp ứng nhiệm vụ của bài tập.	70%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin, hiểu biết những còn chưa thuyết phục.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

+ *Giáo trình bắt buộc*: Bài giảng Quy hoạch đô thị 2 - Tài liệu lưu hành nội bộ

+ Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thế Bá, (2011), *Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị*, NXB Xây Dựng, Hà Nội.
2. Trần Trọng Hanh, (2015), *Quy hoạch vùng*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
3. Phạm Kim Giao, (2011), *Quy hoạch vùng*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Sơn, (2011), *Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị (Tập 1)*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
5. Đàm Trung Phụng (2011), *Lịch sử đô thị Việt Nam*, NXB Xây dựng, Hà Nội
6. Nguyễn Sỹ Quế (2012), *Lịch sử đô thị*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
7. Võ Kim Cương (2013), *Chính sách đô thị, tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội
8. Đặng Đức Quang (2011), *Thị tứ làng xã*, NXB Xây dựng, Hà Nội

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện bài tập lớn theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Phan Tiến Vinh

Võ Thị Vỹ Phương

Phan Bảo An

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506217	Tên học phần:	Kiến trúc sinh khí hậu
	Tên tiếng Anh:	Bioclimatic Architecture
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	22.5 tiết	
Bài tập (BT):	15 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. KTS. Phan Tiến Vinh	
Giảng viên 2	TS. KTS. Lưu Thiên Hương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Kiến trúc sinh khí hậu trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kiến trúc bền vững, kiến trúc sinh khí hậu, các chiến lược thiết kế sinh khí hậu và kỹ năng đưa ra các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu, đảm bảo sự phát triển bền vững cho kiến trúc. Đây chính là những kiến thức cơ sở quan trọng, rất cần thiết và là kim chỉ nam cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, đồ án môn học của ngành CNKT Kiến trúc và trong quá trình hành nghề thực tế sau khi ra trường.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: tổng quan về kiến trúc sinh khí hậu, khí hậu đô thị và khí hậu khu xây dựng, tiện nghi sinh khí hậu, phương pháp phân tích số liệu khí tượng ngoài nhà theo sinh khí hậu, các chiến lược thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc, các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và giải thích được các khái niệm kiến trúc bền vững, kiến trúc sinh khí hậu, tiện nghi nhiệt và xu hướng phát triển của kiến trúc bền vững. - Nêu và giải thích được các chiến lược thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc. - Nêu và giải thích được các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng áp dụng các kiến thức nêu trên để giải thích, tư vấn và giải quyết các vấn đề về kiến trúc bền vững trong thực tế. - Có khả năng áp dụng các chiến lược thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc để đề xuất các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu cho các công trình kiến trúc. - Có khả năng phân tích, tổng hợp những kiến thức đã học và áp dụng để học các học phần tiếp theo. - Tạo những cơ sở nền tảng để hình thành và phát triển khả năng sáng tạo theo định hướng phát triển bền vững cho kiến trúc. - Có khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình cho sinh viên.
Mức tự chủ và trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Có trách nhiệm đối với sự phát triển kiến trúc bền vững trong hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nêu và giải thích được: các khái niệm kiến trúc sinh khí hậu; khí hậu đô thị và khí hậu khu xây dựng; tiện nghi sinh khí hậu; phương pháp phân tích số liệu khí tượng ngoài nhà theo sinh khí hậu; các chiến lược thiết kế và giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu.	Nhớ - Hiểu	PI 3.2
CLO 2	Áp dụng các kiến thức nêu trên để đánh giá được ý nghĩa của các chiến lược và giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu trong xu thế phát triển của kiến trúc bền vững hiện nay.	Vận dụng – Đánh giá	PI 12.2
CLO 3	Áp dụng các kiến thức nêu trên để giải thích, tư vấn và đánh giá các vấn đề về kiến trúc bền vững trong thực tế.	Vận dụng – Đánh giá	PI 1.2 PI 2.1
CLO 4	Có khả năng đề xuất các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu cho các công trình kiến trúc - Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu - theo yêu cầu của giảng viên.	Sáng tạo	PI 3.3 PI 5.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			I									
CLO 2												R, A
CLO 3	M, A	R, A										
CLO 4			R, A		I	I				I		
Tổng hợp	M, A	R, A	R, A		I	I				I		R, A

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương I: Tổng quan về kiến trúc sinh khí hậu 1. Bối cảnh và lịch sử phát triển của một số trào lưu của kiến trúc bền vững 2. Khái niệm chung về kiến trúc sinh khí hậu 3. Tổng quan về kiến trúc sinh khí hậu trên thế giới và Việt Nam	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Khí hậu đô thị và khí hậu khu xây dựng”	CLO1, CLO2
2	Chương II: Khí hậu đô thị và khí hậu khu xây dựng 1. Các yếu tố vị trí địa lý 2. Đặc điểm khí hậu, Thực vật 3. Những đặc điểm đặc biệt 4. Khí hậu đô thị 5. Khí hậu khu xây dựng	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Ra đề bài, chia nhóm và hướng dẫn thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu”	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Tiện nghi sinh khí hậu” + Thực hiện “Bài tập” theo nhóm	CLO1, CLO2, CLO3
3, 4	Chương III: Tiện nghi sinh khí hậu 1. Sự sản sinh nhiệt của cơ thể người 2. Sự trao đổi nhiệt giữa cơ thể và môi trường 3. Tiện nghi nhiệt 4. Tiêu chuẩn tiện nghi 5. Một số biểu đồ sinh khí hậu xây dựng trên thế giới và Việt Nam	8-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Phương pháp phân tích số liệu khí tượng ngoài nhà theo sinh khí hậu”	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Thực hiện “Bài tập” theo nhóm	
5	Chương IV: Phương pháp phân tích số liệu khí tượng ngoài nhà theo sinh khí hậu 1. Phân tích số liệu theo giờ trong ngày 2. Phân tích số liệu theo biến trình tháng 3. Một số phương pháp phân tích phổ biến trên thế giới hiện nay	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Các chiến lược thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc” + Thực hiện “Bài tập” theo nhóm	CLO1, CLO2, CLO3
5, 6, 7, 8	Chương V: Các chiến lược thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc 1. Tổng quan về chiến lược thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc 2. Một số chiến lược phổ biến thiết kế sinh khí hậu trong kiến trúc	8-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn thực hiện “Bài tập”	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu” + Thực hiện “Bài tập” theo nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9, 10, 11, 12, 13, 14, 15	Chương V: Các giải pháp thiết kế kiến trúc theo sinh khí hậu 1. Thông gió tự nhiên 2. Che nắng 3. Cây xanh và mặt nước 4. Cách nhiệt 5. Làm mát nhờ đất	14-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Thảo luận về ý tưởng	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	6. Một số công trình tiêu biểu về kiến trúc sinh khí hậu trên thế giới		thiết kế trong “Bài tập”	+ Thực hiện “Bài tập” theo nhóm	
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Mỗi nhóm 4-5 sinh viên.

Tuần	Nội dung hoạt động
2-14	- Thảo luận và làm “Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu” theo nhóm trong quá trình học.
15	- Các nhóm hoàn thiện ý tưởng và thể hiện ý tưởng trên giấy A4 - đóng thành tập. - Nộp bài tập trước khi thi kết thúc học phần.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	CLO1, CLO2, CLO3	Mỗi buổi học	Đánh giá chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	Tiêu chí 1	10%
Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu	Sinh viên được giao nhiệm vụ theo nhóm	CLO3, CLO4	Nộp bài trước khi thi cuối kỳ	Đánh giá Bài tập	Tiêu chí 2	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2	Tuần 8	Kiểm tra tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Thi kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3.	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá bài tập - “Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu”

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung và thành phần Bài tập	Không nộp Bài tập.	Có nộp. Bài tập đủ 60% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Bài tập đủ 80% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Bài tập đủ 100% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Bài tập đủ 100% thành phần nội dung được giao.	20%
Trình bày Bài tập	Không có Bài tập	Bài tập được trình bày không yêu cầu. Một số hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Bài tập được trình bày đúng yêu cầu. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày.	Bài tập được trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập được trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	40%
Nội dung Bài tập	Không có Bài tập	Có ý tưởng thiết kế và nội dung thuyết minh nhưng chưa hợp lý.	Có ý tưởng thiết kế và nội dung thuyết minh đáp ứng yêu cầu. Một số không gian chưa hợp lý.	Có ý tưởng thiết kế và nội dung thuyết minh đáp ứng yêu cầu, phù hợp với thể loại công trình. Hình ảnh đúng, rõ ràng.	Có ý tưởng thiết kế và nội dung thuyết minh đáp ứng yêu cầu, độc đáo, phù hợp với thể loại công trình. Hình ảnh chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	40%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Phạm Đức Nguyên, Kiến trúc sinh khí hậu, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2012.

15.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Ngọc Đăng, Nguyễn Việt Anh, Phạm Thị Hải Hà, Nguyễn Văn Muôn, Các giải pháp thiết kế công trình xanh ở Việt Nam, NXB Xây dựng Hà Nội, 2014.

2. Phạm Đức Nguyên, Phát triển Kiến trúc bền vững, Kiến trúc xanh ở Việt Nam, NXB Xây dựng Hà Nội, 2012.

3. Phạm Đức Nguyên, Nguyễn Thu Hòa, Trần Quốc Bảo, Các giải pháp Kiến trúc khí hậu Việt Nam, NXB Khoa học & Kỹ thuật Hà Nội, 2006.

4. Ken Yeang, Thiết kế với thiên nhiên, NXB Tri thức Tp. HCM, 2011

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện “Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu” đúng quy định. “Bài tập thiết kế kiến trúc sinh khí hậu” phải do nhóm sinh viên thực hiện. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Phan Tiến Vinh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506004	Tên học phần:	Cấu tạo Kiến trúc nhà dân dụng
	Tên tiếng Anh:	Civil Buildings Structure
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	30 tiết	
Tự học (TH):	90 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. KTS. Phan Tiến Vinh	
Giảng viên 2	TS. KTS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Cấu tạo Kiến trúc nhà dân dụng trang bị các kiến thức tổng quan và một số vấn đề cơ bản về cấu tạo kiến trúc các bộ phận trong công trình cho sinh viên các chuyên ngành xây dựng và kiến trúc, định hướng người học về các khả năng ứng dụng trong quản lý dự án, thiết kế và thi công xây dựng công trình.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm khái niệm chung về những vấn đề cơ bản về cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng, nguyên lý cấu tạo kiến trúc của các bộ phận chính trong nhà dân dụng.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích được các khái niệm chung về cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng. - Nêu lại được nguyên lý cấu tạo kiến trúc của các bộ phận chính trong nhà dân dụng.
Kỹ năng	- Có khả năng ứng dụng để thiết kế cấu tạo cho các công trình Nhà dân dụng.

Mục tiêu	Mô tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng thể hiện được các bản vẽ chi tiết cấu tạo kiến trúc cho Nhà dân dụng - Có khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. Ứng dụng các kỹ năng nêu trên cho các môn học chuyên ngành kế tiếp.
Mức tự chủ và trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc, CNKT Xây dựng cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nêu và giải thích được các khái niệm chung về cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng; nguyên lý cấu tạo kiến trúc của các bộ phận chính trong nhà dân dụng.	Nhớ - Hiểu	
CLO 2	Vận dụng các kiến thức đã học để vẽ chi tiết cấu tạo kiến trúc và thể hiện “Tuyển họa Cấu tạo kiến trúc Nhà dân dụng”.	Vận dụng	PI 6.1, PI 7.2
CLO 3	Đưa ra được giải pháp cấu tạo kiến trúc cho các bộ phận của một công trình kiến trúc nhà dân dụng phổ biến.	Sáng tạo	PI 3.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	I											
CLO 2						R, A	R					
CLO 3			M, A									
Tổng hợp	I		M, A			R, A	R					

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Số tiết (ThH / TN)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương I: Khái niệm chung về cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng 1. Mục đích và yêu cầu 2. Những yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp	3-0		+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn thực hiện “Tuyển họa Cấu tạo kiến trúc Nhà dân dụng”	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Nền móng, móng và nền nhà”	CLO1, CLO2

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/ BT)	Số tiết (ThH / TN)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng 3. Những bộ phận chính trong nhà dân dụng					
2, 3	Chương II: Nền móng, móng và nền nhà 1. Nền móng 2. Móng 3. Nền nhà - Mương thoát nước	4-0	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn SV thực hành vẽ cấu tạo.	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + SV thực hành vẽ cấu tạo tại lớp. Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Tường” + Thực hiện “Tuyển hoạ”	CLO1, CLO2, CLO3
4	Chương III: Tường 1. Khái niệm chung 2. Tường xây gạch 3. Vách ngăn	2-0	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn SV thực hành vẽ cấu tạo.	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + SV thực hành vẽ cấu tạo tại lớp. Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Cửa” + Thực hiện “Tuyển hoạ”	CLO1, CLO2, CLO3
5, 6, 7	Chương IV: Cửa 1. Khái niệm chung 2. Cấu tạo cửa sổ 3. Cấu tạo cửa đi	6-0	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn SV thực hành vẽ cấu tạo.	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + SV thực hành vẽ cấu tạo tại lớp. Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Sàn nhà” + Thực hiện “Tuyển hoạ”	CLO1, CLO2, CLO3
8, 9	Chương V: Sàn nhà 1. Khái niệm chung 2. Cấu tạo sàn bê tông cốt thép 3. Cấu tạo một số loại sàn khác	4-0	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn SV thực hành vẽ cấu tạo.	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + SV thực hành vẽ cấu tạo tại lớp. Về nhà: + Ôn bài	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Số tiết (ThH / TN)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
					+ Nghiên cứu tài liệu về “Cầu thang” + Thực hiện “Tuyển hoạ”	
10, 11, 12	Chương VI: Cầu thang 1. Khái niệm chung 2. Tham số cấu tạo các bộ phận 3. Cấu tạo cầu thang BTCT toàn khối 4. Cấu tạo một số loại cầu thang khác	6-0	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn SV thực hành vẽ cấu tạo.	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + SV thực hành vẽ cấu tạo tại lớp. Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về “Mái nhà” + Thực hiện “Tuyển hoạ”	CLO1, CLO2, CLO3
13, 14, 15	Chương VII: Mái nhà 1. Yêu cầu và nguyên tắc chung 2. Cấu tạo mái dốc 3. Cấu tạo mái bằng	6-0	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Hướng dẫn SV thực hành vẽ cấu tạo.	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + SV thực hành vẽ cấu tạo tại lớp. Về nhà: + Ôn bài + Thực hiện “Tuyển hoạ”	CLO1, CLO2, CLO3
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ				+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3

13. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	CLO1, CLO2	Mỗi buổi học	Đánh giá chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp	Tiêu chí 1	10%
Tuyển hoạ Tuyển hoạ Cầu tạo kiến trúc Nhà dân dụng	Sinh viên được giao nhiệm vụ thực hiện	CLO2	Nộp bài trước khi thi cuối kỳ	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2	Tuần 8	Kiểm tra tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Chuyên cần và tham gia thảo luận tại lớp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo - “Tuyển họa Cấu tạo kiến trúc Nhà dân dụng”

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp và thành phần Tuyển họa	Không nộp Tuyển họa.	Có nộp. Tuyển họa đủ 60% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Tuyển họa đủ 80% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Tuyển họa đủ 100% thành phần nội dung được giao.	Có nộp. Tuyển họa đủ 100% thành phần nội dung được giao.	20%
Trình bày Tuyển họa	Không có Tuyển họa	Tuyển họa trình bày không yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong Tuyển họa không phù hợp.	Tuyển họa trình bày đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong (bố cục, đường nét, màu sắc) rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày.	Tuyển họa trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc), Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong Tuyển họa rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Tuyển họa trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (bố cục, đường nét, màu sắc), logic Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong Tuyển họa rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	40%
Nội dung Tuyển họa	Không có Tuyển họa	Nội dung Tuyển họa không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung Tuyển họa đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung Tuyển họa đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Hình ảnh đúng, rõ ràng.	Nội dung Tuyển họa đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Hình ảnh chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	40%

14. Tài liệu học tập

14.1. Sách, giáo trình chính:

- Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương, *Nguyên lý thiết kế cấu tạo các công trình kiến trúc*, Nxb Xây dựng, 2010.

14.2. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đức Thiềm, Nguyễn Mạnh Thu, Trần Bút, *Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội 2007.

15. Quy định học phần

15.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

15.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện Tuyển hoạ Cấu tạo kiến trúc Nhà dân dụng đúng quy định. Tuyển hoạ Cấu tạo kiến trúc Nhà dân dụng phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Phan Tiến Vinh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506225	Tên học phần:	Thiết kế nội thất công trình
	Tên tiếng Anh:	Architectural Interior Design
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Bài tập, thực hành (BT):	30 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thị Kim Anh	
Giảng viên 2	TS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Cơ sở tạo hình Kiến trúc, Nguyên lý thiết kế Kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Thiết kế nội thất Kiến trúc là học phần tổng hợp giữa nghệ thuật Kiến trúc và khoa học công nghệ kỹ thuật nhằm cung cấp cho sinh viên các nguyên lý cơ bản về thiết kế các thành phần chức năng trong một công trình kiến trúc, các nguyên tắc bố cục nội thất công trình, các giải pháp thiết kế nội thất không gian chức năng trong công trình Kiến trúc, đáp ứng các yêu cầu phối kết về sự cân đối, hài hòa hay ấn tượng tạo sự tiện ích cho không gian sống, không gian làm việc, sinh hoạt và cả không gian nghỉ ngơi của con người.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Tổng quan về thiết kế nội thất Kiến trúc; Nguyên lý thiết kế nội thất Kiến trúc; Kiến trúc nội thất nhà ở; Kiến trúc nội thất công trình công cộng.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nắm vững các phong cách nội thất chuyên ngành. - Hiểu rõ các giải pháp không gian thiết kế nội thất kết hợp với công nghệ hiện đại.

Mục tiêu	Mô tả
	Nêu và giải thích các nguyên lý tổ chức không gian nội thất các công trình nhà ở và công trình công cộng, dịch vụ.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp những kiến thức, kỹ năng đã học áp dụng trong công trình cụ thể. - Giúp sinh viên có được những khả năng sáng tác ý tưởng thiết kế nội thất Kiến trúc. - Vận dụng tốt các quy luật bố cục, các trang thiết bị công nghệ hiện đại, các vật liệu mới, xu hướng nội thất thiết kế công trình cụ thể.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho sinh viên. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên. - Khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. - Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời...

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng nguyên lý thiết kế nội thất công trình	Vận dụng	PI 2.2
CLO 2	Áp dụng thiết kế nội thất cho các công trình dân dụng.	Áp dụng	PI 4.4
CLO 3	Đề xuất các giải pháp công nghệ mới trong thiết kế nội thất kiến trúc	Đề xuất	PI 5.2
CLO 4	Thể hiện được ý tưởng thiết kế nội thất cho các công trình dân dụng	Thể hiện	PI 7.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1		R										
CLO 2				A								
CLO 3					M							
CLO 4							R					
Tổng hợp		R		A	M		R					

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1. Những vấn đề chung về phong cách thiết kế nội thất 1.1 Phong cách nội thất cổ điển 1.2 Phong cách hiện đại 1.3 Phong cách nội thất giao thoa cổ điển và hiện đại	3-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà:	C1 C2

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	1.4 Phong cách nội thất tối giản Minimalist 1.5 Phong cách nội thất Eco- organic			+ Tuyển họa các phong cách nội thất khác trên thế giới	
2,3	Thực hành 1: Tuyển họa các phong cách thiết kế nội thất	0-3	+ Thảo luận + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành	C1 C2
4	Chương 2. Các giải pháp không gian trống trong thiết kế nội thất 2.1 Vai trò tầm nhìn trong thiết kế không gian nội thất 2.2 Không gian hành lang 2.3 Không gian phân khúc 2.4 Không gian chuyển tiếp giữa các khu vực 2.5 Các giải pháp không gian của trần nhà	2-0	+Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa	C2 C3 C4
5,6	Chương 3. Công nghệ mới trong thiết kế không gian nội thất 3.1 Vật liệu mới trên bề mặt tường 3.2 Chất liệu và công nghệ mới thi công nền, sàn 3.3 Sản phẩm vật dụng nội thất tiện ích 3.4 Thiết bị công nghệ trong thiết kế nội thất	3-0	+Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa	C2 C3 C4
7	Thực hành 2: Tuyển họa các giải pháp công nghệ mới trong thiết kế nội thất công trình Kiến trúc	0-3	+ Thảo luận + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành	C2 C3 C4
8,9	Chương 4. Những ý tưởng trong thiết kế các không gian nhà ở 4.1 Không gian phòng khách theo từng phong cách 4.2 Kiểu dáng cửa sổ tích hợp thông gió lấy sáng 4.3 Màng xanh trong thiết kế nội thất nhà ở 4.4 Nội thất đồ gỗ trong nhà ở	3-0	+Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa	C2 C3 C4
10,11	Thực hành 3: Tuyển họa chủ đề “Phối kết thiết bị thông minh trong thiết kế không gian nội thất nhà ở”	0-4	+ Thảo luận + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành	C2 C3 C4
12	Chương 5. Tổ chức không gian nội thất văn phòng làm việc 5.1 Tạo điểm nhấn trong sảnh văn phòng làm việc 5.2 Thiết kế phòng làm việc với không gian xanh 5.3 Phòng làm việc cho khu công nghiệp 5.4 Không gian mở trong thiết kế văn phòng làm việc 5.5 Nội thất phòng họp trong văn phòng làm việc	2-0	+Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa	C2 C3 C4
13	Chương 6. Nội thất quán giải khát trong đô thị 6.1 Dùng vật dụng nội thất phân chia không gian	2-0	+Thuyết giảng + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng	C2 C3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	6.2 Phối kết án tương giữa ánh sáng và màu sắc 6.3 Quán giải khát với nội thất phong cách nhiệt đới 6.4 Thiết kế nội thất quán theo phong cách công nghiệp			+ Ghi chép Về nhà: + Thực hành vẽ tuyển họa	C4
14,15	Thực hành 4 : Tuyển họa chủ đề “ Phối màu trong thiết kế nội thất đặc trưng văn phòng làm việc” hoặc “ Ứng dụng pallet trong thiết kế quán giải khát”	0-5	+ Thảo luận + Giải quyết bài tập	Trên lớp: + Làm bài tập Về nhà: + Thực hành	C2 C3 C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-7	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
8-14	Sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng các kỹ thuật vẽ
15	Nộp bài tuyển họa các phần và bài tập lớn

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Điểm danh Bài tập cá nhân	C1 C2 C3 C4	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Đánh giá bài thực hành	Thực hành 1: Tuyển họa các phong cách thiết kế nội thất	C1 C2 C3	Tuần 3	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	20%
	Thực hành 2: Tuyển họa các giải pháp công nghệ mới trong thiết kế nội thất công trình Kiến trúc	C2 C3 C4	Tuần 7	Báo cáo cá nhân	Tiêu chí 1	20%
	Thực hành 3: Tuyển họa chủ đề “Phối kết thiết bị thông minh trong thiết kế không gian nội thất nhà ở”	C2 C3 C4	Tuần 11	Báo cáo cá nhân	Tiêu chí 1	20%
	Thực hành 4: Tuyển họa chủ đề “ Phối màu trong thiết kế nội thất đặc trưng văn phòng làm việc” hoặc “ Ứng dụng	C2 C3 C4	Tuần 15	Báo cáo cá nhân	Vấn đáp	30%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
	pallet trong thiết kế quán giải khát”					

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, đạt thẩm mỹ cao.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%
Kết quả mô phỏng	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng mạch không hoạt động hoặc hoạt động cho kết không	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mạch hoạt động cho kết chưa đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mạch hoạt động cho kết quả gần đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mạch hoạt động cho kết quả chính xác theo bài toán đặt ra.	50%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		đúng theo bài toán đặt ra.				

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Bài giảng môn *Thiết kế Nội thất công trình*(do GV biên soạn).

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Thiết kế nội thất*, Francis DK.Ching, Tái bản NXB Xây dựng, 2020.
- *Colour in interior design*, Jonh Pie, Bộ Khoa học và Công nghệ Mỹ, 2012.
- *Nghệ thuật bài trí của người Nhật*, Marie Kondo, Dịch giả Thanh Minh, 2013.
- *Phong thủy trong thiết kế Kiến trúc*, Sharon Stoney, NXB Trẻ, 2012.
- *Nguyên lý thiết kế Kiến trúc nội thất*, Sở Giáo dục và Đào tạo, NXB Hà Nội 2011.
- *Design thị giác*, Nguyễn Luận, NXB. Mỹ thuật Hà Nội 1990.
- *Hình học trong Kiến trúc*, Đoàn Như Kim, NXB Xây dựng, 2005.
- *Cơ sở tạo hình Kiến trúc*, Võ Đình Diệp, NXB Xây dựng, 2001.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập cá nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;

- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Phó Trưởng Khoa

Phó Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

2.11. Quản lý dự án xây dựng

2.12. Đồ án Kiến trúc Công cộng 1
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506226	Tên học phần:	Đồ án Kiến trúc công cộng 1
	Tên tiếng Anh:	Public architecture Project 1
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	60 tiết	
Tự học (TH):	90 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Võ Thị Vỹ Phương	
Giảng viên 2	TS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Đồ án Kiến trúc công cộng (KTCC) 1 là một dự án liên môn của nhiều học phần khác như Cơ sở tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, Kiến trúc công cộng, Diễn họa kiến trúc 1&2... Học phần là mở đầu cho chuỗi các đồ án chuyên ngành kiến trúc, công trình thiết kế thuộc nhóm công trình công cộng có công năng đơn giản. Đồ án này giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng cần thiết cho công việc thiết kế kiến trúc từ việc hình thành ý tưởng thiết kế đến trình bày ý tưởng, trình bày bản vẽ, hoàn thiện bản vẽ và thuyết minh cho phương án thiết kế. Công trình yêu cầu thiết kế có thể được chọn trong nhóm các công trình kiến trúc nhỏ, ví dụ: Quán bán hoa, Quán bán báo, Quán cafe nhỏ, Nhà vệ sinh công cộng...

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trình bày được trình tự, nguyên tắc thực hiện một dự án thiết kế công trình KTCC quy mô đơn giản.
Kỹ năng	- Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng của các môn học trước vào quá trình thực hiện một đồ án KTCC đơn giản; - Đề xuất ý tưởng thiết kế một đồ án KTCC đơn giản; - Trình bày bản vẽ thiết kế bằng tay.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Rèn luyện, nâng cao tay nghề từ thể hiện đến sáng tác kiến trúc và các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp; - Có khả năng làm việc độc lập, thuyết trình và phản biện cho phương án thiết kế kiến trúc; - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học và ngành học cho sinh viên; - Hình thành và phát triển kỹ năng tự duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTCC	Áp dụng	PI 3.2
CLO 2	Thiết kế kiến trúc cho thể loại công trình KTCC.	Thiết kế	PI 4.1
CLO 3	Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập.	Phân tích	PI 6.1
CLO 4	Thể hiện đồ án bằng tay.	Áp dụng	PI 7.2
CLO 5	Có khả năng trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế.	Phân tích	PI 11.1
CLO 6	Có ý thức trách nhiệm của bản thân đối với công việc và cộng đồng.	Áp dụng	PI 12.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			R									
CLO 2				R								
CLO 3						I						
CLO 4							R					
CLO 5											I	
CLO 6												I
Tổng hợp	-	-	R	R	-	I	R	-	-	-	I	I

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi. Riêng tuần cuối cùng (tuần 15) được dành riêng cho việc thể hiện đồ án tập trung tại xưởng kiến trúc.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Giảng đề đồ án Giới thiệu các nội dung của đồ án	2-0	+ Giảng đề + Trình chiếu	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép	C1, C3, C5, C6

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	Hình thành các nhóm đồ án Ôn lại các kiến thức cơ bản về nhà công cộng		+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giới thiệu công trình tham khảo	+ Tham gia thảo luận nhóm + Tìm hiểu đề Về nhà: + Tìm tài liệu tham khảo + Tìm hiểu quy chuẩn xây dựng	
2	Nghiên cứu thực địa Khảo sát địa hình khu vực thiết kế đồ án. Xem xét, đánh giá các ảnh hưởng của các yếu tố thực địa đến thiết kế	1-4	+ Khảo sát thực tế + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Tại hiện trường + Quan sát + Đo đạc + Ghi chép Về nhà: + Tổng hợp các điều kiện thực tế. + Nghiên cứu dữ liệu khu vực thiết kế	C1, C3, C5, C6
3	Nghiên cứu tài liệu thiết kế Nghiên cứu các tài liệu, tiêu chuẩn liên quan Phân tích, đánh giá lại một phương án thiết kế tương tự	1-4	+ Hướng dẫn + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết vấn đề	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Tổng hợp các tài liệu, tiêu chuẩn Về nhà: + Tổng hợp các yếu tố liên quan đến thiết kế + Tìm kiếm ý tưởng	C1, C3, C5, C6
4, 5, 6	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế MBTT và các mặt bằng công trình Xây dựng thiết kế mặt bằng tổng thể Liên hệ kiến thức về tổ chức mặt bằng tổng thể Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt bằng công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt bằng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C3, C5, C6
7, 8, 9	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế hình khối công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt đứng công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt đứng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C3, C5, C6
10, 11	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế các mặt cắt công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức không gian bên trong và bên ngoài của công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt cắt công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng	C1, C3, C5, C6

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
				+ Hoàn chỉnh ý tưởng	
12, 13	Hoàn chỉnh ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế phối cảnh công trình Liên hệ các kiến thức về lựa chọn điểm nhìn phù hợp cho phối cảnh công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn chỉnh ý tưởng thiết kế	C1, C3, C5, C6
14	Hoàn thiện thiết kế Hoàn thiện tất cả các thành phần của bản vẽ thiết kế công trình	1-4	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn thiện thiết kế	C1, C3, C5, C6
15	Thể hiện và nộp đồ án Sinh viên thể hiện đồ án tại phòng họa thất	0-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Tại phòng họa thất + Trình bày bản vẽ thiết kế	C1, C3, C5, C6
Tuần thi HK	Nộp đồ án			Nộp đồ án theo lịch	C2, C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Tham gia nghe giảng đề và sửa đồ án theo các nhóm GVHD khác nhau

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Đánh giá quá trình		C1, C3, C5, C6	Các buổi sửa đồ án	Đánh giá quá trình	Rubric 1	70%
Đánh giá bản vẽ	Bản vẽ đồ án bằng tay	C2, C4	Tuần nộp bài	Đánh giá bản vẽ	Rubric 2	30%

Rubric 1 – Đánh giá quá trình thực hiện đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C1 – PI 3.2 Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên không thể hoặc rất khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; có sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	Sinh viên vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; thể hiện rõ sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	20%
C3 – PI 6.1 Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập	Sinh viên không có ý thức tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên không chủ động tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có tìm hiểu một số tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có sự chủ động trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên sự chủ động cao trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	20%
C5 – PI 11.1 Trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế	Sinh viên không có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ khá. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án một cách rõ ràng. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	20%
C6 – PI 12.2 Ý thức trách nhiệm của bản thân đối với đồ án	Sinh viên không tham gia thực hiện đồ án	Sinh viên tham gia với thái độ hời hợt, mắc nhiều lỗi trong quá trình làm đồ	Sinh viên có quá trình thực hiện đồ án tương đối nghiêm túc, có mắc một số lỗi	Sinh viên có quá trình thực hiện đồ án khá nghiêm túc, cơ bản tuân thủ quy	Sinh viên có quá trình thực hiện đồ án rất nghiêm túc, hoàn toàn tuân	40%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		án so với quy định của môn học và GVHD	nhỏ trong quá trình làm đồ án so với quy định của môn học và GVHD	định của môn học và GVHD	thủ quy định của môn học và GVHD	

Rubric 2 – Đánh giá bản vẽ đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C2 – PI 4.1 Thiết kế công năng của một công trình kiến trúc công cộng	- Thiết kế không thể hiện được các phân khu chức năng và các luồng giao thông, không phù hợp so với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc nhiều lỗi so với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc một số lỗi nhỏ so với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng, chưa có tính mới về ý tưởng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng, có tính mới về ý tưởng.	35%
C2 – PI 4.1 Thiết kế hình khối của một công trình kiến trúc công cộng	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng và hoàn toàn không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng hoặc không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, tuy nhiên chưa phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Chưa có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	35%
C4 – PI 7.2 Thể hiện phương án thiết kế dưới hình thức bản vẽ bằng tay trên giấy	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu nhiều thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu một số thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	Thể hiện bản vẽ sơ sài, nhưng đủ các thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Chưa có tính mới về ý tưởng thiết kế.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Có tính mới về ý tưởng thiết kế.	30%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Những dữ liệu Kiến trúc số tay các kiểu công trình xây dựng, Neufert - Nguyễn Anh Dũng, Tạ Văn Hùng dịch và biên tập, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1998.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- Sách, giáo trình các môn học chuyên ngành;
- Tạp chí kiến trúc;
- Đồ án mẫu.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi giảng đề và sửa đề án. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;

- Sinh viên phải tuân thủ đúng tiến độ thực hiện và các quy định khác do giáo viên hướng dẫn yêu cầu;

- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề đề án khi giáo viên yêu cầu.

- Đề án phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu đề án bị phát hiện là sao chép thì sẽ bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506227	Tên học phần:	Đồ án Kiến trúc nhà ở 1
	Tên tiếng Anh:	Private architecture Project 1
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	60 tiết	
Tự học (TH):	90 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thị Kim Anh	
Giảng viên 2	TS. Lưu Thiên Hương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Đồ án Kiến trúc nhà ở (KTNO) 1 là một dự án liên môn của nhiều học phần khác như Cơ sở tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, Kiến trúc nhà ở, Diễn họa kiến trúc 1&2... Học phần Đồ án KTNO 1 mở đầu cho chuỗi các đồ án chuyên ngành kiến trúc về thiết kế các công trình thuộc nhóm nhà ở có công năng tương đối đơn giản. Đồ án này giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng cần thiết cho công việc thiết kế kiến trúc từ việc hình thành ý tưởng thiết kế đến trình bày ý tưởng, trình bày bản vẽ, hoàn thiện bản vẽ và thuyết minh cho phương án thiết kế. Công trình yêu cầu thiết kế có thể được chọn trong nhóm các công trình nhà ở thấp tầng – độc lập như sau: Biệt thự, Nhà liên kế, Nhà ở nông thôn....

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trình bày được trình tự, nguyên tắc thực hiện một dự án thiết kế công trình KTNO đơn giản.

Mục tiêu	Mô tả
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng của các môn học trước vào quá trình thực hiện môn học này. - Có kỹ năng thực hành: khảo sát, đo đạc, nghiên cứu, phân tích, đánh giá địa điểm thiết kế. - Đưa ý tưởng, thiết kế và trình bày bản vẽ thiết kế bằng tay và máy tính. - Có thể sử dụng được một số công cụ đồ họa kiến trúc trong việc thể hiện ý tưởng và triển khai bản vẽ.
Mức tự chủ và trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện, nâng cao tay nghề từ thể hiện đến sáng tác kiến trúc và các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. - Có khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo dự án kiến trúc; các kỹ năng phản biện, phân tích các giải pháp, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho kỹ năng tư vấn thiết kế kiến trúc. - Có kỹ năng giao tiếp tốt. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTNO.	Áp dụng	PI 3.2
CLO 2	Thiết kế kiến trúc cho thể loại công trình KTNO.	Thiết kế	PI 4.2
CLO 3	Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập.	Phân tích	PI 6.1
CLO 4	Thể hiện đồ án bằng máy tính.	Áp dụng	PI 7.2
CLO 5	Có khả năng trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế.	Phân tích	PI 11.1
CLO 6	Có ý thức trách nhiệm của bản thân đối với công việc và cộng đồng.	Áp dụng	PI 12.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			R									
CLO 2				R								
CLO 3						I						
CLO 4							R					
CLO 5											I	
CLO 6												I
Tổng hợp	-	-	R	R	-	I	R	-	-	-	I	I

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi. Riêng tuần cuối cùng (tuần 15) được dành riêng cho việc thể hiện đồ án bằng máy tính cá nhân.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Giảng đề đồ án Giới thiệu các nội dung của đồ án Hình thành các nhóm đồ án Ôn lại các kiến thức cơ bản về nhà ở	2-0	+ Giảng đề + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giới thiệu công trình tham khảo	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Tìm hiểu đề Về nhà: + Tìm tài liệu tham khảo + Tìm hiểu quy chuẩn xây dựng	C1, C3, C5, C6
2	Nghiên cứu thực địa Khảo sát địa hình khu vực thiết kế đồ án. Xem xét, đánh giá các ảnh hưởng của các yếu tố thực địa đến thiết kế	1-4	+ Khảo sát thực tế + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Tại hiện trường + Quan sát + Đo đạc + Ghi chép Về nhà: + Tổng hợp các điều kiện thực tế. + Nghiên cứu dữ liệu khu vực thiết kế	C1, C3, C5, C6
3	Nghiên cứu tài liệu thiết kế Nghiên cứu các tài liệu, tiêu chuẩn liên quan Phân tích, đánh giá lại một phương án thiết kế tương tự	1-4	+ Hướng dẫn + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết vấn đề	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Tổng hợp các tài liệu, tiêu chuẩn Về nhà: + Tổng hợp các yếu tố liên quan đến thiết kế + Tìm kiếm ý tưởng	C1, C3, C5, C6
4, 5, 6	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế MBTT và các mặt bằng công trình Xây dựng thiết kế mặt bằng tổng thể Liên hệ kiến thức về tổ chức mặt bằng tổng thể Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt bằng công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt bằng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C3, C5, C6
7, 8, 9	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế hình khối công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt đứng công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt đứng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C3, C5, C6
10, 11	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế các mặt cắt công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức không gian bên trong và bên ngoài của công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà:	C1, C3, C5, C6

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt cắt công trình			+ Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	
12, 13	Hoàn chỉnh ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế phối cảnh công trình Liên hệ các kiến thức về lựa chọn điểm nhìn phù hợp cho phối cảnh công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn chỉnh ý tưởng thiết kế	C1, C3, C5, C6
14	Hoàn thiện thiết kế Hoàn thiện tất cả các thành phần của bản vẽ thiết kế công trình	1-4	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn thiện thiết kế	C1, C3, C5, C6
15	Thể hiện và nộp đồ án Sinh viên thể hiện đồ án bằng máy tính	0-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Tại nhà + Trình bày bản vẽ	C1, C3, C5, C6
Tuần thi HK	Nộp đồ án			Nộp đồ án theo lịch	C2, C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Tham gia nghe giảng đề và sửa đồ án theo các nhóm GVHD khác nhau

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Đánh giá quá trình		C1, C3, C5, C6	Các buổi sửa đồ án	Đánh giá quá trình	Rubric 1	30%
Đánh giá bản vẽ	Bản vẽ đồ án thể hiện bằng máy tính	C2, C4	Tuần nộp bài	Đánh giá bản vẽ	Rubric 2	70%

Rubric 1 – Đánh giá quá trình thực hiện đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C1 – PI 3.2 Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên không thể hoặc rất khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; có sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	Sinh viên vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; thể hiện rõ sự tìm	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
					tài về chủ đề của đồ án	
C3 – PI 6.1 Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập	Sinh viên không có ý thức tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên không chủ động tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có tìm hiểu một số tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có sự chủ động trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên sự chủ động cao trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	20%
C5 – PI 11.1 Trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế	Sinh viên không có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ khá. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án một cách rõ ràng. Ngoài ra, sinh viên có khả năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	20%
C6 – PI 12.2 Ý thức trách nhiệm của bản thân đối với đồ án	Sinh viên không tham gia thực hiện đồ án	Sinh viên tham gia với thái độ hời hợt, mắc nhiều lỗi trong quá trình làm đồ án so với quy định của môn học và GVHD	Sinh viên có quá trình thực hiện đồ án tương đối nghiêm túc, có mắc một số lỗi nhỏ trong quá trình làm đồ án so với quy định của môn học và GVHD	Sinh viên có quá trình thực hiện đồ án khá nghiêm túc, cơ bản tuân thủ quy định của môn học và GVHD	Sinh viên có quá trình thực hiện đồ án rất nghiêm túc, hoàn toàn tuân thủ quy định của môn học và GVHD	40%

Rubric 2 – Đánh giá bản vẽ đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C2 – PI 4.2 Thiết kế công năng của một công trình kiến trúc nhà ở	- Thiết kế không thể hiện được các phân khu chức năng và các luồng giao thông, không phù hợp so với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc nhiều lỗi so với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc một số lỗi nhỏ so với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở, chưa có tính mới về ý tưởng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở, có tính mới về ý tưởng.	35%
C2 – PI 4.2 Thiết kế hình khối của một công trình kiến trúc nhà ở	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng và hoàn toàn không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng hoặc không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, tuy nhiên chưa phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Chưa có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	35%
C4 – PI 7.2 Thể hiện phương án thiết kế dưới hình thức bản vẽ bằng máy tính, in màu	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu nhiều thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu một số thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	Thể hiện bản vẽ sơ sài, nhưng đủ các thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Chưa có tính mới về ý tưởng thiết kế.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Có tính mới về ý tưởng thiết kế.	30%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Những dữ liệu Kiến trúc sổ tay các kiểu công trình xây dựng, Neufert - Nguyễn Anh Dũng, Tạ Văn Hùng dịch và biên tập, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1998.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- Sách, giáo trình các môn học chuyên ngành;
- Tạp chí kiến trúc;
- Đồ án mẫu.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi giảng đề và sửa đồ án. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;

- Sinh viên phải tuân thủ đúng tiến độ thực hiện và các quy định khác do giáo viên hướng dẫn yêu cầu;

- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề đồ án khi giáo viên yêu cầu.

- Đồ án phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu đồ án bị phát hiện là sao chép thì sẽ bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vũ Phương

ThS. Lê Thị Kim Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506228	Tên học phần:	Đồ án Kiến trúc công cộng 2
	Tên tiếng Anh:	Public architecture Project 2
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	60 tiết	
Tự học (TH):	90 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Đinh Nam Đức	
Giảng viên 2	ThS. Võ Thị Vy Phương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Đồ án Kiến trúc công cộng 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Đồ án Kiến trúc công cộng (KTCC) 2 là một dự án liên môn của nhiều học phần khác như Cơ sở tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, Kiến trúc công cộng, Diễn họa kiến trúc 1&2... Học phần Đồ án Kiến trúc công cộng 2 tiếp tục trong chuỗi các đồ án chuyên ngành kiến trúc, công trình thiết kế thuộc nhóm công trình công cộng có công năng phức tạp hơn. Đồ án này giúp sinh viên cơ bản hình thành những kỹ năng cần thiết cho công việc thiết kế kiến trúc từ việc hình thành ý tưởng thiết kế đến trình bày ý tưởng, trình bày bản vẽ, hoàn thiện bản vẽ và thuyết minh cho phương án thiết kế.

Công trình yêu cầu thiết kế có thể được chọn trong nhóm các công trình công cộng như sau: Công trình giáo dục, Công trình văn hóa giải trí, Công trình thương mại, Công trình giao thông, Cơ quan trụ sở, Công trình thể thao, Công trình sức khỏe, Công trình tôn giáo tín ngưỡng...

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nắm được trình tự, nguyên tắc thực hiện một dự án thiết kế kiến trúc công trình công cộng ở quy mô vừa.
Kỹ năng	- Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng của các môn học trước vào quá trình thực hiện môn học này. - Có kỹ năng thực hành: khảo sát, đo đạc, nghiên cứu, phân tích, đánh giá địa điểm thiết kế. - Đưa ý tưởng, thiết kế và trình bày bản vẽ thiết kế bằng tay và máy tính. - Có thể sử dụng được một số công cụ đồ họa kiến trúc trong việc thể hiện ý tưởng và triển khai bản vẽ.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Rèn luyện, nâng cao tay nghề từ thể hiện đến sáng tác kiến trúc và các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. - Có khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo dự án kiến trúc; các kỹ năng phản biện, phân tích các giải pháp, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho kỹ năng tư vấn thiết kế kiến trúc. - Có kỹ năng giao tiếp tốt. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTCC.	Áp dụng	PI 3.2
CLO 2	Vận dụng các kiến thức thực tế, giải pháp công nghệ mới để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTCC.	Áp dụng	PI 3.3
CLO 3	Thiết kế kiến trúc cho thể loại công trình KTCC.	Thiết kế	PI 4.1
CLO 4	Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập.	Phân tích	PI 6.1
CLO 5	Thể hiện đồ án bằng máy tính.	Áp dụng	PI 7.2
CLO 6	Giao tiếp chuyên môn bằng lời nói với giảng viên trong quá trình sửa đồ án.	Áp dụng	PI 7.3
CLO 7	Sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành để thiết kế và thể hiện đồ án.	Áp dụng	PI 9.2
CLO 8	Có khả năng trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế.	Phân tích	PI 11.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			M									
CLO 2			I									
CLO 3				R								
CLO 4						R						
CLO 5							M					
CLO 6							I					
CLO 7									R			

CLO 8											R	
Tổng hợp	-	-	M	R	-	R	M	-	R	-	R	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi. Riêng tuần cuối cùng (tuần 15) được dành riêng cho việc thể hiện đồ án bằng máy tính cá nhân.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Giảng đề đồ án Giới thiệu các nội dung của đồ án Hình thành các nhóm đồ án Ôn lại các kiến thức cơ bản về nhà công cộng	2-0	+ Giảng đề + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giới thiệu công trình tham khảo	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Tìm hiểu đề Về nhà: + Tìm tài liệu tham khảo + Tìm hiểu quy chuẩn xây dựng	C1, C2, C4, C6, C8
2	Nghiên cứu thực địa Khảo sát địa hình khu vực thiết kế đồ án. Xem xét, đánh giá các ảnh hưởng của các yếu tố thực địa đến thiết kế	1-4	+ Khảo sát thực tế + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Tại hiện trường + Quan sát + Đo đạc + Ghi chép Về nhà: + Tổng hợp các điều kiện thực tế. + Nghiên cứu dữ liệu khu vực thiết kế	C1, C2, C4, C6, C8
3	Nghiên cứu tài liệu thiết kế Nghiên cứu các tài liệu, tiêu chuẩn liên quan Phân tích, đánh giá lại một phương án thiết kế tương tự	1-4	+ Hướng dẫn + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết vấn đề	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Tổng hợp các tài liệu, tiêu chuẩn Về nhà: + Tổng hợp các yếu tố liên quan đến thiết kế + Tìm kiếm ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
4, 5, 6	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế MBTT và các mặt bằng công trình Xây dựng thiết kế mặt bằng tổng thể Liên hệ kiến thức về tổ chức mặt bằng tổng thể Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt bằng công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt bằng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
7, 8, 9	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế hình khối công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt đứng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà:	C1, C2, C4, C6, C8

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt đứng công trình			+ Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	
10, 11	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế các mặt cắt công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức không gian bên trong và bên ngoài của công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt cắt công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
12, 13	Hoàn chỉnh ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế phối cảnh công trình Liên hệ các kiến thức về lựa chọn điểm nhìn phù hợp cho phối cảnh công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
14	Hoàn thiện thiết kế Hoàn thiện tất cả các thành phần của bản vẽ thiết kế công trình	1-4	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn thiện thiết kế	C1, C2, C4, C6, C8
15	Thể hiện và nộp đồ án Sinh viên thể hiện đồ án bằng máy tính	0-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Tại nhà + Trình bày bản vẽ	C1, C2, C4, C6, C8
Tuần thi HK	Nộp đồ án			Nộp đồ án theo lịch	C3, C5, C7

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Tham gia nghe giảng đề và sửa đồ án theo các nhóm GVHD khác nhau

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Đánh giá quá trình		C1, C2, C4, C6, C8	Các buổi sửa đồ án	Đánh giá quá trình	Rubric 1	30%
Đánh giá bản vẽ	Bản vẽ đồ án thể hiện bằng máy tính	C3, C5, C7	Tuần nộp bài	Đánh giá bản vẽ	Rubric 2	70%

Rubric 1 – Đánh giá quá trình thực hiện đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C1 – PI 3.2 Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên không thể hoặc rất khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; có sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	Sinh viên vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; thể hiện rõ sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	20%
C2 – PI 3.3 Vận dụng các kiến thức thực tế, giải pháp công nghệ mới để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTCC	Sinh viên không thể hoặc rất khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án; có sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	Sinh viên vận dụng tốt các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án; thể hiện rõ sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	20%
C4 – PI 6.1 Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập	Sinh viên không có ý thức tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên không chủ động tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có tìm hiểu một số tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có sự chủ động trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên sự chủ động cao trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	20%
C6 – PI 7.3 Giao tiếp chuyên môn bằng lời nói với giảng viên trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên không có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ hạn chế	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ trung bình	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ khá	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ tốt	20%
C8 – PI 11.1 Trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế	Sinh viên không có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ khá. Ngoài ra, sinh viên có khả	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án một cách rõ ràng. Ngoài ra, sinh viên có	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	khả năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	

Rubric 2 – Đánh giá bản vẽ đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C3 – PI 4.1 Thiết kế công năng của một công trình kiến trúc công cộng	- Thiết kế không thể hiện được các phân khu chức năng và các luồng giao thông, không phù hợp so với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc nhiều lỗi so với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc một số lỗi nhỏ so với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng, chưa có tính mới về ý tưởng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình công cộng, có tính mới về ý tưởng.	30%
C3 – PI 4.1 Thiết kế hình khối của một công trình kiến trúc công cộng	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng và hoàn toàn không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng hoặc không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, tuy nhiên chưa phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Chưa có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	30%
C5 – PI 7.2 Thể hiện phương án thiết kế dưới hình thức bản vẽ bằng máy tính, in màu	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu nhiều thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu một số thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	Thể hiện bản vẽ sơ sài, nhưng đủ các thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Chưa có tính mới về ý tưởng thiết kế.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Có tính mới về ý tưởng thiết kế.	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C7 – PI 9.2 Sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành để thiết kế và thể hiện đồ án	- Không thể sử dụng các phần mềm đồ họa để thể hiện đồ án	- Sử dụng được các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp ở mức độ trung bình.	- Sử dụng được các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp ở mức độ khá.	- Sử dụng khá các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp.	- Sử dụng tương đối thành thạo các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp.	20%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Những dữ liệu Kiến trúc sổ tay các kiểu công trình xây dựng, Neufert - Nguyễn Anh Dũng, Tạ Văn Hùng dịch và biên tập, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1998.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- Sách, giáo trình các môn học chuyên ngành;
- Tạp chí kiến trúc;
- Đồ án mẫu.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi giảng dạy và sửa đồ án. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải tuân thủ đúng tiến độ thực hiện và các quy định khác do giáo viên hướng dẫn yêu cầu;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề đồ án khi giáo viên yêu cầu.
- Đồ án phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu đồ án bị phát hiện là sao chép thì sẽ bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Đinh Nam Đức

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506229	Tên học phần:	Đồ án Kiến trúc nhà ở 2
	Tên tiếng Anh:	Private architecture Project 2
2. Số tín chỉ:	3	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	60 tiết	
Tự học (TH):	90 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Lưu Thiên Hương	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thị Kim Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Đồ án Kiến trúc nhà ở 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Đồ án Kiến trúc nhà ở (KTNO) 2 Học phần là một dự án liên môn của nhiều học phần khác như Cơ sở tạo hình kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, Kiến trúc nhà ở, Vẽ xây dựng trên máy tính, Tin học đồ họa kiến trúc... Học phần Đồ án KTNO 2 tiếp tục cho chuỗi các đồ án chuyên ngành kiến trúc về thiết kế các công trình thuộc nhóm nhà ở có công năng tương đối phức tạp. Đồ án này giúp sinh viên hình thành những kỹ năng cần thiết cho công việc thiết kế kiến trúc từ việc hình thành ý tưởng thiết kế đến trình bày ý tưởng, trình bày bản vẽ, hoàn thiện bản vẽ và thuyết minh cho phương án thiết kế.

Công trình yêu cầu thiết kế có thể được chọn trong nhóm các công trình nhà ở cao tầng – tập thể như sau: Chung cư, Khách sạn, Ký túc xá....

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trình bày được trình tự, nguyên tắc thực hiện một dự án thiết kế công trình KTNO phức tạp.
Kỹ năng	- Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng của các môn học trước vào quá trình thực hiện môn học này. - Có kỹ năng thực hành: khảo sát, đo đạc, nghiên cứu, phân tích, đánh giá địa điểm thiết kế. - Đưa ý tưởng, thiết kế và trình bày bản vẽ thiết kế bằng tay và máy tính. - Có thể sử dụng được một số công cụ đồ họa kiến trúc trong việc thể hiện ý tưởng và triển khai bản vẽ.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Rèn luyện, nâng cao tay nghề từ thể hiện đến sáng tác kiến trúc và các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. - Có khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo dự án kiến trúc; các kỹ năng phản biện, phân tích các giải pháp, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho kỹ năng tư vấn thiết kế kiến trúc. - Có kỹ năng giao tiếp tốt. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTNO.	Áp dụng	PI 3.2
CLO 2	Vận dụng các kiến thức thực tế, giải pháp công nghệ mới để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTNO.	Áp dụng	PI 3.3
CLO 3	Thiết kế kiến trúc cho thể loại công trình KTNO.	Thiết kế	PI 4.2
CLO 4	Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập.	Phân tích	PI 6.1
CLO 5	Thể hiện đồ án bằng máy tính.	Áp dụng	PI 7.2
CLO 6	Giao tiếp chuyên môn bằng lời nói với giảng viên trong quá trình sửa đồ án.	Áp dụng	PI 7.3
CLO 7	Sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành để thiết kế và thể hiện đồ án.	Áp dụng	PI 9.2
CLO 8	Có khả năng trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế.	Phân tích	PI 11.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			M									
CLO 2			I									
CLO 3				R								
CLO 4						R						
CLO 5							M					
CLO 6							I					
CLO 7									R			

CLO 8											R	
Tổng hợp	-	-	M	R	-	R	M	-	R	-	R	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi. Riêng tuần cuối cùng (tuần 15) được dành riêng cho việc thể hiện đồ án bằng máy tính cá nhân.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Giảng đề đồ án Giới thiệu các nội dung của đồ án Hình thành các nhóm đồ án Ôn lại các kiến thức cơ bản về nhà ở	2-0	+ Giảng đề + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giới thiệu công trình tham khảo	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Tìm hiểu đề Về nhà: + Tìm tài liệu tham khảo + Tìm hiểu quy chuẩn xây dựng	C1, C2, C4, C6, C8
2	Nghiên cứu thực địa Khảo sát địa hình khu vực thiết kế đồ án. Xem xét, đánh giá các ảnh hưởng của các yếu tố thực địa đến thiết kế	1-4	+ Khảo sát thực tế + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Tại hiện trường + Quan sát + Đo đạc + Ghi chép Về nhà: + Tổng hợp các điều kiện thực tế. + Nghiên cứu dữ liệu khu vực thiết kế	C1, C2, C4, C6, C8
3	Nghiên cứu tài liệu thiết kế Nghiên cứu các tài liệu, tiêu chuẩn liên quan Phân tích, đánh giá lại một phương án thiết kế tương tự	1-4	+ Hướng dẫn + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết vấn đề	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Tổng hợp các tài liệu, tiêu chuẩn Về nhà: + Tổng hợp các yếu tố liên quan đến thiết kế + Tìm kiếm ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
4, 5, 6	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế MBTT và các mặt bằng công trình Xây dựng thiết kế mặt bằng tổng thể Liên hệ kiến thức về tổ chức mặt bằng tổng thể Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt bằng công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt bằng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
7, 8, 9	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế hình khối công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức mặt đứng công trình	3-12	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà:	C1, C2, C4, C6, C8

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt đứng công trình			+ Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	
10, 11	Hình thành ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế các mặt cắt công trình Liên hệ các kiến thức về tổ chức không gian bên trong và bên ngoài của công trình Thực hiện các yêu cầu của một bản vẽ thiết kế mặt cắt công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Tìm kiếm ý tưởng + Trình bày ý tưởng + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
12, 13	Hoàn chỉnh ý tưởng thiết kế công trình và thiết kế phối cảnh công trình Liên hệ các kiến thức về lựa chọn điểm nhìn phù hợp cho phối cảnh công trình	2-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn chỉnh ý tưởng	C1, C2, C4, C6, C8
14	Hoàn thiện thiết kế Hoàn thiện tất cả các thành phần của bản vẽ thiết kế công trình	1-4	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận + Trình bày ý tưởng Về nhà: + Hoàn thiện thiết kế	C1, C2, C4, C6, C8
15	Thể hiện và nộp đồ án Sinh viên thể hiện đồ án bằng máy tính	0-8	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Tại nhà + Trình bày bản vẽ	C1, C2, C4, C6, C8
Tuần thi HK	Nộp đồ án			Nộp đồ án theo lịch	C3, C5, C7

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Tham gia nghe giảng đề và sửa đồ án theo các nhóm GVHD khác nhau

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Đánh giá quá trình		C1, C2, C4, C6, C8	Các buổi sửa đồ án	Đánh giá quá trình	Rubric 1	30%
Đánh giá bản vẽ	Bản vẽ đồ án thể hiện bằng máy tính	C3, C5, C7	Tuần nộp bài	Đánh giá bản vẽ	Rubric 2	70%

Rubric 1 – Đánh giá quá trình thực hiện đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C1 – PI 3.2 Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên không thể hoặc rất khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; có sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	Sinh viên vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành trong quá trình sửa đồ án; thể hiện rõ sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	20%
C2 – PI 3.3 Vận dụng các kiến thức thực tế, giải pháp công nghệ mới để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thiết kế một công trình KTCC	Sinh viên không thể hoặc rất khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên vận dụng khá tốt các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án; có sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	Sinh viên vận dụng tốt các kiến thức thực tế và giải pháp công nghệ trong quá trình sửa đồ án; thể hiện rõ sự tìm tòi về chủ đề của đồ án	20%
C4 – PI 6.1 Phân tích tài liệu kỹ thuật thích hợp để phục vụ học tập	Sinh viên không có ý thức tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên không chủ động tìm hiểu các nguồn tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có tìm hiểu một số tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có sự chủ động trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên sự chủ động cao trong việc tìm hiểu các tài liệu phục vụ quá trình thực hiện đồ án	20%
C6 – PI 7.3 Giao tiếp chuyên môn bằng lời nói với giảng viên trong quá trình sửa đồ án	Sinh viên không có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ hạn chế	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ trung bình	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ khá	Sinh viên có khả năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn để giao tiếp với giảng viên trong quá trình thực hiện đồ án, ở mức độ tốt	20%
C8 – PI 11.1 Trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế	Sinh viên không có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ trung bình. Ngoài ra, sinh	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án ở mức độ khá. Ngoài ra, sinh viên có khả	Sinh viên có khả năng trình bày ý tưởng trong quá trình thực hiện đồ án một cách rõ ràng. Ngoài ra, sinh viên có	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	viên chưa tương tác tốt với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	khả năng tương tác với giảng viên để thảo luận và bảo vệ ý tưởng thiết kế của mình.	

Rubric 2 – Đánh giá bản vẽ đồ án

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C3 – PI 4.2 Thiết kế công năng của một công trình kiến trúc nhà ở	- Thiết kế không thể hiện được các phân khu chức năng và các luồng giao thông, không phù hợp so với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc nhiều lỗi so với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông mắc một số lỗi nhỏ so với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở, chưa có tính mới về ý tưởng.	- Thiết kế có các phân khu chức năng và các luồng giao thông phù hợp với các nguyên lý thiết kế công trình nhà ở, có tính mới về ý tưởng.	30%
C3 – PI 4.2 Thiết kế hình khối của một công trình kiến trúc nhà ở	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng và hoàn toàn không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc không rõ ràng hoặc không phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, tuy nhiên chưa phù hợp với thể loại công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Chưa có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	- Thiết kế có bố cục tạo hình kiến trúc rõ ràng, phù hợp thể loại công trình; - Có phương án sử dụng kết cấu phù hợp đặc điểm công trình.	30%
C5 – PI 7.2 Thể hiện phương án thiết kế dưới hình thức bản vẽ bằng máy tính, in màu	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu nhiều thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	- Bản vẽ được thể hiện sơ sài, thiếu một số thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ không rõ ràng.	Thể hiện bản vẽ sơ sài, nhưng đủ các thành phần theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Chưa có tính mới về ý tưởng thiết kế.	- Thể hiện bản vẽ đầy đủ các thành phần, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ thiết kế; - Trình bày nội dung bản vẽ rõ ràng; - Có tính mới về ý tưởng thiết kế.	20%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
C7 – PI 9.2 Sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành để thiết kế và thể hiện đồ án	- Không thể sử dụng các phần mềm đồ họa để thể hiện đồ án	- Sử dụng được các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp ở mức độ trung bình.	- Sử dụng được các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp ở mức độ khá.	- Sử dụng khá các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp.	- Sử dụng tương đối thành thạo các phần mềm đồ họa, thể hiện trên đồ án nộp.	20%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Những dữ liệu Kiến trúc sổ tay các kiểu công trình xây dựng, Neufert - Nguyễn Anh Dũng, Tạ Văn Hùng dịch và biên tập, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1998.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- Sách, giáo trình các môn học chuyên ngành;
- Tạp chí kiến trúc;
- Đồ án mẫu.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi giảng dạy và sửa đồ án. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải tuân thủ đúng tiến độ thực hiện và các quy định khác do giáo viên hướng dẫn yêu cầu;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề đồ án khi giáo viên yêu cầu.
- Đồ án phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu đồ án bị phát hiện là sao chép thì sẽ bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vũ Phương

TS. Lưu Thiên Hương

- 2.16. Đồ án Kiến trúc Công nghiệp
- 2.17. Đồ án Quy hoạch
- 2.18. Đồ án Kiến trúc tổng hợp
- 2.19. Đồ án cấu tạo kiến trúc nhà DD
- 2.20. Vẽ ghi

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506217	Tên học phần:	Vẽ ghi
	Tên tiếng Anh:	Draw current status of Architecture
2. Số tín chỉ:	1	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	4 tiết	
Bài tập (BT):	22 tiết	
Tự học (TH):	30 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. KTS. Phan Tiến Vinh	
Giảng viên 2	TS. KTS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Vẽ kỹ thuật xây dựng	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Vẽ ghi trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành trong việc vẽ ghi lại hiện trạng của một công trình kiến trúc. Các kỹ năng chính bao gồm: thu thập thông tin về công trình, các công tác chuẩn bị, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng đo vẽ tại hiện trường và thể hiện lại bản vẽ hiện trạng công trình.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Giới thiệu các khái niệm chung về Vẽ ghi; Phương pháp đo vẽ thủ công; Thực hành đo vẽ hiện trạng một công trình kiến trúc cụ thể.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích được định nghĩa, ý nghĩa và các phương pháp của vẽ ghi. - Nêu được các bước tiến hành trong phương pháp đo vẽ thủ công.
Kỹ năng	- Có kỹ năng làm việc theo nhóm. - Có kỹ năng đo vẽ bằng phương pháp thủ công tại hiện trường. - Có kỹ năng thể hiện bản vẽ hiện trạng công trình.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nêu và giải thích được: định nghĩa, ý nghĩa và các phương pháp của vẽ ghi; các bước tiến hành trong phương pháp đo vẽ thủ công.	Nhớ - Hiểu	PI 12.1
CLO 2	Vận dụng để làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình đo vẽ hiện trạng.	Vận dụng	PI 10.1; PI 10.2; PI 10.3
CLO 3	Vận dụng để đo vẽ hiện trạng - bằng phương pháp thủ công - một công trình cụ thể.	Vận dụng	PI 7.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1												
CLO 2										M, A; R; R, A		
CLO 3				I			R					R, A
Tổng hợp				I			R			M, A; R; R, A		R, A

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Số tiết (ThH /TN)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương I: Khái niệm chung về vẽ ghi 1. Định nghĩa 2. Nội dung Hồ sơ vẽ ghi	2-0		+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp	Trên lớp: + Nghe giảng; ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài	CLO1, CLO2

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Số tiết (ThH /TN)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	3. Các phương pháp vẽ ghi				+ Nghiên cứu tài liệu về “Phương pháp đo vẽ thủ công”	
2	Chương II: Phương pháp đo vẽ thủ công 1. Dụng cụ đo vẽ 2. Phương pháp đo vẽ	2-0		+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận tại lớp + Chọn công trình thực tế, chia nhóm và hướng dẫn thực hiện “Bài thực hành vẽ ghi”	Trên lớp: + Nghe giảng; ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Ôn bài	CLO1, CLO2, CLO3
3 - 13	Chương III: Thực hành vẽ ghi một công trình cụ thể		22-0	+ Hướng dẫn thực hiện “Bài thực hành vẽ ghi” tại công trình	Tại công trình: + Tham gia thảo luận + Thực hiện công việc theo sự phân công của Nhóm trưởng. Về nhà: + Thực hiện “Bài thực hành” theo nhóm	CLO2, CLO3
14	Hoàn thiện Bài thực hành vẽ ghi				Tại nhà: Thực hiện “Bài thực hành” theo nhóm	
15	Bài thực hành vẽ ghi				Nộp bài	CLO1, CLO2, CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
2-13	Thực hiện “Bài thực hành vẽ ghi” theo nhóm
14	Các nhóm hoàn thiện “Bài thực hành vẽ ghi” trên giấy A1 - đóng thành tập.
15	Nộp bài.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Khả năng làm việc nhóm hiệu quả	CLO2, CLO3	Mỗi buổi học	Đánh giá chuyên cần và khả năng làm việc nhóm	Tiêu chí 1	30%
Bài thực hành vẽ ghi	Sinh viên được giao nhiệm vụ theo nhóm	CLO3	Nộp bài vào tuần thứ 15	Đánh giá Bài thực hành vẽ ghi	Tiêu chí 2	70%

Tiêu chí 1 – Chuyên cần và khả năng làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Số buổi làm việc với nhóm (đạt <30%).	Số buổi làm việc với nhóm (đạt <50%).	Số buổi làm việc với nhóm (đạt <70%).	Số buổi làm việc với nhóm (đạt <90%).	Số buổi làm việc với nhóm (đạt 100%).	20%
Khả năng làm việc nhóm	Mức hoàn thành nội dung công việc cá nhân được giao (đạt <30%).	Mức hoàn thành nội dung công việc cá nhân được giao (đạt <50%).	Mức hoàn thành nội dung công việc cá nhân được giao (đạt <70%).	Mức hoàn thành nội dung công việc cá nhân được giao (đạt <90%).	Mức hoàn thành nội dung công việc cá nhân được giao (đạt 100%).	40%
	Không tham gia các hoạt động chung của nhóm.	Ít khi tham gia các hoạt động chung của nhóm.	Thỉnh thoảng tham gia các hoạt động chung của nhóm.	Thường xuyên tham gia các hoạt động chung của nhóm.	Tham gia tích cực các hoạt động chung của nhóm.	20%
	Không tham gia đóng góp trong việc tạo ra môi trường hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	Hiếm khi tham gia đóng góp trong việc tạo ra môi trường hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	Thỉnh thoảng tham gia đóng góp trong việc tạo ra môi trường hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	Đóng góp hiệu quả trong việc tạo ra môi trường hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	Đóng góp rất hiệu quả trong việc tạo ra môi trường hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.	20%

Tiêu chí 2 – Đánh giá Bài thực hành vẽ ghi

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp và thành phần Bài thực hành	Không nộp Bài thực hành.	Có nộp. Hồ sơ BV hiện trạng. Còn thiếu Bản vẽ phác và Bản vẽ nháp.	Có nộp. Hồ sơ BV hiện trạng. Còn thiếu Bản vẽ phác hoặc Bản vẽ nháp.	Có nộp. Đầy đủ các hồ sơ: Bản vẽ phác; Bản vẽ nháp; Hồ sơ BV hiện trạng.	Có nộp. Đầy đủ các hồ sơ: Bản vẽ phác; Bản vẽ nháp; Hồ sơ BV hiện trạng.	20%
Trình bày Bài thực hành	Không có Bài thực hành	Bài thực hành được trình bày không yêu cầu. Một số hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Bài thực hành được trình bày đúng yêu cầu. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày.	Bài thực hành được trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài thực hành được trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	20%
Nội dung Bài thực hành	Không có Bài thực hành	Các bản vẽ không đầy đủ, còn sai sót về hình dạng, kích thước công trình. Chưa đáp ứng các	Các bản vẽ đúng, đầy đủ, chính xác (hình dạng, kích thước) công trình. Đáp ứng các yêu	Các bản vẽ đúng, đầy đủ, chính xác (hình dạng, kích thước) công trình. Đáp ứng các yêu	Các bản vẽ đúng, đầy đủ, chính xác (hình dạng, kích thước) công trình. Đáp ứng các yêu cầu của bản vẽ kỹ	60%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		yêu cầu của bản vẽ kỹ thuật.	câu của bản vẽ kỹ thuật. Còn một số sai sót.	câu của bản vẽ kỹ thuật.	thuật. Hình ảnh đẹp, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Đỗ Quang Trinh, Hướng dẫn vẽ ghi, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2010.

15.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ xây dựng, Giáo trình vẽ Xây dựng, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2000.

2. Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh, Diễn họa kiến trúc, 1993

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học tại lớp và các buổi thực hành tại công trình. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, thực hành, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện “Bài thực hành vẽ ghi” đúng quy định. “Bài thực hành vẽ ghi” phải do nhóm sinh viên thực hiện. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vũ Phương

TS. Phan Tiến Vinh

- 2.21. Chuyên đề kiến trúc bền vững
- 2.22. Chuyên đề công nghệ mới trong xây dựng
- 2.23. Thực tập nhận thức

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506236	Tên học phần:	Thực tập nhận thức
	Tên tiếng Anh:	Practice Awareness
2. Số tín chỉ:	1 (0-1)	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	08 tiết	
Thực hành, Bài tập (BT):	22 tiết	
Tự học (TH):	30 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. KTS. Võ Thị Vỹ Phương	
Giảng viên 2	ThS. KTS. Trương Thị Huyền Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Thực tập nhận thức là hình thức học tập thông qua việc sinh viên trải nghiệm thế giới quan về Kiến trúc diễn ra trong giai đoạn đầu của chương trình học, trước khi sinh viên bắt đầu học chuyên ngành, thông qua việc tham quan nhận thức tại các công trình kiến trúc thực tế. Học phần này giúp cho sinh viên có được các nhận thức cơ bản về lĩnh vực/ngành nghề mình theo học; giúp định hướng nghề nghiệp, định hướng kế hoạch học tập và phát triển bản thân.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Hiểu được công việc của kiến trúc sư đối với quá trình xây dựng các công trình; - Hiểu được quá trình tư vấn – thiết kế - thi công công trình xây dựng.

Mục tiêu	Mô tả
	- Hiểu được sơ bộ về quy trình hình thành nên một công trình kiến trúc, từ lúc thiết kế đến lúc thi công, hoàn thiện và vận hành công trình.
Kỹ năng	- Nhận biết các công việc liên quan đến chuyên ngành Kiến trúc trong giới hạn của Học viên kiến trúc. - Quan sát, học hỏi và rèn luyện năng lực nhận biết chuyên môn về kiến trúc. - Có khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo và kỹ năng phản biện. - Có kỹ năng giao tiếp tốt, xây dựng mối quan hệ đồng nghiệp bền vững.
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có khả năng tổng hợp những kiến thức đã học và áp dụng để học các học phần tiếp theo. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Xác định các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường liên quan đến công trình kiến trúc.	Áp dụng	PI 1.1
CLO 2	Có khả năng đánh giá các giải pháp công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong lĩnh vực kiến trúc.	Áp dụng	PI 5.1
CLO 3	Diễn đạt các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói rõ ràng, dễ hiểu	Áp dụng	
CLO 4	Hoàn thành trách nhiệm cá nhân, đóng góp vào thành công của nhóm	Áp dụng	
CLO 5	Tổ chức hiệu quả các buổi họp nhóm đáp ứng mục tiêu và thời hạn công việc.	Áp dụng	PI 10.2
CLO 6	Có ý thức thực hành đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Kiến trúc - Xây dựng.	Áp dụng	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	M											
CLO 2					M							
CLO 3							R					
CLO 4										R		
CLO 5										M		
CLO 6												R
Tổng hợp	M	-	-	-	M	-	R	-	-	M	-	R

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy thông qua các buổi tham quan, nhận thức tại các công trình kiến trúc trên thực tế và viết báo cáo tổng kết của môn học.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1,2,3	Giao nhiệm vụ Phổ biến các tiêu chí, yêu cầu và quy định chung khi tham gia thực tập Giao nhiệm vụ thực tập	2-4	+ Hướng dẫn + Thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng, ghi chép + Tham gia thảo luận Về nhà: + Tìm tài liệu tham khảo + Tìm hiểu trước các công trình sẽ được tham quan thực tập	CLO1
4,5	Tham quan các công trình Tham quan các công trình kiến trúc theo lịch trình đã quy định	4-0	+ Khảo sát thực tế + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Tại hiện trường: + Quan sát + Đo đạc + Ghi chép Về nhà: + Tổng hợp dữ liệu	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
6-14	Viết báo cáo thực tập nhận thức Nghiên cứu các tài liệu, tiêu chuẩn liên quan Viết báo cáo về các công trình kiến trúc đã được tham quan, theo mẫu báo cáo của bộ môn	0-18	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Giải quyết vấn đề	Về nhà: + Thảo luận nhóm + Viết báo cáo	CLO3, CLO4, CLO5
15	Nộp và bảo vệ báo cáo Sinh viên nộp báo cáo và bảo vệ báo cáo theo nhóm	2-0	+ Vấn đáp	Trên lớp: + Bảo vệ các nội dung của báo cáo tổng kết.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
4-14	Tham gia tham quan nhận thức, lấy thông tin tại hiện trường và tổng hợp tài liệu, viết báo cáo tổng kết, bảo vệ báo cáo theo nhóm 2-3 sinh viên

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Đánh giá quá trình thực tập nhận thức	Quá trình tham gia nhận thức của sinh viên	CLO4, CLO5, CLO6	Quá trình tham gia nhận thức tại các công trình	Đánh giá quá trình		30%
Đánh giá báo cáo tổng kết	Quyển báo cáo tổng kết đợt thực tập theo mẫu của bộ môn	CLO1, CLO2, CLO3,	Tuần nộp báo cáo	Đánh giá báo cáo	Rubic 2	70%

Rubric tổng hợp chấm phản biện

CLO	PI	Tiêu chí đánh giá (gốc)	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số (%)
			MỨC F	MỨC D	MỨC C	MỨC B	MỨC A	
			(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.5-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)	

CLO1	1.1	Xác định các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường liên quan đến công trình kiến trúc.	Không xác định được các yếu tố có liên quan đến công trình kiến trúc	Xác định được các yếu tố có liên quan đến công trình kiến trúc, nhưng không nắm rõ	Xác định được các yếu tố có liên quan đến công trình kiến trúc	Xác định được rõ ràng và hiểu được các yếu tố có liên quan đến công trình kiến trúc	Xác định được rõ ràng và hiểu, đánh giá được các yếu tố có liên quan đến công trình kiến trúc
CLO2	5.1	Có khả năng đánh giá các giải pháp công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong lĩnh vực kiến trúc.	Không nắm được các giải pháp công nghệ	Có biết các giải pháp công nghệ, nhưng không nắm rõ	Có biết các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc trong lĩnh vực kiến trúc.	Có biết rõ và hiểu được các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc trong lĩnh vực kiến trúc.	Có biết rõ và áp dụng được các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc trong lĩnh vực kiến trúc.
CLO3		Diễn đạt các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói rõ ràng, dễ hiểu	Nói nhỏ, lan man, không đúng trọng tâm, chiếm nhiều thời gian	Nói lan man, dài dòng nhưng vẫn đúng vấn đề, chiếm nhiều thời gian	Nói rõ, đúng trọng tâm nhưng không giao lưu người nghe.	Nói rõ, đúng trọng tâm nhưng dài dòng, có giao lưu người nghe,	Nói rõ, tự tin, đúng trọng tâm, ngắn gọn, giao lưu người nghe, đúng thời gian yêu cầu

Bảng : Mẫu phiếu chấm điểm GVPB cuối đợt thực tập

STT	Họ và tên	CLO1	CLO2	CLO3	Tổng cộng
		Nhận biết được các bộ phận cơ bản của các công trình thực tế	Trình bày báo cáo theo đúng mẫu, văn phong và nội dung rõ ràng.	Truyền đạt ý tưởng bằng hình ảnh	
	ĐIỂM TỐI ĐA	16	28	28	100
1	NGUYỄN VĂN A				

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Những dữ liệu Kiến trúc sổ tay các kiểu công trình xây dựng, Neufert - Nguyễn Anh Dũng, Tạ Văn Hùng dịch và biên tập, NXB Khoa học Kỹ thuật, 1998.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- Các bản vẽ thi công tại công trình thực tế;
- Các báo cáo thực tập nhận thức mẫu;
- Các tài liệu tham khảo về các công trình được tham quan nhận thức.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi thực tập nhận thức. Mọi trường hợp vắng hoặc không tuân thủ quy định an toàn sẽ dẫn đến việc sinh viên bị ngừng lập tức môn học này;
- Sinh viên phải tuân thủ đúng tiến độ thực hiện các báo cáo và các quy định khác do giáo viên hướng dẫn yêu cầu;
- Báo cáo thực tập nhận thức phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì sẽ bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiên Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

- 2.24. Thực tập họa viên
- 2.25. Học kỳ doanh nghiệp
- 2.26. Đồ án tốt nghiệp Kiến trúc sư

III. Đề cương chi tiết các học phần chuyên ngành – Tự chọn bắt buộc

3.1. Mỹ học kiến trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kiến trúc

Mã ngành: 7510101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần:	Tên học phần: Mỹ học Kiến trúc
	Tên tiếng Anh: Esthetic Architecture
2. Số tín chỉ:	2
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	22 tiết
Bài tập (BT):	8 tiết
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	Phan Bảo An
Giảng viên 2	Lưu Thiên Hương
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn
Học phần song hành:	
6. Vị trí học phần trong chương trình:	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Mỹ học kiến trúc được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Mỹ học, mỹ học kiến trúc và mỹ học đô thị.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: cung cấp các khái niệm, thuật ngữ về Mỹ học thông qua giới thiệu các đặc trưng của Mỹ học, Mỹ học kiến trúc và Mỹ học đô thị; sự xuất hiện và đặc tính của mỹ học kiến trúc, mỹ học đô thị; phương pháp phân tích bản vẽ và phân tích thẩm mỹ kiến trúc, quy hoạch đô thị qua bản vẽ.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành và hiểu được tổng quan lý thuyết môn Mỹ học Kiến trúc; + Hiểu được vai trò của Mỹ học đối với ngành nghề kiến trúc; có nhận thức tương đối toàn diện về Mỹ học trong lĩnh vực kiến trúc, đô thị + Nắm rõ và hiểu được mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của chuyên ngành Mỹ học kiến trúc; + Hiểu được các đặc trưng và giai đoạn phát triển cơ bản của tư tưởng Mỹ học; + Nắm được các phương pháp phân tích mỹ học trong nghệ thuật, trong kiến trúc và trong quy hoạch.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> + Thực hành phương pháp phân tích bản vẽ, phân tích thẩm mỹ kiến trúc qua bản vẽ và phương pháp làm việc theo nhóm. + Có khả năng tổng kết và đưa ra được những lý luận từ bài giảng thông qua thực tiễn đời sống và các mối quan hệ xã hội trong lĩnh vực kiến trúc, đô thị; + Có khả năng vận dụng môn học trong sáng tác đồ án, nghiên cứu kiến trúc; + Có khả năng tự cập nhật, tìm hiểu thêm các kiến thức mới nhất về môn học; góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy, phương pháp sáng tạo kiến trúc cho sinh viên; + Có kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> + Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và ứng dụng mỹ học kiến trúc vào các vấn đề quan tâm cũng như với môn học nói riêng và ngành học Kiến trúc công trình cho sinh viên; + Có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

	+ Có ý thức kỷ luật; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.
--	---

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Năng lực CDIO
C1	-Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản về mỹ học, -Hiểu quá trình hình thành các thuật ngữ và khái niệm Mỹ học, -Hiểu và nhận thức được vai trò của mỹ học trong cuộc sống, -Hiểu và nhận thức được vai trò của mỹ học trong kiến trúc và đô thị.	Hiểu	1.1, 2.1, 3.2, 6.2
C2	-Giải thích và sử dụng được các khái niệm về mỹ học trong thiết kế kiến trúc.	Hiểu Áp dụng	1.2, 2.1, 2.2, 3.1, 6.1
C3	- có khả năng phân tích, vận dụng, thực hành các ý tưởng vào trường hợp cụ thể trong thiết kế	Vận dụng	2.2, 3.1, 4.1-2-3-4, 10.1
C4	-Có khả năng tổ chức, thảo luận đề vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình về vấn đề nghiên cứu	Vận dụng	4.1, 10.1
C5	Đề xuất các phương pháp nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu về mỹ học kiến trúc, mỹ học đô thị.	Phân tích Sáng tạo	4.1, 4.2, 4.3, 5.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1	R	I	I	-	-	R	-	-	-	-	-	-
C2	R	M	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-
C3	-	M	R	R	-	-	-	-	-	I	-	-
C4	-	-	-	R	-	-	-	-	-	I	-	-
C5	-	-	-	M	R	-	-	-	-	-	-	-
Tổng hợp HP	R	A	I	M	R	R	-	-	I	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 10 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Những vấn đề chung về Mỹ học 1. Đối tượng và nhiệm vụ của Mỹ học.	6/2	+ Thuyết giảng	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép	C1, C2,

	<p>2. Những giai đoạn phát triển cơ bản của tư tưởng Mỹ học</p> <p>3. Quan hệ thẩm mỹ</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Tính chất cơ bản</p> <p>4. Khách thể thẩm mỹ</p> <p>4.1. Các hiện tượng thẩm mỹ</p> <p>4.2. Các phạm trù</p>			+ Tham gia thảo luận nhóm	
3, 4	<p>Chương 2: Các đặc trưng của nghệ thuật</p> <p>1. Hình tượng nghệ thuật</p> <p>2. Quá trình sáng tạo nghệ thuật</p> <p>2.1. Tình cảm và lý trí</p> <p>2.2. Tài năng và quá trình sáng tạo</p> <p>3. Tác phẩm nghệ thuật</p> <p>3.1. Phương thức tồn tại</p> <p>3.2. Tính tổng thể</p> <p>4. Nội dung và hình thức nghệ thuật.</p>	5/2	+ Thuyết giảng	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p>	C1, C2, C3,
5	<p>Chương 3: Mỹ học kiến trúc</p> <p>1. Sự xuất hiện của Mỹ học Kiến trúc</p> <p>1.1. Lịch sử</p> <p>1.2. Văn hoá, tôn giáo</p> <p>2. Ý nghĩa của Mỹ học Kiến trúc</p> <p>2.1. Nghĩa hẹp và nghĩa rộng</p> <p>2.2. Giải thích</p> <p>3. Đặc tính của Mỹ học Kiến trúc</p> <p>3.1. Sự phát triển của Mỹ học Kiến trúc</p> <p>3.2. Hình thái của Mỹ học Kiến trúc</p> <p>4. Phân tích thẩm mỹ kiến trúc qua bản vẽ</p> <p>4.1. Phân tích kỹ thuật</p> <p>4.2. Thế hệ đẳng cấp.</p>	5/2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ Làm bài tập</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài</p>	C1, C2, C3, C4.

6	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		Làm bài kiểm tra	C1, C2, C3, C5.
7	Chương 4: Mỹ học đô thị 1. Sự xuất hiện và đặc tính mỹ học đô thị 2. Sự phát triển của mỹ học đô thị 2.1. Mỹ học cổ điển 4.2. Mỹ học hiện đại 3. Hình thái của mỹ học đô thị 4.1. Đẹp tạo hình đô thị 4.2. Đẹp không gian đô thị 4.3. Đẹp môi trường đô thị 4. Phân tích thẩm mỹ đô thị 4.1. Các phương pháp phân tích 4.2. Vai trò của việc phân tích	6/2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà.	C1, C2, C3, C4.

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
3-9	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
5-10	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 04 sinh viên nghiên cứu, - Phân tích bài tập về mỹ học kiến trúc thông qua công trình

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm	Phương pháp	Tiêu chí	Trọng số
			Đánh giá			
Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân phân tích công trình kiến trúc	C1, C2, C3	Kiểm tra	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%

Bài tập lớn	Thực hiện: Bài tập nhóm phân tích đô thị cổ Hội An, Đô thị Đà Nẵng, Đô thị Tam Kỳ, Đô thị Huế	C2, C3, C4, C5	Tuần 10	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân, nhóm	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá cuối kỳ	Báo cáo nghiên cứu	C1, C2, C3, C5	Tuần thi	Báo cáo nhóm	Tiêu chí 2 Tiêu chí 3	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập Bài tập không đủ thành phần 50% số lượng được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	30%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	70%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ. Nhưng phương pháp trình bày sai, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong nghiên cứu, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, Cách trình bày hợp lý nhưng chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày chi tiết, rõ ràng, logic. Kết quả nghiên cứu có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	30%
Kết quả nghiên cứu	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Đáp ứng nhiệm vụ của bài tập.	70%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin, hiểu biết những còn chưa thuyết phục.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

+ *Giáo trình bắt buộc*: Bài giảng Mỹ học đô thị - Tài liệu lưu hành nội bộ

+ *Tài liệu tham khảo*:

1. Uông Chính Chương, *Mỹ học Kiến trúc*, NXB Xây dựng, 2002.
2. Nguyễn Hoàng Huy, *Mỹ học và phê bình nghệ thuật*, NXB Mỹ thuật, 2013.
3. Roger H. Clark & Micheal Paul, *Phương pháp phân tích và đánh giá qua hình vẽ những tác phẩm kiến trúc nổi tiếng của các kiến trúc sư lớn*, NXB Xây dựng, 2002.
4. Đỗ Văn Khang, Đỗ Huy, *Mỹ học Mác – Lê nin*, NXB ĐH và THCN, 1995.
5. Heghel, *Mỹ học (Tập I và II)*, NXB Văn học nghệ thuật, 1999.
6. Spara, *Thẩm mỹ kỹ thuật và những cơ sở thiết kế nghệ thuật*, NXB Moscow, 1978.
7. Đặng Thái Hoàng, *Lý luận và phương pháp phê bình kiến trúc*, Tạp chí Kiến trúc số 01/2001
8. Đoàn Khắc Tình, *Xã hội học nghệ thuật*, Viện ĐH Mở và Tạo dáng công nghiệp, 2010.
9. Đỗ Văn Khang, *Giáo trình Lịch sử Mỹ học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010
10. Michael Kampen O'Riley, *Những nền Mỹ thuật ngoài phương Tây*, NXB Mỹ thuật, 2005

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập cá nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện bài tập lớn theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Phan Tiến Vinh

Võ Thị Vỹ Phương

Phan Bảo An

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506241	Tên học phần:	Ngôn ngữ hình thức kiến trúc
	Tên tiếng Anh:	Form language of Architecture
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	20 tiết	
Bài tập (BT):	10 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	TS. Lưu Thiên Hương	
Giảng viên 2	ThS. KTS. Võ Thị Vỹ Phương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành – tự chọn bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Ngôn ngữ hình thức kiến trúc là môn học cung cấp các kiến thức và lý luận phục vụ cho việc sáng tác kiến trúc. Ngôn ngữ hình thức bao gồm các quy tắc hình học để sắp đặt các yếu tố/vật chất lại với nhau. Các ngôn ngữ hình thức khác nhau tương ứng với phong cách kiến trúc hoặc tập quán xây dựng khác nhau. Đây chính là những kiến thức quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, đồ án môn học của ngành CNKT Kiến trúc và trong quá trình hành nghề thực tế sau khi ra trường.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Các khái niệm về ngôn ngữ và ngôn ngữ kiến trúc; Ngôn ngữ hình thức của một số phong cách và thể loại kiến trúc phổ biến.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trình bày được các khái niệm về ngôn ngữ hình thức kiến trúc và các khái niệm có liên quan.

Mục tiêu	Mô tả
	- Trình bày được mối liên hệ giữa ngôn ngữ hình thức kiến trúc và các phong cách, thể loại kiến trúc.
Kỹ năng	- Có khả năng áp dụng các kiến thức môn học vào thiết kế các công trình kiến trúc. - Ứng dụng các kỹ năng nêu trên cho các môn học chuyên ngành kế tiếp.
Thái độ	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật trong quá trình học; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Tóm tắt được các khái niệm và phân loại về các ngôn ngữ hình thức kiến trúc.	Hiểu biết	PI 1.2
CLO 2	Giải thích được mối liên hệ giữa ngôn ngữ hình thức kiến trúc và các phong cách, thể loại kiến trúc.	Hiểu biết	PI 2.1
CLO 3	Minh họa được các ngôn ngữ hình thức kiến trúc trong các công trình kiến trúc cụ thể.	Áp dụng	PI 2.2
CLO 4	Sử dụng được các kiến thức về ngôn ngữ hình thức kiến trúc để đưa ra giải pháp thiết kế cho các công trình.	Áp dụng	PI 3.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1	M											
CLO 2		R										
CLO 3		R										
CLO 4			R									
Tổng hợp	M	R	R	-	-	-	-	-	-	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Những vấn đề chung về Ngôn ngữ Kiến trúc 1.1. Khái niệm về ngôn ngữ 1.2. Khái niệm về ngôn ngữ kiến trúc 1.3. Khái niệm về ngôn ngữ hình thức kiến trúc 1.4. Các phạm trù về ngôn ngữ liên quan 1.5. Các dấu hiệu của ngôn ngữ kiến trúc 1.6. Ý nghĩa, ký hiệu và biểu tượng của ngôn ngữ kiến trúc 1.7. Thảo luận và trình bày	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về Ngôn ngữ kiến trúc cổ điển	C1
3, 4, 5	Chương 2: Ngôn ngữ kiến trúc cổ điển 2.1. Chủ nghĩa kinh điển 2.2. Cú pháp kiến trúc cổ đại 2.3. Kiến trúc thế kỷ 16 2.4. Kiến trúc Baroque 2.5. Thảo luận và trình bày	4-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu về Ngôn ngữ của Kiến trúc hậu hiện đại	C1 C2 C3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
6, 7, 8	Chương 3: Ngôn ngữ của Kiến trúc hậu hiện đại 3.1. Cái chết của kiến trúc hiện đại 3.2. Các thể loại của kiến trúc giao tiếp 3.3. Kiến trúc hậu hiện đại 3.4. Thảo luận và trình bày	4-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về Ngôn ngữ của Kiến trúc đương đại	C1 C2 C3
9	Kiểm tra giữa kỳ	0-2	+ Bài thi tự luận	+ Bài thi tự luận	C1 C2
10, 11, 12	Chương 4: Ngôn ngữ của Kiến trúc đương đại 4.1. Kiến trúc đương đại 4.2. Thảo luận và trình bày	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Bài tập lớn	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm BTVN + Nghiên cứu tài liệu về Ngôn ngữ hình thức với thể loại kiến trúc	C1 C2 C3 C4
13, 14, 15	Chương 5: Ngôn ngữ hình thức với thể loại kiến trúc 5.1. Ngôn ngữ hình thức của kiến trúc đơn lẻ 5.2. Ngôn ngữ hình thức của kiến trúc công cộng 5.3. Ngôn ngữ hình thức của kiến trúc công nghiệp 5.4. Ngôn ngữ hình thức trong thiết kế đô thị 5.5. Thảo luận và trình bày	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài + Chuẩn bị các nội dung thi cuối kì theo đề cương ôn tập	C1 C2 C3 C4
Tuần thi HK	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1 C2 C3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-15	Thảo luận và thực hiện các thuyết trình theo nhóm trong quá trình học.
10-15	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 4-5 sinh viên, - Lựa chọn các nội dung lý thuyết đã học và phân tích trên công trình thực tế, - Mỗi nhóm đăng ký thời điểm thuyết trình, lựa chọn trong khoảng thời gian từ tuần 10-15 - Các nhóm chuẩn bị báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung báo cáo.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập nhóm	Lựa chọn các nội dung lý thuyết đã học và phân tích trên công trình nhà ở thực tế	C3 C4	Trong khoảng thời gian từ Tuần 10-15	Đánh giá báo cáo nhóm	Tiêu chí 1	10%
				Vấn đáp nhóm	Tiêu chí 2	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C1 C2	Tuần 9	Tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C1 C2 C3	Tuần thi	Tự luận	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Đánh giá báo cáo nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	100%

Tiêu chí 2 – Vấn đáp nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- *Ngôn ngữ hình thức kiến trúc*, Đặng Thái Hoàng biên dịch, NXB Xây dựng, Tái bản 2013
- *Ngôn ngữ hình thức kiến trúc - Tập 2*, Đặng Thái Hoàng biên dịch, NXB Xây dựng, Tái bản 2017.

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Sáng tác kiến trúc*, Đặng Thái Hoàng biên dịch, NXB Xây dựng, Tái bản 2014.
- *Lý thuyết kiến trúc*, Nguyễn Mạnh Thu – Phùng Đức Tuấn, NXB Xây dựng, 2002.
- *Một số khái niệm về Hình học trong Kiến trúc*, Đoàn Như Kim, NXB Xây dựng, 2005.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện báo cáo theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS. Võ Thị Vỹ Phương

TS. Lưu Thiên Hương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506242	Tên học phần:	Tin học đồ họa kiến trúc 3
	Tên tiếng Anh:	Architectural Design with Computer 3
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Bài tập (BT):	15 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thanh Hòa	
Giảng viên 2	TS. Lưu Thiên Hương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Tin học đồ họa kiến trúc 2	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học Tin học đồ họa kiến trúc 3 giảng dạy cho sinh viên cách thức sử dụng phần mềm Sketchup và việc tạo lập phim 3D. Nội dung môn học cung cấp cho người học các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, thông qua việc thực hành các bài tập, sinh viên có thể làm chủ các kỹ thuật dựng hình, tạo lập môi cảnh, cài đặt góc quay và trích xuất sản phẩm thiết kế dưới dạng các video mô phỏng. Với xu thế thiết kế kiến trúc ngày càng coi trọng hiệu quả diễn đạt cùng với yêu cầu về sự sinh động và chi tiết, môn học này được kỳ vọng sẽ giúp sinh viên có thêm kỹ năng làm việc quan trọng ngay sau khi kết thúc môn học.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Khái niệm cơ bản về thiết kế kiến trúc bằng mô phỏng phim 3D. - Kiến thức cơ bản về tạo lập mô hình trong Sketchup
Kỹ năng	- Phương pháp tạo lập các thông số cài đặt và trích xuất video mô phỏng. - Có khả năng mô hình hóa các thiết kế dưới dạng phim 3D - Có khả năng kết nối dự án với các bộ phận thiết kế khác
Thái độ	- Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học cho sinh viên. - Tạo lập kỹ năng tư vấn và giới thiệu dự án đến với khách hàng, tăng khả năng thuyết minh dự án và trình chiếu thiết kế.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
C1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về thiết kế kiến trúc bằng mô phỏng phim 3D.	Hiểu	
C2	Thực hiện được các lệnh cơ bản về tạo lập mô hình và các thông số cài đặt và trích xuất video mô phỏng trong Sketchup.	Hiểu Vận dụng	
C3	Áp dụng các kiến thức đã học để mô hình hóa các thiết kế dưới dạng phim 3D.	Vận dụng	
C4	Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả	Vận dụng	
C5	Tăng kỹ năng tư vấn và giới thiệu dự án đến với khách hàng thông qua trình chiếu thiết kế dưới dạng 3D	Phân tích Sáng tạo	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1												
C2	-											
C3		C	TB	C								-
C4						TB	C					
C5					TB			-	C	-	-	
Tổng hợp HP	-	C	TB	C	TB	TB	C	-	C	-	-	-

*Chú thích: Cao (C), Trung bình (TB), Thấp (T), Không liên quan (-)

TD - Học phần hỗ trợ tối đa cho việc đạt được PLO (cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT)

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2, 3	<p>Chương 1: Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.1 Các khái niệm về làm phim hoạt cảnh (animation)</p> <p>1.2 Cách chọn bảng treo (docking-window) SCENES</p> <p>1.3 Nguyên tắc chọn camera, style</p> <p>1.4 Khái niệm về thanh Tab Scenes và bảng treo</p>	3-3	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Cho sinh viên thực hành theo trên máy tính</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Tham gia thực hành trên máy tính</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà</p> <p>+ Nghiên cứu tài liệu về cách làm phim hoạt cảnh</p>	C1, C2, C3, C4
4, 5, 6	<p>Chương 2: Khái niệm về camera</p> <p>2.1 Chọn vị trí của Camera – Di chuyển theo tốc độ của người.</p> <p>2.2 Lựa chọn mặt cắt, cách thức ẩn hiện</p> <p>2.3 Khái niệm thanh công cụ Animation- Section</p>	3-3	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Cho sinh viên thực hành theo trên máy tính</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Tham gia thực hành trên máy tính</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà</p> <p>+ Nghiên cứu tài liệu về camera khi tạo lập hoạt cảnh</p>	C1, C2, C3, C4, C5

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
7, 8, 9	<p>Chương 3: Biểu diễn mặt cắt chuyển động</p> <p>3.1 Tạo mặt cắt (section) ở mỗi scenes</p> <p>3.2 Bật mặt cắt bằng lệnh Active cut ở thanh menu</p> <p>3.3 Hiệu chỉnh màu nét cắt bằng Styles/ Modeling Setting</p> <p>3.4 Mô phỏng chiếu sáng bằng phần mềm</p>	3-3	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Cho sinh viên thực hành theo trên máy tính 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thực hành trên máy tính <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về biểu diễn khi tạo lập hoạt cảnh 	C1, C2, C3, C4, C5
9	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		+ Bài thi thực hành trên máy	C1, C2, C3
10, 11, 12	<p>Chương 4: Hiệu chỉnh tốc độ của phim</p> <p>4.1 Khái niệm thanh menu View / Animation / Setting</p> <p>4.2 Chỉnh tốc độ của phim – Enable scenes transition</p> <p>4.3 Scenes delay: khoảng ngắt/khựng lại giữa các scenes</p> <p>4.4 Xuất phim bằng thanh menu: File / Export / Animation</p>	3-3	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Cho sinh viên thực hành theo trên máy tính 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thực hành trên máy tính <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về điều chỉnh tốc độ khi tạo lập hoạt cảnh 	C1, C2, C3, C4,

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
13, 14	Chương 5: Cài đặt các thông số cơ bản và kết hợp với các phần mềm khác 5.1 Bảng setting 5.2 Kích thước phim, tỷ lệ và Codec 5.3 Cài đặt các thông số khác 5.4 Kết hợp render với Vray 3dsmax và Sketchup	2-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Cho sinh viên thực hành theo trên máy tính	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thực hành trên máy tính Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về các nội dung liên quan khác	C1, C2, C3, C4,
15	Báo cáo bài tập lớn	0-2		Trên lớp: + Báo cáo, mô hình hóa và xuất kết quả Về nhà: + Tự ôn tập	C3, C4, C5
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi thực hành trên máy	C3, C4, C5

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
1 đến 14	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 3 sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu sử dụng phần mềm - Thiết kế và áp dụng phương pháp tạo lập và xuất hoạt cảnh khi thiết kế công trình - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả thiết kế, mô phỏng vào tuần 15.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Sinh viên được phân bài tập áp dụng phương pháp tạo lập và xuất hoạt cảnh khi thiết kế công trình	C2, C3, C4, C5	Tuần 15	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C3, C4, C5	Tuần 9	Kiểm tra thực hành	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C3, C4, C5	Tuần thi	Kiểm tra thực hành	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài	Nộp trên 50% số lượng bài tập được	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao).	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được	50%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	tập được giao	giao. Chưa đúng thời gian quy định.	nộp chưa đúng thời gian quy định.	Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	giao). Đúng thời gian quy định.	
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%

Kết quả mô phỏng	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng mô phỏng không chi tiết và cho kết không đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết chưa đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết cho kết quả gần đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết cho kết quả chính xác theo bài toán đặt ra.	50%
------------------	--	---	---	--	---	------------

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
 1. Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Sketchup – bản quyền của Google
- Sách (TLTK) tham khảo:
 1. Các tài liệu tham khảo từ Internet.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

3.4. Chuyên đề Kiến trúc công nghiệp

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506243	Tên học phần:	Chuyên đề kiến trúc công nghiệp
	Tên tiếng Anh:	Industrial architecture topic
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Bài tập (BT):	30 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Trần Vũ Tiến	
Giảng viên 2	ThS. Lê Thị Kim Anh	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Kiến trúc công nghiệp	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần chuyên ngành- tự chọn bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Chuyên đề Kiến trúc công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về cảnh quan kiến trúc công nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: tổng quan, nhiệm vụ, nguyên tắc và các giải pháp thiết kế về kiến trúc cảnh quan công nghiệp.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kiến trúc cảnh quan công nghiệp - Sinh viên nắm được nguyên tắc và đưa ra các giải pháp thiết kế về kiến trúc cảnh quan công nghiệp.

Mục tiêu	Mô tả
Kỹ năng	- Có khả năng áp dụng các kiến thức đã học vào thiết kế kiến trúc cảnh quan cho một khu công nghiệp hoặc một xí nghiệp công nghiệp - Có khả năng nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn về lĩnh vực phát triển kiến trúc cảnh quan công nghiệp trong tương lai
Mức tự chủ và trách nhiệm	- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Tạo sự thích thú sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Nắm vững các khái niệm về kiến trúc cảnh quan công nghiệp.	Nhớ	PI 3.2
CLO 2	Hiểu được các nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc thiết kế về kiến trúc cảnh quan công nghiệp.	Hiểu	PI 3.2
CLO 3	Áp dụng các kiến thức đã học vào thiết kế kiến trúc cảnh quan cho một khu công nghiệp hoặc một xí nghiệp công nghiệp	Vận dụng	PI 3.2, PI 3.3, PI 4.3
CLO 4	Có khả năng nhất định trong việc phân tích, so sánh lựa chọn các giải pháp thiết kế về kiến trúc cảnh quan công nghiệp.	Phân tích	PI 5.1

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1			M									
CLO 2			M									
CLO 3			M,R	R								
CLO 4					R							
Tổng hợp			M,R	R	R							

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/THH)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	<p>Chương 1: Giới thiệu chung về kiến trúc cảnh quan XNCN</p> <p>1.1.Tình hình phát triển kiến trúc cảnh quan XNCN</p> <p>1.2.Hiện trạng kiến trúc cảnh quan về XNCN</p>	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu</p>	CLO1
2	<p>Chương 2: Nhiệm vụ của tổ chức kiến trúc cảnh quan trong các XNCN</p> <p>2.1.Nâng cao chất lượng giải pháp quy hoạch kiến trúc tổng mặt bằng XNCN</p> <p>2.2.Nâng cao chất lượng thẩm mỹ và tiện nghi của môi trường lao động trong XNCN</p> <p>2.3.Hài hoà với cảnh quan đô thị</p> <p>2.4.Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa và thẩm mỹ của người lao động</p>	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu</p>	CLO1, CLO2
3	<p>Chương 3: Các yêu cầu cơ bản đối với thiết kế kiến trúc cảnh quan trong các XNCN</p> <p>3.1.Sơ đồ mối quan hệ giữa kiến trúc cảnh quan và hệ thống cảnh quan chung</p> <p>3.2.Cơ cấu kiến trúc cảnh quan của XNCN</p>	2-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu</p>	CLO1, CLO2
4, 5	<p>Chương 4: Các nguyên tắc thiết kế kiến trúc cảnh quan trong các XNCN</p> <p>2.1.Phù hợp với phân khu chức năng tổng mặt bằng XNCN</p>	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận</p> <p>Về nhà:</p>	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/ THH)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	2.2. Phù hợp với các đặc điểm sản xuất của XNCN 2.3. Nâng cao tiện nghi lao động, nghỉ ngơi, tâm sinh lý người lao động 2.4. Khai thác một cách hợp lý các điều kiện tự nhiên 2.5. Sử dụng thành tựu công nghiệp hóa xây dựng 2.6. Phù hợp với các quy luật thẩm mỹ kiến trúc 2.7. Hạn chế tối đa ô nhiễm trong XNCN và khu vực lân cận bằng các giải pháp kiến trúc và quy hoạch			+ Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu	
6, 7, 8	Chương 5: Các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong các XNCN 5.1. Dùng địa hình và mặt nước tự nhiên trong thiết kế kiến trúc cảnh quan XNCN 5.2. Dùng quy luật thị giác trong tổ chức cảnh quan các XNCN 5.3. Công trình có tính biểu tượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả thẩm mỹ cảnh quan kiến trúc XNCN 5.4. Sử dụng sự biểu hiện của kết cấu 5.5. Dùng màu sắc để tạo sự hài hòa và sự tương phản	5-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận Về nhà: + Ôn bài + Nghiên cứu tài liệu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8	Kiểm tra giữa kỳ	0-2		+ Bài thi tự luận	

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/THH)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
9 -15	Bài tập lớn: thực hành thiết kế cảnh quan một Xí nghiệp công nghiệp nhỏ	0-26	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận + Hướng dẫn và sửa bài tập	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Vẽ bài tập Về nhà: + Vẽ bài tập + Nghiên cứu tài liệu	CLO2, CLO3, CLO4
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận học hành trên máy tính	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1 đến 9	Thực hiện và báo cáo Báo cáo chuyên đề theo nhóm trong quá trình học
9 đến 15	Bài tập nhóm - Mỗi nhóm 2 sinh viên thực hành thiết kế cảnh quan một Xí nghiệp công nghiệp nhỏ - Các nhóm nộp bản vẽ vào tuần học thứ 16

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Báo cáo chuyên đề	Sinh viên được giao nhiệm vụ theo nhóm	CLO2, CLO3, CLO4,	Tuần 16	Đánh giá thuyết trình	Tiêu chí 1	20%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	Tuần 8	Kiểm tra tự luận	2 câu/10 điểm đúng theo đáp án	30%
Đánh giá cuối kỳ	Bài tập nhóm : 2 sinh viên/nhóm theo hướng dẫn của GV	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Tuần thi	Đánh giá bài tập	3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số

Tiêu chí 1 – Đánh giá thuyết trình - “Báo cáo chuyên đề”

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung Báo cáo	Không thực hiện hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có thể có sử dụng video.	50%
Trình bày slide	Không thực hiện hoặc slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Không thực hiện hoặc trình bày không logic. Sử dụng thuật ngữ không đúng, người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Tiêu chí 2– Bài tập nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong khi vẽ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Vẽ đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Vẽ đẹp, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	80%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Giáo trình giáo viên biên soạn.

15.2. Sách (TLTK) tham khảo:

- *Thiết kế kiến trúc công nghiệp*, Nguyễn Minh Thái, NXB Xây dựng, 2004.

- *Kiến trúc công nghiệp*, Nguyễn Tại, Phạm Đình Tuyển, NXB Xây dựng Hà Nội, 2001.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải xin phép và có giấy tờ chứng minh đầy đủ, hợp lý.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện Bài tập đúng quy định. Bài tập nhóm mỗi sinh viên thực hiện. Nếu bị phát hiện là sao chép hoặc nhờ người làm hộ thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Phan Tiến Vinh

ThS.Võ Thị Vỹ Phương

ThS. Trần Vũ Tiến

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506244	Tên học phần:	Chuyên đề thiết kế Nội thất
	Tên tiếng Anh:	The major of Architectural Interior Design
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	15 tiết	
Bài tập, thực hành (BT):	30 tiết	
Tự học (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thị Kim Anh	
Giảng viên 2	Thỉnh giảng, Chuyên gia	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Cơ sở tạo hình Kiến trúc, Nguyên lý thiết kế Kiến trúc	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành – bắt buộc	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Chuyên đề Nội thất là học phần chuyên sâu hơn về thiết kế nội thất các không gian chức năng trong công trình Kiến trúc. Học phần này cập nhật những công nghệ mới, vật liệu mới, những xu hướng phát triển phong cách nội thất trong nước và trên thế giới, đáp ứng các nhu cầu về thẩm mỹ bằng hình thức phối kết các vật dụng, trang thiết bị hiện đại tạo phong cách riêng trong không gian sống, không gian làm việc, không gian sinh hoạt cộng đồng cũng như không gian nghỉ ngơi của con người.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về phong cách thiết kế nội thất; Các giải pháp không gian trong thiết kế nội thất; Công nghệ mới trong thiết kế không gian nội thất; Những ý tưởng trong thiết kế các không gian nhà ở; Tổ chức không gian nội thất văn phòng làm việc; Nội thất quán giải khát trong đô thị.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững lý thuyết các nguyên lý thiết kế các công năng trong công trình. - Nêu và giải thích về tỷ lệ, tỷ xích và modul trong thiết kế nội thất. - Nắm vững các giải pháp về không gian nội thất, màu sắc, ánh sáng, chất liệu. - Nắm vững các nguyên tắc thiết kế nội thất công trình nhà ở và công trình công cộng - Hiểu rõ các nguyên tắc vận hành của các trang thiết và vật dụng trong thiết kế nội thất công trình Kiến trúc.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp những kiến thức, kỹ năng đã học áp dụng trong công trình cụ thể. - Giúp sinh viên có được những khả năng sáng tác ý tưởng thiết kế nội thất Kiến trúc. - Vận dụng tốt các quy luật bố cục về tổ chức không gian, màu sắc, ánh sáng và chất liệu trong thiết kế nội thất.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp của kiến trúc sư cho sinh viên. - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy cho sinh viên. - Khả năng cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học. <p>Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời...</p>

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Liên hệ
CLO 1	Vận dụng được các kiến thức về phong cách thiết kế nội thất	Vận dụng	PI 2.1
CLO 2	Áp dụng được các nguyên lý bố cục tạo hình trong thiết kế nội thất công trình	Áp dụng	PI 2.2
CLO 3	Phân tích , đánh giá các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực thiết kế nội thất công trình	Phân tích	PI 5.1
CLO 4	Thể hiện được ý tưởng thiết kế nội thất công trình kiến trúc	Áp dụng	PI 7.2

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
CLO 1		R										
CLO 2		R										
CLO 3					M							
CLO 4							M					
Tổng hợp		R			M		M					

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ (thực hành)/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1	Chương 1. Tổng quan về thiết kế nội thất công trình kiến trúc 1.1 Giới thiệu môn học 1.2 Khái niệm chung về thiết kế nội thất công trình 1.3 Phương pháp học tập	1-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Xem thêm các thuật ngữ nội thất khác	C1 C2
2,3, 4	Chương 2. Nguyên lý thiết kế nội thất công trình 2.1 Bố cục 2.2 Ánh sáng 2.3 Màu sắc 2.4 Vật liệu 2.5 Nhân trắc học trong thiết kế nội thất	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Xem thêm các nguyên lý thiết kế khác trong học phần Nguyên lý thiết kế công trình	C1 C2 C3 C4
5	Thực hành 1: Tuyển họa nội thất công trình về các chủ đề cụ thể như bố cục, ánh sáng, màu sắc, vật liệu hoặc nhân trắc học	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Vấn đáp tại lớp	C1 C3 C4
6,7	Chương 3. Nguyên lý thiết kế nội thất nhà ở 3.1 Đặc điểm chung trong thiết kế nội thất nhà ở 3.2 Thiết kế nội thất công trình nhà ở 3.3 Thiết kế nội thất công trình nhà lưu trú	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Xem thêm các thuật ngữ nội thất khác	C1 C3 C4
8	Thực hành 2: Tuyển họa nội thất công trình nhà ở	0-3	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Vấn đáp tại lớp	C1 C3
9,10	Chương 4. Kiến trúc nội thất công trình công cộng 4.1 Đặc điểm chung trong thiết kế nội thất công trình công cộng 4.2 Thiết kế nội thất công trình dịch vụ, thương mại 4.3 Thiết kế nội thất nhà trưng bày	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Xem thêm các nguyên lý Kiến trúc nội thất công trình công cộng	C1 C4
11	Thực hành 3: Tuyển họa nội thất công trình công cộng	0-1	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Vấn đáp tại lớp	C1 C4
12	Thực hành 3: Tuyển họa nội thất công trình thương mại dịch vụ	0-1	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Vấn đáp tại lớp	C1 C4

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT /BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
13	Thực hành 4: Tuyển họa nội thất công trình trung bày, triển lãm	0-1	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Vấn đáp tại lớp	C1 C4
14,15	Thực hành 5: Bài tập lớn Thiết kế nội thất một trong các công trình sau: nhà phố, biệt thự, chung cư, căn hộ cho thuê, văn phòng làm việc, quán giải khát, nhà sách, cửa hàng bán và trưng bày hoa	0-6	+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Báo cáo chuyên đề + Vấn đáp tại lớp	C1 C2 C3 C4

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
5,8,11,12,13,14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân		Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Đánh giá bài thực hành	Thực hành 1: Tuyển họa nội thất công trình về các chủ đề cụ thể như bố cục, ánh sáng, màu sắc, vật liệu hoặc nhân trác học	C1 C3 C4	Tuần 5	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	10%
	Thực hành 2: Tuyển họa nội thất công trình nhà ở	C1 C3	Tuần 8	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	10%
	Thực hành 3: Tuyển họa nội thất công trình công cộng	C1 C4	Tuần 11	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	10%
	Thực hành 4: Tuyển họa nội thất công trình trung bày, triển lãm		Tuần 12	Báo cáo theo nhóm	Vấn đáp	10%
	Thực hành 5: Tuyển họa nội thất công trình trung bày, triển lãm		Tuần 13	Báo cáo cá nhân	Vấn đáp	20%
	Bài tập cuối kỳ	Thực hành 5: Bài tập lớn Thiết kế nội thất một trong các công trình sau: nhà phố, biệt thự, chung		Tuần 15	Báo cáo cá nhân	Tiêu chí 1

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
	cư, căn hộ cho thuê, văn phòng làm việc, quán giải khát, nhà sách, cửa hàng bán và trưng bày hoa					

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, đạt thẩm mỹ cao.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%
Kết quả mô phỏng	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng mạch không hoạt động hoặc hoạt động cho kết không đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mạch hoạt động cho kết chưa đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mạch hoạt động cho kết quả gần đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mạch hoạt động cho kết quả chính xác theo bài toán đặt ra.	50%

15. Tài liệu học tập

15.1. Sách, giáo trình chính:

- Bài giảng môn *Chuyên đề Nội thất Kiến trúc* (do GV biên soạn).

15.2. Tài liệu tham khảo:

- *Thiết kế nội thất*, Francis DK.Ching, Tái bản NXB Xây dựng, 2020.
- *Colour in interior design*, Jonh Pie, Bộ Khoa học và Công nghệ Mỹ, 2012.
- *Nghệ thuật bài trí của người Nhật*, Marie Kondo, Dịch giả Thanh Minh, 2013.
- *Phong thủy trong thiết kế Kiến trúc*, Sharon Staney, NXB Trẻ, 2012.
- *Nguyên lý thiết kế Kiến trúc nội thất*, Sở Giáo dục và Đào tạo, NXB Hà Nội 2011.
- *Design thị giác*, Nguyễn Luận, NXB. Mỹ thuật Hà Nội 1990.
- *Hình học trong Kiến trúc*, Đoàn Như Kim, NXB Xây dựng, 2005.
- *Cơ sở tạo hình Kiến trúc*, Võ Đình Diệp, NXB Xây dựng, 2001.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm;
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng;
- Tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

17. Phê duyệt:

Phó Trưởng Khoa

Phó Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506245	Tên học phần:	Chuyên đề mô phỏng trong kiến trúc
	Tên tiếng Anh:	Architectural Simulation Topic
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	0 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thanh Hòa	
Giảng viên 2	TS. Lưu Thiên Hương	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Tin học đồ họa kiến trúc 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Chuyên đề Mô phỏng trong kiến trúc giảng dạy cho sinh về tầm quan trọng của việc áp dụng phương pháp Mô phỏng hiệu năng công trình (BPS) trong quá trình thiết kế kiến trúc, đặc biệt là trước xu thế thiết kế bền vững và tiết kiệm năng lượng. Trong đó, phần mềm Ecotect sẽ được giới thiệu đến sinh viên với các chức năng chính rất hữu ích cho người sử dụng. Ngoài ra, môn học còn định hướng cho sinh viên kiến trúc khả năng mô phỏng và trích xuất kết quả, ứng dụng vào quá trình thiết kế nhằm tối ưu hóa các giải pháp thiết kế theo hướng bền vững và tiết kiệm năng lượng.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Khái niệm cơ bản về Mô phỏng hiệu năng công trình (BPS) trong thiết kế kiến trúc. - Giới thiệu cơ bản về phần mềm Ecotect và các chức năng chính của phần mềm
Kỹ năng	- Phương pháp mô phỏng ánh sáng, nhiệt, âm thanh bằng phần mềm Ecotect từ cơ bản đến nâng cao. - Có khả năng thiết lập mô hình trực tiếp bằng Ecotect hoặc trích xuất từ các phần mềm đồ họa khác. - Có khả năng chạy mô phỏng và trích xuất kết quả, phân tích kết quả mô phỏng.
Thái độ	- Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học cho sinh viên. - Tạo lập kỹ năng tư vấn và giới thiệu dự án đến với khách hàng, tăng khả năng thuyết minh dự án và trình chiếu thiết kế.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
C1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về Mô phỏng hiệu năng công trình (BPS) trong thiết kế kiến trúc.	Hiểu	
C2	Sử dụng được phần mềm Ecotect và các chức năng chính của phần mềm	Hiểu Vận dụng	
C3	Áp dụng phần mềm để mô phỏng ánh sáng, nhiệt, âm thanh từ cơ bản đến nâng cao.	Vận dụng	
C4	Có khả năng chạy mô phỏng và trích xuất kết quả, phân tích kết quả mô phỏng.	Vận dụng	
C5	Tăng kỹ năng tư vấn và giới thiệu dự án đến với khách hàng thông qua trình chiếu thiết kế dưới dạng 3D	Phân tích Sáng tạo	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1												
C2	-											
C3		C	C	C								TB
C4						TB	TB					
C5					TB			-	C	-	T	
Tổng hợp HP	-	C	C	C	TB	TB	TB	-	C	-	T	TB

**Chú thích: Cao (C), Trung bình (TB), Thấp (T), Không liên quan (-)*

TĐ - Học phần hỗ trợ tối đa cho việc đạt được PLO (cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT)

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2, 3	<p>Chương 1: Mô phỏng hiệu năng công trình (BPS)</p> <p>1.1 Khái niệm về mô phỏng hiệu năng công trình (BPS)</p> <p>1.2 Các phần mềm BPS trong thiết kế kiến trúc</p> <p>1.3 Hiệu quả của ứng dụng mô phỏng trong đào tạo kiến trúc.</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Tham gia thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về mô phỏng BPS 	C1, C2, C3, C4
4, 5, 6	<p>Chương 2: Giới thiệu phần mềm mô phỏng Ecotect</p> <p>2.1 Sự ra đời của phần mềm</p> <p>2.2 Các chức năng mô phỏng của Ecotect</p> <p>2.3 Giao diện và các thanh công cụ tính toán</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Tham gia thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về mô phỏng Ecotect 	C1, C2, C3, C4, C5

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
7, 8, 9	<p>Chương 3: Ứng dụng Ecotect trong tính toán nhiệt</p> <p>3.1 Thiết lập mô hình cơ bản</p> <p>3.2 Cài đặt các thông số chính</p> <p>3.3 Bài tập ứng dụng 1</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Tham gia thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về mô phỏng Ecotect 	C1, C2, C3, C4, C5
9	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		<ul style="list-style-type: none"> + Bài thi tự luận 	C1, C2, C3
10, 11, 12	<p>Chương 4: Ứng dụng Ecotect trong phân tích ánh sáng</p> <p>4.1 Thiết lập mô hình cơ bản</p> <p>4.2 Cài đặt các thông số chính</p> <p>4.3 Bài tập ứng dụng 2</p>	6-0	<ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Tham gia thảo luận nhóm 	<p>Trên lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm <p>Về nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về mô phỏng Ecotect 	C1, C2, C3, C4,

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
13, 14	Chương 5: Ứng dụng Ecotect trong phân tích âm thanh 5.1 Thiết lập mô hình cơ bản 5.2 Cài đặt các thông số chính 5.3 Bài tập ứng dụng 3	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Tham gia thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về mô phỏng Ecotect	C1, C2, C3, C4,
15	Báo cáo bài tập lớn	0-2		Trên lớp: + Báo cáo, mô hình hóa và xuất kết quả Về nhà: + Tự ôn tập	C3, C4, C5
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi thực hành trên máy	C3, C4, C5

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
1 đến 14	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 3 sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu sử dụng phần mềm Ecotect - Thiết kế và áp dụng phương pháp tạo lập và mô phỏng khi thiết kế công trình - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả thiết kế, mô phỏng vào tuần 15.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Sinh viên được phân bài tập áp dụng phương pháp mô phỏng bằng Ecotect khi thiết kế công trình	C2, C3, C4, C5	Tuần 15	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C3, C4, C5	Tuần 9	Kiểm tra thực hành	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C3, C4, C5	Tuần thi	Kiểm tra thực hành	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài	Nộp trên 50% số lượng bài tập được	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao).	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được	50%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
	tập được giao	giao. Chưa đúng thời gian quy định.	nộp chưa đúng thời gian quy định.	Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	giao). Đúng thời gian quy định.	
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả tính toán chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%

Kết quả mô phỏng	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng mô phỏng không chi tiết và cho kết không đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết chưa đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết cho kết quả gần đúng theo bài toán đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Mô phỏng chi tiết cho kết quả chính xác theo bài toán đặt ra.	50%
------------------	--	---	---	--	---	------------

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:
 1. Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm Ecotect – Đơn vị sở hữu bản quyền
- Sách, giáo trình chính:
 1. Các tài liệu tham khảo từ Internet.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Kiến trúc Mã ngành:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần:	Tên học phần: Xã hội học Đô thị
	Tên tiếng Anh: Sociology Urban
2. Số tín chỉ:	2
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	25 tiết
Bài tập (BT):	5 tiết
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	TS. Phan Bảo An
Giảng viên 2	Ths. Võ Thị Vỹ Phương
Giảng viên 3	Ths. Trương Nguyễn Song Hạ
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	Quy hoạch đô thị
Học phần học trước:	
Học phần song hành:	Lịch sử đô thị
6. Vị trí học phần trong chương trình:	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Xã hội học đô thị được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Xã hội học và xã hội học đô thị.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: cung cấp các thuật ngữ và khái niệm Xã hội học và Xã hội học Đô thị; giới thiệu về tổng quan lý thuyết môn Xã hội học; các nhân tố và thuộc tính xã hội tác động tới quy hoạch và quản lý đô thị và phương pháp điều tra xã hội học đô thị.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được khái niệm, thuật ngữ chuyên ngành và hiểu được tổng quan lý thuyết môn Xã hội học và Xã hội học Đô thị; hiểu được vai trò của xã hội học đô thị đối với ngành nghề kiến trúc; có nhận thức tương đối toàn diện về lĩnh vực Xã hội học và Xã hội học Đô thị + Hiểu rõ và hiểu được mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của chuyên ngành xã hội học đô thị (trên thế giới và ở Việt Nam); hiểu được các nhân tố và thuộc tính xã hội tác động đến công tác quy hoạch và quản lý đô thị.
Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được các phương pháp điều tra xã hội học; + Thực hành nhuần nhuyễn các phương pháp điều tra xã hội học (<i>lập bảng câu hỏi, chọn mẫu, thực hiện điều tra, tổng hợp và đánh giá kết quả điều tra xã hội học</i>) và phương pháp làm việc theo nhóm. + Có khả năng tổng kết và đưa ra được những lý luận từ bài giảng thông qua thực tiễn đời sống và các mối quan hệ xã hội trong lĩnh vực kiến trúc, đô thị; + Có khả năng vận dụng môn học trong sáng tác đồ án, nghiên cứu khoa học xã hội; Có khả năng tự cập nhật, tìm hiểu thêm các kiến thức mới nhất về môn học; góp phần hình thành và phát triển kỹ năng tư duy, phương pháp sáng tạo kiến trúc cho sinh viên; + Có kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> + Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và ứng dụng xã hội học đô thị vào các vấn đề quan tâm cũng như với môn học nói riêng và ngành học Kiến trúc công trình cho sinh viên; + Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức kỷ luật; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Năng lực CDIO
C1	Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản về Xã hội học, xã hội học đô thị	Hiểu	1.2, 1.3
C2	Giải thích và sử dụng được các phương pháp điều tra xã hội học trong trường hợp cụ thể.	Hiểu Áp dụng	2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 3.1, 3.2, 3.3
C3	Nghiên cứu được trường hợp cụ thể trong các vấn đề nghiên cứu của xã hội đô thị.	Vận dụng	4.3, 4.4

C4	Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình về vấn đề nghiên cứu	Vận dụng	4.5, 4.6, 4.7, 4.8
C5	Đề xuất các phương pháp nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu về các vấn đề đô thị.	Phân tích Sáng tạo	5.2, 5.3

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1	R	I	M	-	-	R	-	-	-	-	-	-
C2	R	A	-	-	-	R	-	-	-	-	-	-
C3	-	A	R	R	-	-	-	-	-	I	-	-
C4	-	-	-	R	-	-	-	-	-	I	-	-
C5	-	-	-	A	R	-	-	-	-	-	-	-
Tổng hợp HP	R	A	R	A	R	R	-	-	I	-	-	-

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 10 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Xã hội học (XHH) 1. Khái niệm và các định nghĩa về XHH. 2. Các bậc thầy sáng lập chuyên ngành XHH 3. XHH Đô thị. 3.1. Định nghĩa 3.2. Xã hội học đô thị trong xã hội hiện đại 3.3. Quá trình đô thị hoá. 4. Mối liên hệ giữa XHH và XHH đô thị	6/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm.	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Nghiên cứu tài liệu	C1, C2,
3, 4	Chương 2: Phương pháp nghiên cứu XHH đô thị 1. Các phương pháp điều tra, nghiên cứu XHH đô thị 2. Xác định đề tài và mô hình lý thuyết 3. Phương pháp chọn mẫu trong điều tra XHH.	4-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu các phương pháp điều tra XHH	C1, C2, C3,

5	Chương 3: Các trường phái trong XHH đô thị 1. Các quan điểm, lý thuyết môn XHH đô thị 2. Các bậc thầy trong lĩnh vực XHH đô thị 3. Những bản đề cấp bách của đô thị	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm + Làm bài tập Về nhà: + Ôn bài	C1, C2, C3, C4.
6	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		+ Xây dựng bảng câu hỏi điều tra XHH	C1, C2, C3.
7	Chương 4: Các nhân tố và thuộc tính xã hội tác động tới quy hoạch và quản lý đô thị 1. Sản phẩm của công tác QH 2. Quá trình xây dựng quy hoạch 3. Quy hoạch đô thị có sự tham gia của cộng đồng 4. Sự tác động của xã hội đến công tác quy hoạch và quản lý đô thị	5-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà.	C1, C2, C3, C4.
8,9	Chương 5: Những vấn đề nghiên cứu của môn XHH đô thị 1. XHH và các vấn đề đô thị 2. XHH và quy hoạch phát triển đô thị 3. Phát triển đô thị bền vững về mặt xã hội	4-2	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm + Mô phỏng + Giải quyết bài tập.	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm + Làm bài tập Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập.	C1, C2, C3, C4.
10	Báo cáo bài tập lớn	3-0		Trên lớp: + Báo cáo kết quả điều tra và tổng hợp số liệu nghiên cứu xã hội học.	C3, C4, C5.
Thi học kỳ	Nộp bài tập cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3, C5.

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
3-9	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học

5-10	<p>Bài tập lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nhóm 04 sinh viên nghiên cứu, - Xây dựng bảng câu hỏi điều tra xã hội học; - Thực hành điều tra với quy mô tối thiểu 120 mẫu (mỗi SV 30 mẫu) - Phân tích, cập nhật dữ liệu bằng phần mềm, xây dựng biểu đồ báo cáo kết quả điều tra XHH. - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu; trình bày đề hoàn thiện và nộp báo cáo làm Bài tập cuối kỳ.
------	--

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm	Phương pháp	Tiêu chí	Trọng số
			Đánh giá			
Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Kiểm tra	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Thực hiện: Xây dựng bảng hỏi Điều tra XHH Biết cách chọn mẫu và tổng hợp số liệu	C2, C3, C4, C5	Tuần 10	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân, nhóm	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá cuối kỳ	Báo cáo nghiên cứu	C1, C2, C3, C5	Tuần thi	Báo cáo nhóm	Tiêu chí 2 Tiêu chí 3	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập Bài tập không đủ thành phần 50% số lượng được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	30%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ. Nhưng phương pháp trình bày sai, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong nghiên cứu, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, Cách trình bày hợp lý nhưng chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày chi tiết, rõ ràng, logic. Kết quả nghiên cứu có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	30%
Kết quả nghiên cứu	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Đáp ứng nhiệm vụ của bài tập.	70%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin, hiểu biết những còn chưa thuyết phục.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

1. Joseph, H. Fichter, *Xã hội học*, NXB Đại học tổng hợp Chicago, 1971.
2. Tonni Billton, Kevin Bonett, Philip Jones, Michelle Stanworth, Ken Sheart và andrew Webster, *Nhập môn xã hội học*, Nhà xuất bản khoa học xã hội 1993.
3. Trương Quang Thao, *Xã hội học với kiến trúc đô thị*, Nhà xuất bản DDH và THCN 1997.
4. Nhận dạng vài khía cạnh khoa học, trong kiến trúc học và đô thị học, Tài liệu DDDHXD Hà Nội, 1995.

5. Tô Thị Minh Thôn, Trịnh Duy Luân, Phạm Kim Giao, *Xã hội trong quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị*, NXB KHXH, 1996.
6. Đàm Trung Phồng và nhóm tác giả, *Đô thị Việt Nam*, Nhà xuất bản xây dựng. 1994.
7. E. Belaieva, M. Vitvitsky, E. Goldzamt cùng nhiều tác giả khác của Liên Xô và nước ngoài, *Thành phố và thời gian*, Nhà xuất bản Moscow, 1973.
8. A. E. Gutnop và I. G. Lejava, *Tương lai của đô thị*, Nhà xuất bản Moscow, 1977.
9. I. P. Botsarov, *Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại*, NXB Hà Nội, 1975.
10. Edward W. Said *Orientalism*, NXB chính trị Quốc gia, 1998.
11. Fernand Braudel, *Les Structures du Quolidien*, NXB thế giới, 1998.
12. Đào Hữu Hồ, *Thống kê xã hội học*, NXB DDH Quốc gia Hà Nội.1996.
13. Tập thể tác giả (Trịnh Duy Luân chủ biên), *Tìm hiểu môn xã hội học đô thị*, NXB KHXH.1996.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện bài tập lớn theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kiến trúc

Mã ngành: 7510101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần:	Tên học phần: Kiến trúc cảnh quan
	Tên tiếng Anh: Landscape Architecture
2. Số tín chỉ:	2
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	20 tiết
Bài tập (BT):	10 tiết
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	30 tiết
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	ThS.KTS Trương Thị Huyền Anh
Giảng viên 2	ThS.KTS Võ Thị Vy Phương
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	Quy hoạch đô thị 1
Học phần song hành:	
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành bắt buộc

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Kiến trúc cảnh quan là nghệ thuật, lập kế hoạch phát triển, thiết kế, quản lý, bảo tồn và phục chế lại cảnh quan của khu vực và địa điểm xây dựng của con người. Phạm vi hoạt động của kiến trúc cảnh quan liên quan đến thiết kế kiến trúc, thiết kế tổng mặt bằng, phát triển bất động sản, bảo tồn và phục chế môi trường, thiết kế đô thị, quy hoạch đô thị, thiết kế các công viên và các khu vực nghỉ ngơi giải trí và bảo tồn di sản.

Vì vậy, học phần Kiến trúc cảnh quan là cơ sở lý luận quan trọng, rất cần thiết cho sinh viên trong quá trình học các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, Đồ án môn học và trong quá trình làm việc thực tế.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm và hiểu được các định nghĩa, thuật ngữ, khái niệm trong thực hiện công tác thiết kế kiến trúc cảnh quan, các thành phần cơ bản tạo nên Kiến trúc cảnh quan. + Giải thích được mục tiêu, phương pháp và đối tượng thực hiện thiết kế; + Nắm và hiểu rõ lý do của công tác thiết kế kiến trúc cảnh quan; hiểu tác động của quá trình đô thị hoá trong đời sống số thị hiện tại; + Nắm bắt được các nguyên lý chính của lý luận kiến trúc cảnh quan, các xu thế phát triển của kiến trúc cảnh quan hiện nay. + Nắm được lịch sử hình thành và phát triển của khoa học Kiến trúc cảnh quan. + Nắm được nguyên tắc quy hoạch và thiết kế một số loại hình cảnh quan kiến trúc thường gặp. + Hiểu được vai trò của Kiến trúc cảnh quan trong thiết kế kiến trúc; hiểu được mục tiêu của môn học Kiến trúc cảnh quan đối với kiến trúc sư hành nghề trong tương lai.

Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng ứng dụng thiết kế một số loại hình cảnh quan kiến trúc thường gặp. + Có khả năng ứng dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học cho các môn học chuyên ngành kế tiếp. + Có kỹ năng làm việc và thảo luận nhóm, kỹ năng tự tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và tổng hợp những cứ liệu phát triển đô thị thành hệ thống bài phân tích, lý luận để trình bày. Phát triển năng lực phân tích vấn đề, đặt vấn đề và đánh giá kết quả điều tra. + Có khả năng tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> + Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và ứng dụng các kiến thức đã học vào thiết kế kiến trúc cảnh quan ; + Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức kỷ luật; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Chú thích
CLO1	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản về kiến trúc cảnh quan; + Hiểu được các thuật ngữ cơ bản về kiến trúc cảnh quan; + Hiểu được các nguyên tắc, quy định về thiết kế kiến trúc cảnh quan + Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của kiến trúc cảnh quan trong phát triển và xây dựng thiết kế kiến trúc; + Hiểu được các nguyên tắc thiết kế kiến trúc cảnh quan trong quá khứ, hiện tại và dự báo xu hướng phát triển đô thị trong tương lai. 	Hiểu	
CLO2	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm rõ và hiểu được mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. + Nắm được nguyên tắc quy hoạch và thiết kế một số loại hình cảnh quan kiến trúc thường gặp. + Vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hành Đồ án kiến trúc cảnh quan 	Hiểu Áp dụng	
CLO3	+ Nghiên cứu và vận dụng thiết kế kiến trúc cảnh quan	Vận dụng	

	cho trường hợp cụ thể; + Hiểu các thuật ngữ, nguyên lý, thông số kỹ thuật trong trình bày và đọc bản vẽ kiến trúc cảnh quan;		
--	---	--	--

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PL O	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
C1	M,A	R										
C2	TB	R,A										
C3						R						
Tổng hợp HP	M,A					R						

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO/PI theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;
- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả PLO đó.

- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI.

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 10 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết (01 tín chỉ)/buổi.

Học phần có kiểm tra giữa kỳ, Bài tập lớn và thi cuối kỳ.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Những khái niệm cơ bản 1. Khái niệm chung về cảnh quan 2. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của kiến trúc cảnh quan.	4/0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm.	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà:	CLO1, CLO2

				+ Nghiên cứu tài liệu	
3,4,5,6	<p>Chương 2: Lược khảo lịch sử hình thành và phát triển Kiến trúc cảnh quan</p> <p>1. Những đặc trưng của sự hình thành và phát triển Kiến trúc cảnh quan thời kỳ tiền công nghiệp.</p> <p>2. Những đặc trưng của sự hình thành và phát triển Kiến trúc cảnh quan thời kỳ công nghiệp.</p> <p>3. Những đặc trưng của sự hình thành và phát triển Kiến trúc cảnh quan thời kỳ hậu công nghiệp.</p> <p>4. Môi quan hệ tương hỗ giữa kiến trúc cảnh quan và quy hoạch không gian trong quá trình hình thành và phát triển vùng miền và điểm dân cư.</p> <p>5. Các nhận xét chính</p>	10/0	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà</p> <p>Phân tích đô thị</p>	CLO1, CLO2, CLO3
KT	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		Làm bài kiểm tra	CLO1, CLO2, CLO3
7,8,9	<p>Chương 3 : Quy hoạch và thiết kế cảnh quan</p> <p>1. Các nguyên tắc bố cục cảnh quan</p> <p>2. Quy hoạch cảnh quan</p> <p>3. Thiết kế cảnh quan một số loại hình chủ yếu</p>	6/10	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Trình chiếu</p> <p>+ Đặt vấn đề, thảo luận nhóm</p>	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà.</p>	CLO1, CLO2, CLO3
10	Báo cáo bài tập lớn	3-0		<p>Trên lớp:</p> <p>+ Báo cáo Bài tập lớn.</p>	CLO3
Thi học kỳ	Thi kiểm tra cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	CLO1, CLO2, CLO3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
3-9	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
5-10	<p>Bài tập lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi nhóm 04 sinh viên nghiên cứu, - Tổng hợp các lý thuyết về kiến trúc cảnh quan.; - Xây dựng báo cáo về thiết kế kiến trúc cảnh quan.; - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu; trình bày để hoàn thiện và nộp báo cáo làm Bài tập lớn.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm	Phương pháp	Tiêu chí	Trọng số
			Đánh giá			
Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Kiểm tra	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Thực hiện: Bài tập theo yêu cầu của giảng viên: thực hiện tổng hợp các dữ liệu, thông tin để phục vụ quy hoạch Biết cách tổng hợp số liệu	C2, C3, C4, C5	Tuần 10	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân, nhóm	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận	C1, C2, C3, C5	Tuần thi	Báo cáo nhóm	Tiêu chí 2 Tiêu chí 3	50%

Tiêu chí 1 – Bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài Bài làm không đủ thành phần 50% số lượng được giao	Nộp Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài đúng thời gian quy định.	Nộp bài đúng thời gian quy định.	30%

Nội dung bài tập	Nội dung bài làm không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm đầy đủ, đúng yêu cầu nhiệm vụ nhưng còn một số sai sót trong phân tích, đánh giá và vận dụng các kiến thức đã học	Nội dung bài làm đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm đầy đủ, hợp lý, trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, khoa học.	70%
------------------	---	---	--	--	--	------------

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ. Nhưng phương pháp trình bày sai, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong nghiên cứu, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, Cách trình bày hợp lý nhưng chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày chi tiết, rõ ràng, logic. Kết quả nghiên cứu có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	30%
Kết quả nghiên cứu	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Đáp ứng nhiệm vụ của bài tập.	70%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin, hiểu biết những còn chưa thuyết phục.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

- + *Giáo trình bắt buộc*: Kiến trúc cảnh quan, Hàn Tất Ngạn, NXB Xây dựng Hà Nội, 1999.
- + *Tài liệu tham khảo*:
- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, Nguyễn Thế Bá, NXB Xây dựng Hà Nội, 1999.

- Tổ chức và quản lý môi trường cảnh quan đô thị, Nguyễn Thị Thanh Thủy, NXB Xây dựng Hà Nội, 1997.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.

- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.

- Phải tham gia thực hiện bài tập lớn theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Kiến trúc

Mã ngành: 7510101

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần:	Tên học phần: Chuyên đề quy hoạch bền vững
	Tên tiếng Anh: Sustainable planning topic
2. Số tín chỉ:	2
3. Phân bố thời gian:	
Lý thuyết (LT):	15 tiết
Bài tập (BT):	15 tiết
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	30 tiết
4. Các giảng viên phụ trách học phần:	
Giảng viên 1	TS. Phan Bảo An
Giảng viên 2	Ths. Trương Thị Huyền Anh
Giảng viên 3	Ths. Võ Thị Vy Phương
5. Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần học trước:	Kiến trúc nhập môn
Học phần song hành:	
6. Vị trí học phần trong chương trình:	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần Chuyên đề quy hoạch bền vững trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phát triển đô thị bền vững trên quan điểm môi trường, kinh tế và xã hội; việc thực hiện các chính sách trong quản lý đô thị theo hướng phát triển bền vững.

Nội dung học phần chuyên đề quy hoạch bền vững giúp sinh viên tích lũy được các kiến thức chuyên sâu về quy hoạch, phân tích dữ liệu và đánh giá thực trạng đô thị trên cơ sở các môn lý thuyết chuyên ngành, các bài tập thực hành thiết kế, đồ án môn học của ngành CNKT Kiến trúc từ đó tư duy và phát triển phương pháp thiết kế kiến trúc, quy hoạch phục vụ học tập và trong quá trình hành nghề thực tế sau khi ra trường.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: tổng quan về phát triển bền vững, quy hoạch và thiết kế kiến trúc theo hướng bền vững; quan điểm phát triển bền vững trên thế giới.

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và giải thích các khái niệm về phát triển bền vững, kiến trúc bền vững, quy hoạch bền vững. - Nắm bắt được các khái niệm mới về kinh tế tuần hoàn và quan điểm bảo vệ môi trường sống; - Nắm được các phương pháp đánh giá phát triển đô thị theo hướng bền vững, các phương pháp quy hoạch, quản lý và định hướng phát triển bền vững hiện nay - Hiểu và nắm rõ phương pháp tiếp cận khi nghiên cứu quy hoạch và thiết kế kiến trúc bền vững. - Hiểu và có thể tìm thấy các công cụ phục vụ đánh giá, thiết kế đô thị, quy hoạch đô thị đang được áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam. - Tiếp cận với kiến thức thực tế về quy hoạch bền vững.
Kỹ năng	<p>Có khả năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - áp dụng các kiến thức nêu trên vào thiết kế các công trình kiến trúc theo hướng bền vững tại trường và thực tế hành nghề sau khi tốt nghiệp. - nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn về lĩnh vực phát triển đô thị và quy hoạch bền vững trong tương lai; - tổng hợp những kiến thức đã học và áp dụng để học các học phần tiếp theo, tạo cơ sở để hình thành và phát triển khả năng sáng tạo. - kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình - hình thành và phát triển kỹ năng tư duy thiết kế theo hướng bền vững cho sinh viên và cập nhật các kiến thức mới nhất về môn học.
Thái độ	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học nói riêng và ngành CNKT Kiến trúc cho sinh viên. - Có ý thức tự học, tự nghiên cứu. - Có ý thức kỷ luật; tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm.

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Năng lực CDIO
C1	- Hiểu và nắm được các khái niệm về kiến trúc bền vững, phát triển đô thị bền vững, hạ tầng xanh, kinh tế tuần hoàn và quy hoạch đô thị theo các tiêu chí phát triển bền vững; - Nắm được các phương pháp đánh giá phát triển bền vững, các phương pháp quy hoạch, quản lý và định hướng phát triển bền vững hiện nay.	Hiểu	1.2, 1.3
C2	- Có khả năng nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn về lĩnh vực phát triển đô thị và quy hoạch bền vững trong tương lai; - Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào đồ án thiết kế quy hoạch;	Hiểu Áp dụng	2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 3.1, 3.2, 3.3
C3	- Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến vấn đề phát triển đô thị theo hướng bền vững. - Vận dụng kiến thức đã học trong nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững	Vận dụng	4.3, 4.4
C4	- Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình về vấn đề nghiên cứu	Vận dụng	4.5, 4.6, 4.7, 4.8
C5	- Đề xuất các phương pháp nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu về các vấn đề phát triển bền vững trong thiết kế kiến trúc, quy hoạch.	Phân tích Sáng tạo	5.2, 5.3

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1	TB	-	T	-	-	-	-	-	-	-	-	-
C2	TB	C	-	-	-	-	-	-	-	-	T	-
C3	-	C	TB	TB	-	-	T	-	-	-	-	T
C4	-	-	-	TB	-	TB	-	-	-	-	T	-
C5	-	-	-	C	TB	-	-	-	-	-	-	-
Tổng hợp HP	TB	C	T	C	TB	TB	T				T	T

**Chú thích: Cao (C), Trung bình (TB), Thấp (T), Không liên quan (-). TB - Học phần hỗ trợ tối đa cho việc đạt được PLO (cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT)*

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 10 tuần: 1 buổi/tuần, 3 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	<p>Chương 1: Tổng quan về phát triển bền vững</p> <p>1. Tổng quan về xu hướng phát triển bền vững</p> <p>2. Phát triển bền vững trong lĩnh vực quy hoạch đô thị</p> <p>3. Bối cảnh ra đời và các khái niệm về phát triển bền vững</p> <p>4. Khái niệm quy hoạch bền vững</p> <p>5. Các khái niệm mới về phát triển bền vững</p>	3/3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm.	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Nghiên cứu tài liệu</p>	C1, C2,
3, 4	<p>Chương 2: Các xu hướng quy hoạch bền vững và quan điểm phát triển bền vững trên thế giới</p> <p>1. Quan điểm chung và nhận thức về phát triển bền vững</p> <p>2. Một số xu hướng phát triển bền vững trên thế giới</p> <p>3. Định hướng phát triển bền vững trong tương lai</p> <p>4. Thảo luận</p> <p>5. Bài tập lớn - Nhóm 2 (Báo cáo)</p>	3/3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài và làm bài tập về nhà</p>	C1, C2, C3,
KT	Kiểm tra giữa kỳ			Bài thi	
5,6	<p>Chương 3: Định hướng phát triển bền vững tại Việt Nam</p> <p>1. Khái niệm về kiến trúc, quy hoạch và phát triển bền vững ở Việt Nam</p> <p>2. Thực trạng xu hướng phát triển kiến trúc bền vững tại Việt Nam</p> <p>3. Xu hướng phát triển bền vững và quy hoạch, kiến trúc bền vững tại Việt Nam</p> <p>4. Bài tập lớn - Nhóm 1 (Báo cáo)</p>	3/3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	<p>Trên lớp:</p> <p>+ Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm + Làm bài tập</p> <p>Về nhà:</p> <p>+ Ôn bài</p>	C1, C2, C3, C4.

7,8	Chương 4: Ứng dụng mô hình phát triển bền vững 1. Phương pháp tiếp cận 2. Vai trò của quản lý đô thị trong phát triển bền vững 3. Các mô hình phát triển đô thị bền vững tiêu biểu 4. Quy hoạch bền vững trong tương lai 5. Sinh hoạt chuyên đề 6. Bài tập lớn - Nhóm 3 (Báo cáo)	3/3	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Thảo luận nhóm + Làm bài tập Về nhà: + Ôn bài	C1, C2, C3.
9	Bài tập lớn	0/3	+ Tham quan thực tế + Đề xuất các tiêu chí quy hoạch đô thị xanh, đô thị phát triển bền vững	+ Ghi chép + Thảo luận nhóm	C1, C2, C3, C4.
10	Báo cáo bài tập lớn	3/0		Trên lớp: + Báo cáo kết quả điều tra và tổng hợp số liệu về vấn đề phát triển bền vững + Tập hợp các tiêu chí phát triển bền vững trong quy hoạch đô thị.	C3, C4, C5.
Thi học kỳ	Bài thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3, C5.

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
3-9	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
5-10	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 04 sinh viên nghiên cứu, - Tổng hợp và xây dựng khung tiêu chí đánh giá;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành đánh giá công trình tham quan thực tế với khung tiêu chí đã xây dựng - Phân tích, đánh giá đô thị thực tế (trao đổi, thảo luận) - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả nghiên cứu; trình bày đề hoàn thiện và nộp báo cáo làm Bài tập cuối kỳ.
--	---

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm	Phương pháp	Tiêu chí	Trọng số
			Đánh giá			
Kiểm tra giữa kỳ	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Kiểm tra	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%
Bài tập lớn	Thực hiện: - Xây dựng khung tiêu chí đánh giá các tiêu chuẩn công trình xanh - Đánh giá và phân tích dựa trên công trình thực tế - Hoàn thiện bộ tiêu chí	C2, C3, C4, C5	Tuần 10	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân, nhóm	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi	C1, C2, C3, C5	Tuần thi	Thi tự luận	Tiêu chí 2 Tiêu chí 3	50%

Tiêu chí 1 – Bài kiểm tra

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài Bài làm không đủ thành phần 50% số lượng được giao	Nộp Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài đúng thời gian quy định.	Nộp bài đúng thời gian quy định.	30%
Nội dung bài tập	Nội dung bài làm không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm đầy đủ, đúng yêu cầu nhiệm vụ nhưng còn một số sai sót trong phân tích, đánh giá và vận dụng các kiến thức đã học	Nội dung bài làm đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài làm đầy đủ, hợp lý, trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, khoa học.	70%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ. Nhưng phương pháp trình bày sai, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong nghiên cứu, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, Cách trình bày hợp lý nhưng chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình bày chi tiết, rõ ràng, logic. Kết quả nghiên cứu có phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	30%
Kết quả nghiên cứu	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng còn nhiều điểm chưa phù hợp.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Đáp ứng nhiệm vụ của bài tập.	70%

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin, hiểu biết những còn chưa thuyết phục.	Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

- 1- Kiến trúc sinh khí hậu: Thiết kế Sinh khí hậu trong Kiến trúc Việt Nam, Phạm Đức Nguyên, NXB Xây dựng Hà Nội, 2012
- 2- Các giải pháp thiết kế công trình xanh ở Việt Nam, Phạm Ngọc Đăng, Nguyễn Việt Anh, Phạm Thị Hải Hà, Nguyễn Văn Muôn, NXB Xây dựng Hà Nội, 2014
- 3- Phát triển Kiến trúc bền vững, Kiến trúc xanh ở Việt Nam, Phạm Đức Nguyên, NXB Xây dựng Hà Nội, 2012
- 4- Thiết kế với thiên nhiên, Ken Yeang, NXB Tri thức Tp. HCM, 2011
- 5- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, Nguyễn Thế Bá, NXB Xây dựng Hà Nội, 2013
- 6- Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị, Nguyễn Đăng Sơn, NXB Xây dựng Hà Nội, 2011

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện bài tập lớn theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Phan Tiến Vinh

Võ Thị Vỹ Phương

Phan Bảo An

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **CNKT Kiến trúc**

Mã ngành: **7510101**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Mã học phần: 5506248	Tên học phần:	Kỹ thuật hạ tầng đô thị
	Tên tiếng Anh:	Urban Infrastructure Engineering
2. Số tín chỉ:	2	
3. Phân bố thời gian:		
Lý thuyết (LT):	30 tiết	
Bài tập (BT):	00 tiết	
Tự học và thảo luận nhóm (TH):	60 tiết	
4. Các giảng viên phụ trách học phần:		
Giảng viên 1	ThS. Lê Thanh Hòa	
Giảng viên 2	TS. Đinh Nam Đức	
5. Điều kiện tham gia học phần:		
Học phần tiên quyết:		
Học phần học trước:	Quy hoạch đô thị 1	
Học phần song hành:		
6. Vị trí học phần trong chương trình:	Học phần cơ sở ngành	

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Môn học kỹ thuật hạ tầng đô thị trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hệ thống hạ tầng kỹ thuật của đô thị. Đây chính là những kiến thức quan trọng, rất cần thiết và là cơ sở cho sinh viên trong việc đề xuất các giải pháp thiết kế quy hoạch trong các bài tập thực hành thiết kế quy hoạch tại Trường và trong quá trình làm việc thực tế sau này. Các nội dung trọng tâm của môn học này bao gồm: tổng quan về các khái niệm liên quan đến hạ tầng kỹ thuật đô thị, công tác chuẩn bị khu đất xây dựng đô thị, giao thông đô thị, và cấp thoát nước đô thị

8. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	- Nêu và giải thích được các khái niệm chung về các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của đô thị. - Giải thích được bản chất các hệ thống này và nguyên tắc thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
Kỹ năng	- Ứng dụng để thiết kế hạ tầng đô thị cho các dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc chỉnh trang đô thị. - Ứng dụng các kỹ năng nêu trên cho các môn học chuyên ngành kế tiếp.
Thái độ	- Tạo sự thích thú, sự say mê nghiên cứu và sự yêu thích đối với môn học cho sinh viên. - Làm việc và hợp tác với 1 nhóm người học tích cực và có hiệu quả

9. Chuẩn đầu ra học phần (CLO): Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng

CLO	Mô tả	Thang đo Bloom	Ghi chú
C1	Giải thích được các khái niệm chung về các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của đô thị.	Hiểu	
C2	Nắm được các nguyên tắc thiết kế các hệ thống hạ tầng kỹ thuật.	Hiểu Vận dụng	
C3	Áp dụng các kiến thức về thiết kế hạ tầng đô thị cho các dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc chỉnh trang đô thị.	Vận dụng	
C4	Có khả năng tổ chức, thảo luận để vận hành nhóm làm việc hiệu quả, viết báo cáo và thuyết trình chủ đề liên quan đến kỹ thuật hạ tầng đô thị.	Vận dụng	
C5	Đề xuất được các giải pháp thiết kế hạ tầng đô thị mới, tương thích với điều kiện cho trước của khu vực đô thị.	Phân tích Sáng tạo	

10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra học phần (CLO) với Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

PLO	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12
C1												
C2	TB											
C3		C	C									-
C4						TB	-					
C5				TB	-			-	-	-	T	
Tổng hợp HP	TB	C	C	TB	-	TB	-	-	-	-	T	-

**Chú thích: Cao (C), Trung bình (TB), Thấp (T), Không liên quan (-)*

TĐ - Học phần hỗ trợ tối đa cho việc đạt được PLO (cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT)

11. Cấu trúc học phần:

Học phần được tổ chức giảng dạy trong 15 tuần: 1 buổi/tuần, 2 tiết tín chỉ/buổi.

12. Lịch trình, nội dung và phương pháp giảng dạy học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
1, 2	Chương 1: Mở đầu 1.1 Khái niệm về đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị 1.2 Vai trò và đặc tính của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị 1.3 Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật các đô thị Việt Nam	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về đô thị và hạ tầng đô thị	C1, C2, C3, C4
3, 4	Chương 2: Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng đô thị 2.1 Đánh giá và lựa chọn đất xây dựng đô thị 2.2 Quy hoạch chiều cao nền khu đất xây dựng đô thị	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về đô thị và hạ tầng đô thị	C1, C2, C3, C4, C5

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
5, 6, 7, 8, 9	Chương 3: Giao thông đô thị 3.1 Quy hoạch giao thông đô thị 3.2 Thiết kế đường đô thị 3.3 Thiết kế không gian và các công trình phục vụ giao thông	10-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về giao thông đô thị	C1, C2, C3, C4, C5
9	Kiểm tra giữa kỳ	0-1		+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3
10, 11, 12	Chương 4: Hệ thống cấp nước đô thị 4.1 Khái niệm chung về hệ thống cấp nước đô thị 4.2 Nguồn nước 4.3 Thiết kế mạng lưới cấp nước	6-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm Về nhà: + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về cấp nước đô thị	C1, C2, C3, C4,
13, 14	Chương 5: Hệ thống thoát nước đô thị 5.1 Sơ đồ và các hệ thống thoát nước 5.2 Thiết kế mạng lưới thoát nước thải	4-0	+ Thuyết giảng + Trình chiếu + Đặt vấn đề, thảo luận nhóm	Trên lớp: + Nghe giảng + Ghi chép + Tham gia thảo luận nhóm	C1, C2, C3, C4,

Tuần	Nội dung	Số tiết (LT/BT)	Phương pháp giảng dạy	Hoạt động học tập của sinh viên	CLO
	5.3 Thoát nước mưa và thoát nước chung			<i>Về nhà:</i> + Ôn bài và làm bài tập về nhà + Nghiên cứu tài liệu về thoát nước đô thị	
15	Báo cáo bài tập lớn	0-2		<i>Trên lớp:</i> + Báo cáo thuyết trình bài tập <i>Về nhà:</i> + Tự ôn tập	C3, C4, C5
Tuần thi học kỳ	Thi cuối kỳ			+ Bài thi tự luận	C1, C2, C3

13. Các hoạt động theo nhóm:

Tuần	Nội dung hoạt động
1-14	Thảo luận và làm bài tập theo nhóm trong quá trình học
4 đến 9	Bài tập lớn - Mỗi nhóm 3 sinh viên nghiên cứu, lựa chọn 1 khu vực cần thiết kế hạ tầng - Các nhóm viết báo cáo, thuyết trình kết quả thiết kế quy hoạch vào tuần 15.

14. Kế hoạch đánh giá:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên	Bài tập cá nhân	C1, C2, C3	Mỗi buổi học	Đánh giá bài tập	Tiêu chí 1	10%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CLO	Thời điểm đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
Bài tập lớn	Sinh viên được phân bài tập tìm hiểu, nghiên cứu, lựa chọn 1 khu vực cần thiết kế hạ tầng	C2, C3, C4, C5	Tuần 15	Đánh giá báo cáo	Tiêu chí 2	10%
				Vấn đáp cá nhân	Tiêu chí 3	10%
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	C1, C2, C3	Tuần 9	Kiểm tra tự luận	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	20%
Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	C1, C2, C3	Tuần thi	Kiểm tra tự luận	2-3 câu/10 điểm đúng theo đáp án	50%

Tiêu chí 1 – Bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không có bài tập hoặc nộp dưới 50% số bài tập được giao	Nộp trên 50% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời	Nộp trên 80% số lượng được giao. Một số bài tập chưa nộp đúng thời	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	50%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		gian quy định.	gian quy định.	thời gian quy định.		
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, sơ sài không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Tiêu chí 2 – Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Kết quả thiết kế chưa đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong thiết kế quy hoạch, một số nội dung chưa hợp lý	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, chính xác. Kết quả thiết kế quy hoạch chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả quy hoạch và các phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	50%

Kết quả thiết kế quy hoạch	Không có hoặc kết quả không phù hợp với yêu cầu.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Nhưng giải pháp không chi tiết và cho kết không đúng theo yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Giải pháp chi tiết chưa đúng theo yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Giải pháp quy hoạch chi tiết cho kết quả gần đúng theo yêu cầu đặt ra.	Kết quả phù hợp theo yêu cầu. Giải pháp quy hoạch chi tiết cho kết quả chính xác theo yêu cầu đặt ra.	50%
----------------------------	--	---	---	--	---	------------

Tiêu chí 3 – Vấn đáp cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung trả lời	Không trả lời được hoặc các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. .	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	100%

15. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

1. Bùi Khắc Toàn, Kỹ thuật hạ tầng kỹ thuật, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội, 2009.

- Sách (TLTK) tham khảo:

1. Phạm Trọng Mạnh, Quản lý hạ tầng kỹ thuật, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội, 2006.

2. Phạm Thị Xuân Thọ, Địa lý đô thị, Nhà xuất bản Giáo dục, 2008.

16. Quy định học phần

16.1. Quy định chung

- Sinh viên tuân theo quy chế đào tạo hiện hành.

16.2. Quy định học phần

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Sinh viên phải làm và nộp bài tập các nhân, bài tập nhóm và thực hiện báo cáo nhóm.
- Sinh viên phải tuân thủ nội quy lớp học, không sử dụng máy tính, điện thoại, nói chuyện riêng. Phải tích cực thảo luận, phát biểu các nội dung liên quan đến chủ đề môn học khi giáo viên yêu cầu.
- Phải tham gia thực hiện đồ án học phần theo nhóm. Báo cáo phải được thực hiện bằng chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện là sao chép thì bị điểm 0.

17. Phê duyệt:

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

- 3.11. Thiết bị kỹ thuật trong nhà
- 3.12. Kết cấu công trình 2
- 3.13. Chuyên đề kết cấu Công trình
- 3.14. Dự toán xây dựng